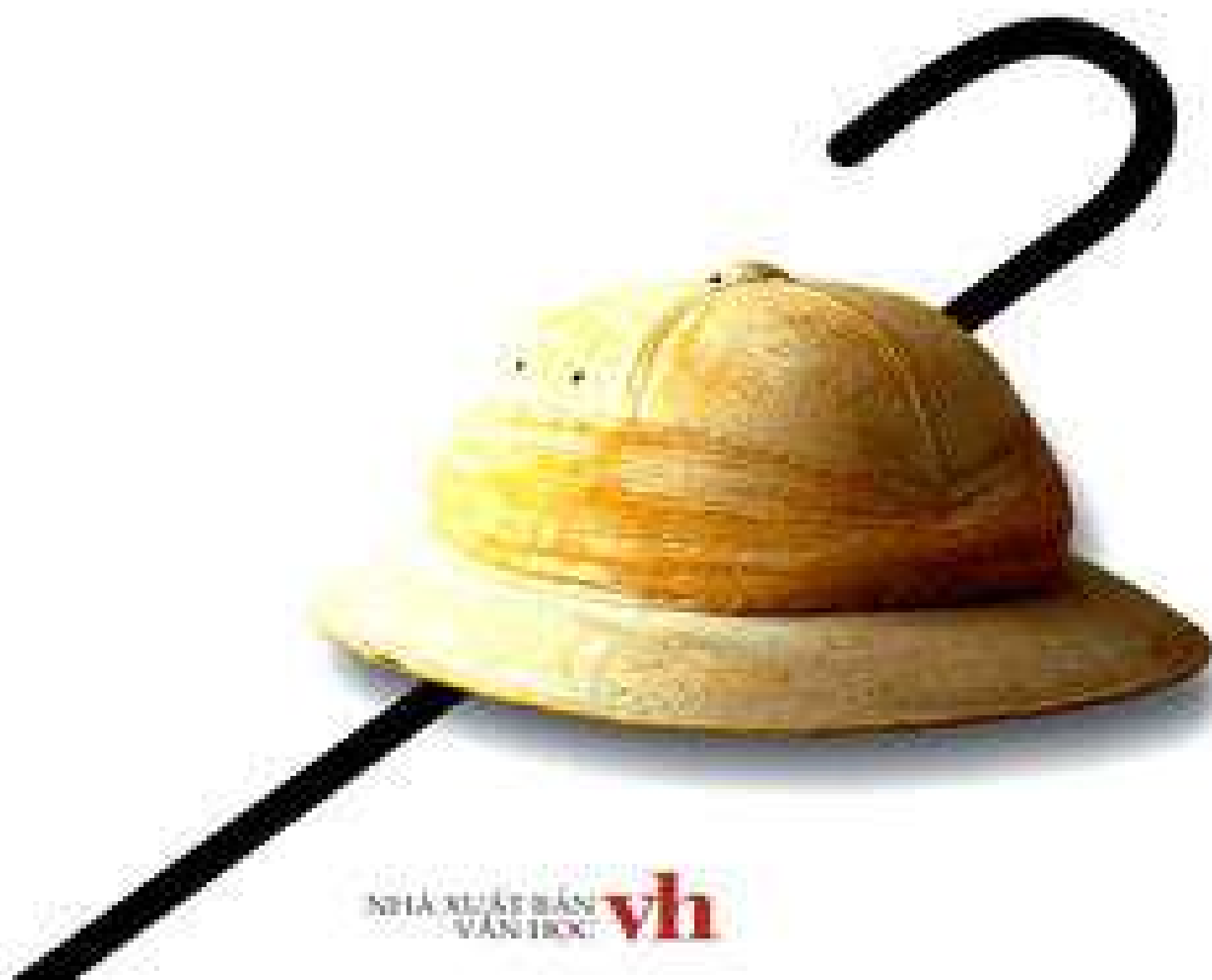


TÁC PHẨM CHỌN LỌC VĂN HỌC VIỆT NAM
NGUYỄN TUÂN

CHÙA ĐÀN

VANG BÓNG MỘT THỜI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN THƠ **vh**

Mục lục

Chùa Đàn - Dựng

"Tâm Sự Của Nước Độc"

Mở đầu Cuối

Vang Bóng Một Thời - Bữa Rượu Máu

Hồi Chiêng Đã Mau

Những Chiếc Ấm Đất

Thả Thơ

Đánh Thơ

Ngôi Mả Cũ

Hương Cuội

Chữ Người Tử Tù

Một Đám Bất Đặc Dĩ

Chén Trà Sương

Trên Đỉnh Non Tản

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Chùa Đàn - Dựng

Bị phát vãng lên đường ngược, ở một tỉnh phía tây Bắc Bộ vào những năm khủng bố thời Pháp thuộc ấy, tôi đã chú ý đến một người tù.

Anh Lịnh.

Thật vậy, trong đời sống hàng ngày của trại an trí, người bị đi đày kia là tượng trưng cho đời tù của bọn trí thức say đắm với công cuộc, vương lụy vì hoài bão, đưa Cách mệnh lên thành một tôn giáo, và trong cảnh đày ải tù tội, tinh thần lúc nào cũng vững vàng như cái thái độ bất diệt của bậc chân tu chuyên nhất trong niềm đạo hạnh.

2910 - phải, Lịnh đeo con số ấy khi đi tù, - đã là một đối tượng phức tạp để tôi gởi vào đây một dấu ? và một chấm ! rất đậm.

Trại an trí V.B. chỉ thuần có tù chính trị người Kinh lẫn người Thổ. Ở đây, ngoài cái áo số vải nâu, chúng tôi có quyền dùng những đồ may mặc đem theo; ngoài năm cơm của căng, chúng tôi có quyền mua bán thực phẩm riêng bằng những số tiền do thân quyến hoặc cố hữu gởi lên. Và được viết và đọc - trong một cái chừng hạn tự do tương đối nào đó.

Lịnh có rất nhiều áo len của người quen đan gởi lên cho. Không chuyển nào mà người phu trạm già ấy lại không có một gói bưu kiện áo quần giao cho Lịnh. Người ở ngoài, dưới vùng hạ bản, đã nghĩ nhiều đến một kẻ ở trong, và thiết tha đến cái khí núi giết được người nơi đường ngược đây.

Linh có rất nhiều măng đa. Ở cuốn sổ gởi tiền của tù ký trên buồng giấy trại, Linh có riêng một trang đặc.

Còn thư tín ở bên ngoài đưa đến vào những hôm phát thư, người Tây quản trại kỳ nào cũng phải gọi đến 2910.

Rất nhiều anh em cùng trại ít được săn sóc bởi người của đời sống bên ngoài, ít nhận được măng đa và thư, nhìn Linh 2910 bằng con mắt thêm tủi. Ai đời đã đi đày lên thượng du, mà ngày Tết Nguyên đán còn có người lặn ngòi ngoi nước đến trại xin phép Tây cho gắp Linh để giao cho Linh một củ thủy tiên, một cân mứt sen trần kèm bình trà mạn!

Tôi đã phải bận tâm đến Linh mà nhiều người lính đã liệt vào hạng tù cậu vì Linh có cái bề ngoài của một người tù phong lưu (!).

Không, Linh không phải là một người tù cậu. Linh là một người tù thuộc, đời sống tinh thần đã được luyện qua gần khắp các nhà giam ở xứ ta, đã từng nhiều phen tuyệt thực, vượt ngục và sở dĩ chuyển này lại lên đây nữa là vì vẫn chưa chịu chán mỗi với hoài bão. Một hôm quét vôi trên đồn, muốn tò mò đến quá khứ của tù 2910, tôi đã lén vào buồng giấy quản trại và đọc tập lý lịch của Linh gởi kèm lên theo.

Chao ôi, sao đời Linh nhiều án tích chính trị, nhiều hoạt động và không sồn gan mệt trí với đề lao đến như thế! Có thể nói rằng Linh có ở cuộc đời bất công này là để riêng đi ở tù vì lý tưởng, ở tù cho đến chết thì thôi chứ không thêm yên nghỉ với cái sống tự do giả vờ của bên ngoài. Đời hoạt động của Linh hình như đã nêu ra được vấn đề này: là định một cái nghiệp dĩ cho kẻ trí thức giác ngộ cả trong hoàn cảnh câu thúc và cả ở hoàn cảnh ngoài đề lao nó cũng đầy đầy những tội ác và tù túng của đời sống mâu thuẫn.

Tôi liền có cảm tình với Linh, tìm cách gần Linh. Ngày tháng trên rừng trôi qua trên sự cầu thân đó, cũng bớt được nặng nề. Ngoài những lúc

phải theo lính canh vào rừng ngả cây cổ thụ phát quang rừng lau, phá đồi, đánh gianh lợp nhà, cắt cỏ cho trâu dê bên đồn, lấy nước suối ngọt cho bên trại anh em, những lúc được về ăn nghỉ trong trại, tôi ngắm Lịnh. Những cử chỉ vụn vặt của Lịnh đã đi vào con người tôi không sót một mét. Tôi ngắm Lịnh, lặng lẽ và kính cẩn. Một lần thì tôi chộp đi một lúc, chờ một hồi kèn chiều bên đồn dựng đứng mình dậy để vào rừng làm nốt công việc trong một ngày tù. Một buổi trưa, Lịnh vỗ vai lay nhẹ tôi: "Anh xuống nhà ăn, uống với tôi chén trà nóng. Tôi đã bắc ấm lên bếp, nước gần sôi rồi". Buổi trưa rừng, ở trại giam, có người mời uống nước trà nóng là một điều thú vị nhất. Trà nóng vừa chuyên xong vào một đoạn vầu gọt làm chén, Lịnh nhìn thẳng vào mắt tôi: "Tôi đoán không nhầm. Anh không chịu khó cưỡng lại giấc ngủ trưa ở thượng du thì chẳng mấy chốc mà sốt đến nơi đấy. Người lính 125 bên đồn cũng ngủ trưa như thế trong nửa tháng nay rồi, đái ra máu rồi chết. Từ giờ, anh đừng ngủ trưa nữa. Mắt anh đã bắt đầu vàng rồi. Anh chiêu mấy viên thuốc này đi". Lịnh đưa tôi chén nước nóng và mấy viên thuốc. Thì ra không phải là một buổi nhậm sà chơi vui mà là một buổi chữa bệnh và Lịnh đã để ý đến sức khỏe của tôi từ hôm nào rồi. Tôi ngoan ngoãn nuốt mấy viên thuốc tròn đẹp và ngà ngà như màu ngô nếp. Lịnh nhìn qua tấm hàng rào nửa tếp ken cánh sẻ dày đến sáu lượt nữa, gờ tầm mắt vào rừng xa đang nhấp nhánh khí núi hâm nóng, thủ thủ nói tiếp: "Càng ở vào hoàn cảnh tù tội, chúng ta càng phải giữ mình làm trọng. Để lúc trở về trung châu, còn có mặt trong hàng ngũ của đoàn thể. Ta sẽ có lỗi nhiều với công cuộc, nếu phải để thân ở thượng du vì nổi bất cần đối với cái thân mình lúc này. Mỗi người chúng ta phải gởi xương ở đây vì sốt rét rừng, hàng ngũ về sau sẽ hờ kờ. Thiếu đi - dù là một người, công cuộc sẽ chậm ít ra là một bước trong thời gian". Tôi yêu kính câu nói của Lịnh chứa đầy một niềm sốt sắng giống như lối nói của nhà lãnh đạo ký trú với những đồng chí chưa hoàn toàn nhập điệu. Và từ hôm ấy, để đánh lừa giấc ngủ trưa ở rừng tù, tôi đã học chữ Ănglê và Lịnh, mỗi trưa, dành ra hai mươi phút nghỉ để dạy tôi học ngoại ngữ. Trong việc này, ông thầy bao giờ cũng chuyên cần hơn người học trò, bởi vì có nhiều buổi hể có người rủ chơi cờ tướng là tôi đã bỏ lớp học của Lịnh. Nhiều độ lượng, Lịnh chỉ điềm đậm:

"Cũng chẳng sao. Điều cần nhất, là đừng ngủ trưa. Đánh cờ trưa, cũng là một cách vui gọn để chống sốt rét rừng".

Không phải dạy tôi học thì Lịnh lại dùng thời giờ ấy đọc sách và biên chép luôn tay vào những cuốn sổ tay dành riêng mỗi cuốn cho một việc. Có người lính nào vào trại tìm đến Lịnh thì Lịnh lại bỏ việc riêng đấy mà giúp họ. Vẽ hộ một bức truyền thần. Viết hộ một bức thư, và nhiều bức thư của người lính thượng du nhớ nhà gửi về thăm vợ con hoặc vấn an thầy mẹ. Thư lại viết theo thể thơ lục bát. Chiều theo ý những người lính, Lịnh đã xoay cái thư ấy ra thành những câu về mộc mạc và anh lại còn phải viết bằng chữ nôm. Ra Lịnh vẫn có cái đức dung người và Lịnh vẫn vui vẻ trong khi làm những việc tầm thường đó không ngày nào là không xảy tới. Ở một cái đồn thượng du, lúc nào mà chẳng có một người lính nhớ vợ thương cha. Lịnh được thiện cảm của cả đồn. Các ông quân đội trên đồn, có việc hiếu hỷ gì ở quê nhà, là đều có nhờ đến Lịnh cho chữ câu đối - lúc nôm, lúc chữ Hán, tùy theo trường hợp. Cả ngay đến lão quản trại an trí là người Pháp, cũng nhờ Lịnh dạy Việt ngữ. Nhưng đến việc này thì Lịnh chối từ, mặc dầu quản trại hứa sẽ để cho Lịnh ở nhà không phải vào rừng mà sương nắng ngày hai buổi. Lịnh đã lăm bắm riêng với anh em: "Dạy mày học tiếng ta để rồi mày dò la chuyện bên căng và kiểm duyệt thư của anh em cho kỹ phải không?". Vì có người tọc mạch mà tôi mới biết rằng Lịnh đang nghiền ngẫm bộ Kinh Dịch và đang xoay nó vào Biện Chứng Pháp Duy Vật. Một buổi nghỉ ngày chủ nhật, thấy tôi đến ghé nhòm vào trang vở chỉ chút những chữ Pháp và chữ Hán, Lịnh tươi tỉnh - bao giờ Lịnh cũng hòa nhã tươi tỉnh - hỏi tôi: "Tôi đồ anh biết Pearl Buck có giỏi chữ Hán không? Và André Malraux tập viết chữ Hán theo lối thiếp nào?". Câu đồ ấy rồi cũng bỏ lửng. Nhưng tôi ngờ rằng Lịnh biết nhiều lắm. Cũng như tôi đã thấy rõ cái đức làm người của Lịnh mà cảnh tù chung mỗi ngày càng làm bật hẳn lên.

Lịnh không trốn việc hoặc đùn nó cho những anh em khác. Kỷ luật của anh em trong trại đặt ra để giữ trật tự chung cho cả căng, anh tuân theo.

Ra ngoài làm việc rừng, lúc nào túi dết Lịnh cũng có sách vở, nhưng chặt xong phần cây hoặc cuốc xong phần đất của mình rồi anh mới chui vào bụi khuất mà đọc mà viết. Cái điều lạ nhất là anh ít viết thư, mặc dầu thư ở ngoài gởi lên rất nhiều. Tiền mắng đa của anh ký trên buồng giấy rất nhiều mà anh ít dùng tới. Thỉnh thoảng biết đến những anh em túng thiếu vì không có sự chu cấp của bà con vùng xuôi đoái tưởng đến thì anh lại rủ họ mua đồ ăn thức dùng vào sổ tiền gởi kho của anh. Mỗi kỳ có phiên ở bên kia sông quanh họp chợ Mường, Tây cho anh em ở căng ai có tiền gởi thì kê những thứ định mua rồi ủy cho người đi chợ. Người mua bánh ngọt, thuốc lá trà tàu, xà phòng, gà vịt trứng đồ; người mua guốc nón, diêm đình; có người mua cả rượu lậu và ba ba núi. Đến lúc anh giữ việc kinh tế ở căng hỏi Lịnh xem anh muốn mua những gì thì lần nào cũng vậy, anh chỉ có giấy mực và bút chì. Chỗ giấy mực đó anh dùng để biên chép - chứ không phải để viết thư hoặc trả lời thư như nhiều người, - và để biếu các anh em người Thổ nghèo theo lớp học chữ quốc ngữ do anh trông nom. Mỗi kỳ được phép viết thư trong tuần lễ, anh toàn ngồi đề bì hộ anh em Thổ và cho tất cả anh em trong trại vay tem của mình. Anh nghĩ đến anh rất ít và rất hòa nhã khi được chia sẻ với anh em. Kỳ tắm giặt hằng tuần nào ở bên con sông quanh là bánh xà phòng nửa cân của anh cũng vệt hẵn đi và nhiều khi tan hết ra bọt nổi ở mặt dòng nước rừng.

Lịnh ít nói, nhưng không trở nên người khó chịu; ít cười, nhưng vẫn tươi sáng và cái sáng ấy làm lùi được bóng đen của nhà tù. Buổi sớm dậy, Lịnh luyện phép thở, ôn ít quyền thuật với anh em Thổ rồi cặp bị nón đứng vào hàng. Không bao giờ Lịnh chịu khai ốm để đi nhà thương và nghỉ nhà. Ngày hai bữa cơm, có thức ăn hoặc không, anh cũng chỉ ăn đủ ba lưng bát. Ăn cơm chiều xong, anh đi bộ quanh rào trại. Rồi lúc mặt trời gần lặn để chiếu hết cho một ngày mất tự do, cái việc Lịnh lấy làm thú nhất là được anh em lại cử cho đọc nhật báo - báo ở tỉnh vừa về kỳ thư - và phê bình thời cục thế giới. Tình hình chính trị và ngoại giao các nước, Lịnh tinh suốt và thuộc lâu lâu. Lúc cần phải ôn đến những biến cố xã hội trên khắp thế giới, Lịnh có cường ký của nhà viết sử. Ngồi chót vót trên thang đu tập thể thao,

đọc xong một lượt tin tức trong và ngoài nước, Linh mới mở xẻ đến cái chương trình Đại Đông Á của Đại Nhật Bản (!). Phải nghe những nhời Linh vang rền lúc ấy thì mới biết đến cái say sưa của môn thuyết khách và mới hiểu tại sao chúng ta không chịu ở yên với trật tự hiện đại của sự vật. Lúc Linh ở chồm thang leo xuống, tôi yêu Linh quá, muốn nói đùa Linh rằng anh giỏi như thế, tin tưởng vào Cách mệnh như thế thì làm gì mà Tây nó chẳng bắt, ví Tây nó có tha anh ra bây giờ thì cũng lại đến Nhật bỏ tù lại mất thôi, chứ ai cho anh yên ở ngoài để lao để anh dựng trật tự mới và xây đắp cái Thị Trấn Ngày Mai trên phá hoại gây ra theo đúng ý nguyện của Cách mệnh. Nhưng thấy Linh nghiêm chỉnh quá, tôi lại không dám đùa.

Tôi kính yêu Linh 2910 như một người anh cả trong cỏi học và trong cỏi đức. Những lúc đi rừng hai buổi, tôi thường cố điều đình với lính để cùng đứng vào một kíp với Linh mà ra ngoài làm việc. Những người lính đáng yêu ấy đã làm theo ý của tôi. Hễ thấy 2910 đứng vào kíp đẩy xe nước, thì họ lại tùm tùm chỉ vào tôi: "790! Cho 790 đẩy xe nước với 2910. Tha hồ mà đưa sách lẫn cho nhau trong bụi sim nhé". Hễ thấy Linh đứng vào kíp củi, mặc dầu là số người đi lấy củi đã quá đủ rồi, họ lại kéo tôi vào hàng ngũ đi củi: "ấy, 790, trả cuộc lại cho kíp đất. Cho đi lấy củi. Vào mà thay dao năm đi". Rồi họ lại hóm hình mà cười sát vào tai tôi: "Tha hồ khuất mắt Tây mà đánh chén trong rừng với 2910 nhé!". Những người lính khá ái ấy đã lắm. Chẳng bao giờ Linh uống rượu. Những đàn ông nào đã đi tù và đã từng lấy rượu ra để đánh lừa những ngày dài như nghìn năm của mình, ai ngạc nhiên thì cứ ngạc nhiên đi, nhưng suốt một thời ở cãng với tôi, Linh 2910 không hề nhấp đến một chén rượu nào, mặc dầu rượu tù là quý - quý ở chỗ khó khăn của hoàn cảnh - mặc dầu nhiều lần các ông đội quân cai bên đồn đã giận Linh vì Linh từ chối những chén chân thành của họ. Về chuyện rượu, tôi chỉ nhớ Linh thốt ra một câu này: "Thử như ngày xưa thì tôi... tôi...". Hôm ấy là Tết Nguyên đán, tôi nhớ cuộc đời tự do ở ngoài quá, lúc say ngày đầu năm, tôi phá cả kỷ luật của anh em, làm kinh động cả trại an trí suýt nữa quân trại Tây phạt chung cả những bạn không uống. Lúc tôi tỉnh rượu, đang ngán ngẩm với một rừng chiều mịt mù sương lam, trước

giờ điểm, Lịnh đến gần tôi, cho tôi liều thuốc nhức đầu và nói với tôi một câu không hết ý như thế. Đánh bạn tù với Lịnh, tôi hay gọi đoán đến cuộc đời tình cảm bên trong của Lịnh và tôi ngờ Lịnh đã từng có một câu thề độc hoặc một nỗi lo âu khiến đối với rượu nên anh tránh rượu, dẫu rằng chỉ nhấp một tí để mọi người ở cảnh tù vừa lòng trong một cuộc họp mà chỉ có mượn đến rượu thì mới làm vui được thôi. Cơ thể người đàn ông nào - thứ nhất lại là đàn ông bị đi đày - mà lại không chịu được một chén hạt mít rượu trắng! Gia chi dĩ ở rừng tù, rượu, nếu uống theo một điều độ nào đó, lại còn có công dụng trị được sốt rừng và giá ngự sơn lam chướng khí nữa. Hẳn phải có một duyên cớ gì ghê gớm lắm thì cái người rất yêu cả trại đó mới không chiều anh em cùng hội và cơ hội bên đồn canh đến mực không chịu nhượng bộ như thế. Tôi cũng không gạn hỏi thêm Lịnh và không có mời Lịnh uống. Ăn chung mâm, bao giờ 2910 cũng chỉ ăn cơm và hễ cơm tù có rượu thì chỉ một mình 790 tôi uống thôi.

Lại một buổi chiều nữa, cuối xuân đất trích nhớ nhà, tôi say và 2910 ngồi cặm lập là tôi, xem tôi say. Thời tiết cuối xuân sang hè, rừng lim trở hoa xám bỗng nổi cơn dông. Gió ngàn bị quẩn trong kẹt thung lũng đâm ra cuồng và cứ vật mãi vào hàng rào nửa tếp của đất tập trung. Gió xoay quanh căng chúng tôi đủ bốn hướng tám mặt. Mỗi lần gió đổi chiều, lướt qua những đầu nửa vát chéo nhọn, cái hàng rào lại rung lên như một cây phong cầm đồ sộ bị hiếp bởi một tay nhạc công cường bạo. Có những thanh âm gùn ghè gầm thét, có rất nhiều cung bậc của than thở. Tôi không tách được tiếng rĩ rền nào là riêng của hàng rào nửa và tiếng oán tiếc thở dài nào là riêng của gió rừng biến động. Tôi chỉ biết tai tôi đang nghe một thứ nhạc đàn dây thanh âm tấm tức. Gió dông không tìm được lối thoát lại càng ghen ngào và vật mình vật mảy với mấy tường nửa rừng nhọn hoắt. Bỗng Lịnh để nhẹ tay vào vai tôi: "Này nghe nó như các khổ dựng của cây đàn dây ấy, 790 ạ". Tôi vội đặt chén xuống.

Tôi nhìn trừng trừng vào mắt Lịnh. Tôi trông thấy rõ cái ảnh đảo ngược của tôi trong tròng mắt Lịnh. Tôi muốn cả người tôi đi thẳng vào

người Linh bằng cách lọt qua hai cái lỗ của con người mở kia, để lòng tôi hòa chung vào giữa cái lòng Linh, trên một nỗi niềm nhớ nhung gì. Chừng như Linh cũng đoán được cái ý quái gở đó ở tôi, bèn nheo mắt lại và làm lệch nhõn tuyến ra phía khác.

Thế rồi rừng rú tan trận gió cuồng. Và điệu đàn gió ngạt thở đang gục dưới hàng rào nửa tối dần với ngày tắt gió tắt nắng. Dư vị của bữa rượu tù nhớ trung châu để lại nơi đáy họng tôi một chất bồ kết. Linh bỏ tôi đấy, đi ra thang đu thể thao và bắt đầu đọc báo hằng ngày cho cả trại nghe.

Tôi cứ ngồi bệt đấy với chén rượu tàn. Câu nói vừa rồi của Linh đã như một thứ nước cường toan làm bốc khói độc ở một thứ kim khí trong người cũ tôi giắt theo lên đây.

Tôi vốn là một người hay la cà dăm đuổi với tất cả những cái gì là đàn sáo ca hát. Hát bộ, hát chèo, hát gõ. Ca Huế, ca cải lương Nam Kỳ. Tôi đã đem một phần đời văn sĩ của tôi mà đặt vốn vào đàn hát. Lờ lãi lấy về trong khoảng rung động, không phải là không có, nhưng hệ lụy tự gây lấy, thực cũng không là ít vậy. Từ khi bị bắt, bị giam cầm ở ty Mật thám rồi bị phát vãng lên chỗ rừng xanh, cái tâm sự ấy tôi đã hắt trả cho cuộc sống dưới đồng bằng. Ngày ngày ở căng làm việc bằng tay chân - chém cây, ngã gỗ, đắp đường, lợp nhà, đẩy nước, v.v... - thể xác quần quật nhiều, cũng chẳng còn mấy tâm tư mà nghĩ đến chuyện tơ trúc của thời tự do trước nữa. Và chẳng, có rảnh tâm lúc nào, thì lòng lại chỉ tràn ngập những lo lắng về nỗi ốm đau và ý chết vì nước độc vì tai nạn lao động trong rừng thẳm. Một buổi chiều tù rừng nổi gió giao mùa, nỗi u hoài mở toang lòng tôi và không bị ngăn ngừa mảy may, câu so sánh của Linh vừa rồi đã xộc thẳng vào người tôi, làm tôi hoang đại ra mất vài hôm.

Rồi nó cũng qua đi. Cũng như bất cứ cái gì ở cuộc sống này. Có một chút gì còn lại, là tôi lại ngờ thêm được một điều nữa về thân thể Linh. Ngoài sự can khiên về rượu, hẳn người bạn tù này còn đeo thêm một cái nghiệp trái về âm nhạc.

Cách đây ít hôm, một buổi lấy nước ở bờ sông, ông đội kéo riêng tôi ra một chỗ:

- Này, 790 có muốn nghe hát cô đào không?

- ?

- Chuyện thực đấy mà. Để rồi rủ luôn cả 2910 nữa. Hôm trước mình đi phép có việc ăn khao ở nhà quê. Dem cái bài hát nói của 2910 làm ra nhờ cô đào hát ở bữa tiệc đông, ai cũng khen hay, 2910 làm có cả mưỡu đầu mưỡu cuối. Lão cứ củ mĩ cù mĩ thế mà tài hoa đáo để. Này, không cái gì là không biết. Chắc trống 2910 cũng sắc tay lắm. Để ít hôm nữa, hàng cơ góp tiền thết tiệc ông Quản được lên lương có mời ca công về hát, tôi dàn xếp để một số anh em sang sông lấy cỏ. Vừa cắt cỏ quanh nhà ông Quản khao, vừa nghe hát cho nó đỡ nhớ những chuyện dưới xuôi. Nhá!

Thế rồi đúng vào hôm hàng cơ thết tiệc ông Quản khố xanh ở bên kia sông, chúng tôi sang sông cắt cỏ. Cắt cỏ là một việc nhàn nhã hơn là đi ngả gỗ. Cắt cỏ nghĩa là gần như đi du thủy du sơn và lại cắt ngay gần chỗ cái nhà có tiệc vui mà nghe vọng vào những tiếng đàn hát của mâm tiệc. Trong số mấy người cùng đi cắt cỏ, bấy giờ tôi mới nhớ ra là thiếu mất Lịnh 2910. Hôm qua như lời ông đội dặn khẽ, tôi đã bảo Lịnh là sáng nay thế nào cũng đứng vào kíp đi cỏ. Lịnh gật gật, tỏ ý hiểu rõ đến những chi tiết ngầm của việc sang sông này. Lịnh không có mặt ở đây lúc này, không thể là vì quên được. Chắc là vì một lẽ gì. Những chuyện bất trắc hàng ngày như thế trong cái đời tù, làm sao mà phòng ngừa tính trước cho hết được. Buổi chiều thuật lại cho Lịnh nghe về cái buổi "nghe hát" bên sông, Lịnh chỉ điểm vào những nét cười giao thiệp, chứ không tỏ ý kiến gì. Biết đến những điều này - không hiểu vì lý do nào - ông đội lại kéo tôi ra chỗ vắng mà phàn nàn riêng: "Tôi chắc 2910 không muốn đi hôm đó. Ra điều rằng không được hoàn toàn là người chính hiệu của bữa tiệc ấy thì anh không dự. Những người có tài và có chí như các anh, có bao giờ có những cái thèm khát tầm thường. Tôi biết thế mà tôi cứ bảo các anh sang sông vì tôi tưởng rằng đấy

cũng là một cách bất ngờ để giải trí cho các anh ở trên rừng này. Nhưng thôi để hôm có cái trống lớn, để hôm nào đủ tư cách, tôi sẽ tổ chức riêng một châu hát, - cho nó xa đồn hơn nữa - rồi tôi sang trại máy riêng các anh đi. Mấy anh thôi. Tôi sẽ bịa với Tây rằng phải đi rừng xa, phải đem cơm đi, buổi trưa không về trại, cho nó nhiều thời giờ hơn. Hôm ấy, các anh sẽ đánh trống uống rượu, tự do như là lúc ở ngoài ở dưới xuôi ấy. Tôi cũng muốn có dịp nghe trống các anh lắm. Tôi đánh hẳn phải là quê hơn. Chắc rồi 2910 phải bằng lòng. Các anh không nên bận tâm về những chi phí. Cho một bọn thuốc phiện lậu đi lọt qua đồn này, thì là thừa tiền dùng chứ gì nữa. Đó là cái lộc của đồn rừng trấn thủ, chứ tôi cũng chả mang của nhà lên đây mà phá, các anh đừng ngại. Mấy khi lại gây được ra chuyện vui để giữ làm kỷ niệm chung, phải không anh? Mà tên lính nào ton hót với quản trại Tây, tôi đã có cách trị cho nó và có cách chống chế lại với Tây".

Tôi lại đem câu chuyện này nói cho Lịnh biết. Lịnh biến hẳn sắc mặt. Và kịch liệt tuyên bố không dự: "Nhưng mà các anh không nên bận vì tôi. Và cũng đừng cho ông đội biết trước rằng tôi không đi hôm đó. Ngày mai tôi sẽ nói với anh trật tự cho tôi lên làm phụ bếp trên đồn, không đi rừng trong ít lâu vì người độ này cũng yếu lắm".

Một buổi sáng rừng còn đọng sương. Ông đội hí hửng vào trại, nháy mắt mấy người chúng tôi và nói to lên là lấy bọn tôi đi rừng chặt tre đực và phải đem cơm đi mà ăn buổi trưa trong rừng, đến chiều mới về. Chúng tôi hiểu ý. Đến lúc ông đội và chúng tôi tìm đến Lịnh, thì Lịnh đã lọt lên đồn giữ việc phụ bếp mất rồi. Ông đội tỏ vẻ thất vọng. Vì bây giờ sức được lên đồn để vào bếp lấy lại 2910 mà cho vào kíp đi rừng thì Tây nó đâm nghi mất. Ông đội hay đi lại với chúng tôi, vốn đã bị Tây nghi ngờ và để ý lắm rồi.

Chúng tôi đi sâu vào rừng, qua mấy làng Mường. Không có Lịnh, ông đội buồn ra mặt. Buổi trưa ấy, đốn tre xong, người lính riêng của ông đội có đem đến rượu và thức ăn thịnh soạn, nhưng không có cô đào hát. Ông đội cắt nghĩa: "Thôi để hôm khác ta nghe hát vậy. Hôm nay chỉ đánh chén thôi,

anh em ạ!". Hình như ông đội biệt đãi riêng Linh và thiếu Linh thì ông không muốn bày ra chuyện trống hát nữa. Nhiều người vừa ăn uống, vừa tỏ ý oán ghen với Linh. Trại an trí, sau cái buổi họp trưa giữa rừng ấy, Linh hệt đi một số cảm tình. Riêng tôi thì tôi chỉ thấy Linh có tính gần. Và ích kỷ nữa. Ừ, mình không thích, nhưng một số anh em đã thích, thì sao lại nên có cái thái độ ấy.

Chuyện trống hát ở giữa rừng cũng không bao giờ có nữa. Và cũng chẳng ai mong đợi hoặc nghĩ đến. Mùa nước độc đã đến - lá lim, quả ngái rụng xuống mặt suối kể đã nhiều - ai cũng chỉ còn lo ốm thôi.

Bỗng một buổi chiều nắng như quay chín được người, tự nhiên Linh đem chuyện hát ả đào ra thủ thi với tôi. Anh thông thạo lắm. Linh nói qua về cái thái độ anh đối với việc ông đội muốn bày điều vui bữa nọ. Anh kết luận: "Chắc anh cũng hiểu nhầm tôi".

Rồi tiếp, giọng xa vắng: "Tôi có một cuốn vở viết. Không hiểu tại sao nó lại theo tôi lên đây. Trong túi dết này. Anh cầm lấy mà đọc. Không có gì là dài cả".

Tôi chui vào một bụi lau cao.

Vở mở bằng một trang đề: "Tâm sự của nước độc" - dưới đề chua một dòng chữ nhỏ: "Ai hay hát mà ai hay nghe hát" - Vở nhàu bẩn. Chữ đúng là tự dạng Linh, sắc và gọn.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

"Tâm Sự Của Nước Độc"

"Ai hay hát mà ai hay nghe hát..."

Lãnh Út gọi Bá Nhỡ lên, bảo ban về việc ngày mai điều khiển dân ấp Mê Thảo đi đánh cây cổ thụ ở suối Vầu:

- Em phải trông cẩn thận kéo chúng nó làm gãy mất ngọn. Bắt đầu vào dốc suối, đúng cái cây thứ ba về bên tay phải ấy.

- Thưa Cậu, phải qua sông?

- Không thể nào tránh sông được. Muốn đi lối nào thì đi, con sông Tầm vẫn nằm giữa suối Vầu và ấp ta. Cậu đã vạch rõ cho chúng nó cách thức đưa cây về ấp rồi. Nội ngày mai, phải đưa được cây về tới đây trước lúc mặt trời lặn. Quá nửa đêm sẽ hạ thổ cây gạo. Cho kịp ngày kia giỗ Mợ Lãnh. Em có mặt ở suối Vầu, chúng làm việc chu đáo hơn. Chậm trễ, hư hỏng, phần lỗi Em chịu lấy. Sáng mai phải đi vào suối từ lúc chưa tan sương, không phải lên trình Cậu nữa, để cho Cậu ngủ lâu hơn mọi ngày. Thôi cho Em xuống.

Trời sẫm rồi đen. Gió ngàn hôm lùa mạnh vào nương dâu. Cậu Lãnh Út thả cây sập ong, ngồi bên án thư, lần giở lại tập thơ Mợ Lãnh gọt giữa lúc sinh thời. Người chủ ấp Mê Thảo, qua những lời thơ di cảo, đang mừng tượng đến dáng dấp ngôn ngữ người vợ chết sắp đến kỳ giỗ hết. Cậu Lãnh Út thở dài tiến lại phía vách đối diện lừng lờ một bức tranh trung đường phong kín chỉ hé ra có hai đầu trục. Cậu trang trọng gỡ múi dây, đỡ

dần bức tranh thả vào lòng tay run run. Giấy tranh bồi cọ loạt soạt vào tường phòng vắng rộng. Cậu Lãnh thả thêm một cây hoàng lạp nữa, đi lại trong phòng và lúc dừng bước ngắm vào tranh thì thần thái trông thiếu náo quá chừng. Lòng tranh lùa hiện lên một tấm họa mỹ nhân. Ấy là một người đàn bà áo trắng đang ngồi chép sách trên cái đôn màu cốm, bên một khung cửa sổ có mấy tàu lá chuối già lọt vào. Màu xanh tái của tranh gia thêm xa lạnh vào khí buồng rộng quanh và đổ thêm buồn lên vẻ nhớ vợ của người ngắm tranh. Bức tranh trung đường ấy là bức truyền thần toàn thân Mợ Lãnh. Nguyên trước ở tường ấy chỉ treo vền vện có một tấm hình bán thân Mợ Lãnh do hiệu ảnh dưới tỉnh phóng đại theo hai chiều 24 x 32. Từ ngày Mợ Lãnh chết một cách bất đắc kỳ tử, Cậu Lãnh đâm ra thù oán và ghét máy móc. Cậu đã cạy một họa sĩ trứ danh phỏng hình người vợ vào tấm này và hủy tấm ảnh của máy chụp kia đi. Mợ Lãnh bị vào cái tai nạn đoàn hỏa xa lật úp xuống vực gần hầm Sen ga Liên Chiểu làm người quan phu Lãnh Út ấy đã trở nên một kẻ thù ghê gớm của thời đại cơ khí, tưởng Tagore Ấn Độ cũng đến thế thôi. Thời đại khoa học phát sinh ra được máy móc nào là Cậu ngoảnh mặt đi đến đấy. Thậm chí Cậu dẫn dỗi cả với những vật dụng cần thiết hàng ngày do đời cơ khí chế tạo ra. Ô tô xe đạp máy bơm nước sông tưới nương dâu, Cậu bán rẻ đi và cho không nữa. Cậu bán cả những ống chì dẫn hơi nước để sưởi buồng nuôi tằm vào cỡ tháng giá. Đến như máy và đĩa kèn hát, máy đánh chữ, bút máy, lò cồn đun nước, đèn măng sông, ống hàn thử biểu, lịch có ngày tháng in bằng máy, Cậu đều vứt hết. Khẩu súng một nòng bắn đạn chì hoa khế trừ mãnh thú và khẩu hai nòng bắn chim, Cậu gói làm một quặng xuống khúc sông Tầm.

Tang lễ Mợ Lãnh vừa xong được một tuần chay thì quanh chỗ giới hạn đất ấp Mê Thảo tự nhiên dựng lên mấy chòi canh. Ai ở các nơi vào đất ấp Thảo - tục danh của ấp Mê Thảo - đều bị dân hàng ấp giữ lại khám xét rất kỹ có giắt theo vật dụng gì có tính cách máy móc không. Có nhiều bạn của Lãnh Út bị lẫn lộn đồng hồ mỗi lúc lên chơi ấp và lộn về. Ô tô xe cộ của quan khách thường bị gạt xuống dưới chân đồi xa.

Từ khi Cậu Lãnh thành người góa bụa, trong sự đăi đẳng khách khứa bà con lên chơi, Cậu Lãnh vẫn không giảm đi một tí lễ nào và bớt đi khoản tiền tiếp tân nào. Người chủ ấp Tháo vẫn có danh là rộng rãi. Nhưng dẫu sao, cái thái độ phản khoa học và gàn ăy đã làm cho ấp vắng hẳn người các nơi lui tới thăm viếng. Cả người thăm viếng và cả người mua bán.

Còn mồ ma Mợ Lãnh, ấp Mê Thảo phồn thịnh là thế mà giờ thì sự làm ăn ở đấy rời rạc thưa thớt và về ấp gầy rạc hẳn đi. Cái vàng óng nuốt của tấm ấp Tháo đã xuống hẳn màu tơ. Ở đấy sức hoạt động kinh tế chỉ còn gói gắm vào những chuyến nước ống luồng tưới dâu lấy lên khỏi lòng sông Tầm cách xa nường hàng mười lượt đổi vai. Rồi để nổi sự sản xuất và đổi chác của ấp với đô thị thương mại, mười chiếc xe bò bánh gỗ đặc gập ghềnh trên đường đất đỏ khắp khiêng đã đánh thụt lùi ấp vào đáy thời gian một đời sống trung cổ.

Ở đấy, giờ người ta sưởi cho tấm bằng than gỗ và tiết nóng nực, có những đứa trẻ chuyên môn cầm quạt giấy phẩy phất cho tấm. Ông chủ ấy không mặc đồ len vải có chỉ máy khâu nữa. Ông đã mặc thứ vải chàm của thổ dân gần vùng dệt tay, giặt giũ bằng nhựa trái bồ hòn, đêm đọc sách bằng sức sáng của dầu ép. Lúc giải trí, đi săn cày bắn chim thì ông chủ ấp thù văn minh cơ khí đó đã có một đàn chó đầy lông, một cái nỏ và vài cái bẫy. Việc ấp giao dịch với bên ngoài xa có cần kíp đến mấy đi nữa thì cái ông chủ sự Dây thép ở tận cuối châu Tràng Sa này cũng dừng hồng thu của Cậu Lãnh Út tiền một tấm điện tín nào. Và đám chủ báo chí và xuất bản cục, hãy để yên cho người độc giả kẻ thù của máy in này. Đã lâu, Cậu Lãnh không đi tỉnh nữa vì xuống đến đấy thì thế tất nhiên, tai mắt lại sẽ phải thừa nhận cuộc đời cơ khí. Có lần người ta đồn rằng người Pháp mở rộng chương trình đại công tác và vẫy thêm đường thiết lộ xuyên qua châu Tràng Sa, sẽ bắc cầu qua sông Tầm men theo chân ấp Tháo. Lãnh Út mất ngủ đến nửa tháng và định sẽ bán rẻ ấp đi nếu có bọn cán sự chuyên môn sở Hỏa xa nhô máy vào ngấm sơn xuyên vùng ấy. Rồi cậu Lãnh sẽ lùi vào rừng.

Mặt trời lặn bóng, ba chục dân ấp Tháo lực lưỡng bắt đầu thắt cổ cây gạo sừng sững trên dòng suối Vầu. Nhiều múi thòng lọng dây thừng thít mãi vào những cành to gang ra như cánh tay đầu hàng. Những cật người uốn cong gò bấy nhiêu đầu thừng về một phía. Cây gạo xiêu dần xuống rồi vật mạnh xuống như một kẻ chiến tranh bị trúng độc kế ở mặt trận, làm tung bắn lên những thân hình người đang oằn oại trên những đoạn luồng già dùng làm bấy cạm chèn vào kẻ gốc. Suối Vầu tung nước. Rừng Vầu vang bật lên một tiếng quật gốc già. Đầu rễ cái gốc gạo nhựa rỉ tuôn tợ máu phun. Bọn người đánh cổ thụ ấp Tháo bèn chặt những cành to thành từng đoạn đều nhau, dúi ngang vào dưới thân cây gạo rồi đẩy dần cây to xuống dốc. Đến những chỗ không thả đà được thì họ lại lồng đầu thừng vào cánh nách mà kéo, vừa kéo vừa hò dô ta. Thân họ vẹo về một chiều trước, như sống ngọn cỏ bị gió lùa mau.

Một ngày đã ngả bóng dàu

Trở về ấp Tháo tưới dàu (ta) chẵn tắm...

(dô ta)

Rừng thiêng ta ngả cối sơn lâm (ta dô ta)

Lần lừa ấp Tháo trông tắm (ta lại)

thương dàu (dô ta)

Con người rút ruột con sâu,

Đêm tơ trả miếng lá dàu xót lòng

Dô ta... ta ở dô ta.

Bá Nhờ lăm bằm theo: "ấp Tháo chứ lại ấp Tháo!". Gõ chạy âm âm, lẫn thắm qua những giọt mồ hôi người ngả gổ. Tiếng đồng vọng dô ta làm

chấn động một cánh rừng bị thương và vang theo mãi xuống bến sông Tầm đã ken sẵn mấy bè nữa. Bè trôi ra giữa sông đưa cây cổ thụ về bờ bên kia. Bọn người ấp Tháo lau mồ hôi, rịt các vết thương, nói chuyện về ấp tàn, về chủ ấp cuồng và về cây gạo.

- Chơi lạ. Chỉ có Chúa Trịnh ngày trước thì mới giồng giọt như thế. May chuyển này không ai bị cây đè chết.

- Cái gì cũng phải theo lẽ tuần tự. Cây to này đưa về rồi cũng chết mà làm củi mục thôi. Sống thế nào được. Phải giồng nó từ lúc bé kia chứ!

- Cây gạo thì quý gì. Gỗ nó chỉ dùng làm áo quan cho bọn nghèo. Hoa thì chỉ quyến rũ được sáo đá và quạ thôi.

- Năm ngoái đã một cây. Lù lù đen sì giữa ấp như cột đồng trụ. Mà chẳng một cành nào đâm chồi. Quý gì cái gối quạ lấy được trên cái tổ cây ấy. Đen và tanh ngòm. Khéo không lại chạm vía yêu tinh và bóng các Cô các Cậu trên rừng mà khốn thôi.

- Mà làm sao cứ đến kỳ giỗ bà chủ thì ông chủ lại bắt đi đánh cây gạo về giồng ở ấp? Cúng à? Năm nay giỗ hết bà chủ đây. Sang năm có đánh cây cổ thụ nữa không?

- Cơ mầu này rồi cũng đến bán ấp. Cứ uống những trận rượu như thế rồi phát điên phát cuồng lên thì còn lắm là dâu và tằm. Nếu ông chủ bán ấp, lại chỉ khổ cho bọn mình bị gán thân cho chủ khác. Công nợ như mình, vợ con ăn mặc đều tính vào dâu tằm người ta tự bao lâu nay, mỗi chốc vổ được nợ mà đưa gia đình về dưới xuôi được sao.

- Cây của người ta đang ra quả. Chỉ vì nó ở giáp hàng rào ấp mình, cành quả nó ngã sang đất mình, thế mà đòi bẻ và nhận lấy nhận để là của mình. Tai ngược hơn cả đàn bà một mắt.

- Mà người sao gàn dở đến như thế. Ai có cái máy bật lửa cũng khám cũng phạt cũng cấm. Lắm khi định ăn thuốc Lào thì cứ như là thăng ăn cắp.

- Say rồi đâm càn rỡ quá. Bò của người ta lạc vào ấp, ông ta bắt người nhà giữ chân bò căng ra rồi xẻo lấy miếng thịt mỡ, nướng ăn tái. Nhăn răng ra cười, kêu rằng chỗ mỡ cắt ấy sẽ thành sẹo cũng không hại gì. Nói thế mà nghe xuôi tai được đấy!

- Thế đã khổ sở bêu riếu đâu bằng ông ấy hiếp cả người đi chợ qua vùng đấy. Ban ngày, giữa chỗ Ngã Sáu Quán Chuột ấy. Quây màn ra giữa giòi mà làm được việc ấy giữa ban ngày thì có khổ cho rượu với chè không chứ!

Ba xe bò bánh gỗ đặc nổi càn vào nhau đã chờ bên kia bờ. Cây gỗ tươi trệu trạo sáu vòng bánh lăn dần về Mê Thảo. Họ cứ nói chuyện. Và chỉ riêng có Bá Nhữ đi đốc thúc ở phía sau là hiểu riêng cái tâm sự của chủ ấp thôi.

Bá Nhữ nguyên có dính vào một vụ giết người dưới trung châu. Tuy là tòng phạm mà cũng bị kê án tử hình. Mợ Lãnh vì chút tình máu mủ xa, đã bảo chồng làm cho y một tập lý lịch giả và cho lên ẩn nấu luôn trên ấp Thảo. Bá Nhữ chịu cái ơn cứu sống ấy, ở với vợ chồng chủ ấp hết sức trung thành, việc tắm tang ở ấp, tịnh không tơ hào lấy một xu. Ở vào chân quản gia, trông coi cả ấp rộng, Bá Nhữ không một phút nào là lộng hành. Sổ sách hàng ấp, một tay y cả. Lắm việc hiểm hóc quanh vùng, có khi chủ ấp không biết gì và đều là ở Bá Nhữ hết. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà Bá Nhữ vẫn xưng em với Cậu Lãnh. Mợ Lãnh chết vì tai nạn xe lửa, Bá Nhữ buồn hơn cả người chủ ấp trẻ tuổi gầy gầy tình. Bá Nhữ có tài đàn hát. Bất cứ nhạc khí nào, cái gì y chơi cũng thành ngón cả. Làn hát lắt léo nào, Bá Nhữ cũng uốn giọng theo được miễn là cho y được nghe một vài lần. Đàn hát ấy Nhữ đem ra làm khuây cho chủ ấp. Lãnh Út chết vợ trẻ, đâm ra buồn phiền, sao nhãng việc sản xuất, bỏ mặc việc cai trị trong hàng ấp, chỉ ngày ngày uống

rượu, lắm lúc say, phạm cả vào điều bạo nghịch làm cho dân ấp ta oán. Nếu không có Bá Nhữ thì ấp Mê Thảo tan rồi. Một mình Bá Nhữ lại vá víu bằng mọi cách. Mỗi lần Cậu Lãnh làm điều không phải với dân hàng ấp những lúc tửu hậu, Bá Nhữ lại dàn xếp và đền bù. Ấp Tháo vì thế vẫn còn lay lút nổi trong cảnh tầm tang và dân ấp cũng đều biết đến cái công ơn người quản gia chịu khó và công bằng.

Cậu Lãnh Út buồn khổ đến đâu, cái buồn khổ ấy thấm sang tâm hồn người quản gia trung thành đến đấy. Ngoài nỗi lo tính cho sự trung hưng kinh tế của Mê Thảo, Bá Nhữ săn sóc đến tinh thần Cậu Lãnh không một lúc nào rời.

Bữa rượu tối nào của Cậu Lãnh là cũng có người quản gia ngồi bồi rượu. Giữa những chén rượu uống một hơi, Bá Nhữ bình cổ văn, ngâm thơ Đường Luật và diễn lại cho Cậu Lãnh nghe - theo một lối riêng - nhiều đoạn Kim Cổ Kỳ Quán, Đông Hán Tây Hán Hậu Hán và Đông Chu. Lắm lúc mang đàn ra gảy. Lại còn sắm lẻ từng vai tuồng một cho Cậu Lãnh xem. Chèo cũng thế. Có lần Bá Nhữ một mình diễn vở Lưu Bình Dương Lễ, lần lượt hết sắm vai nam lại sắm qua vai nữ.

Đôi khi chủ ấp có tang cũng nhoẻn cười. Nhưng cái vui đột ngột gây nên bởi trò lại héo úa ngay trên chén rượu nhớ người thiên cổ. Một mình không làm vui nổi cho Cậu Lãnh thì Bá Nhữ lại cậy đến những đoàn thể chuyên nghiệp. Bá Nhữ cho dựng nhà rạp lên rồi cho đi tìm phường ca công, gánh hát chèo hát tuồng ở các vùng lân cận về.

Nhưng, được hòa hân lòng vào cái vui của đàn trống múa hát âm ỉ ấy, vẫn không phải là Cậu Lãnh. Vẫn lại chỉ có đám dân bình dị cần lao trong ấp Tháo thôi. Họ coi đó là những ngày hội hiếm có và sau những kỳ chơi hội đó thì họ lại cần cù thêm với việc tầm tang. Bá Nhữ cũng tự an ủi được ít chút về chỗ tốn phí. Rảnh việc điều động ấp, nhìn trộm Cậu Lãnh, người quản gia đáng quý ấy thường tự hỏi mình: "Làm thế nào cho sức của người trẻ tuổi này được hồi sinh với sự sống hiện tại? Lòng kẻ chung tình ấy cứ

chuyển hướng mãi về một phía tuyền đài thì rồi ấp này đến tan mất và rồi người chủ ấp trẻ tuổi tội nghiệp ấy cũng đến kết quả cuộc đời ở một nhà thương điên nào. Sống, đâu có phải là ngồi ỳ ra đấy để chuyên tâm nhớ một người vợ chết. Nhớ thương một cách tiêu cực. Phải cho Cậu Lãnh tục huyền với đời sống mới được".

Quá đêm, cây gạo đánh ở tuổi Vầu về đã chôn đứng trước nhà khách Mê Thảo. "Phải, vào giờ này, chuyển hỏa xa ấy lật úp xuống vực gần hầm Sen đây". Lãnh Út còn lăm bắm những gì nữa rồi mới chịu trở vào phòng thay quần áo thường ra thành đồ chế phục. Mọi khi dùng hoàng lạp, đêm tiên thường kỳ giỗ hết Mợ Lãnh, chủ ấp cho thắp toàn nến trắng. Cậu Lãnh lại mở và thả bức tranh trung đường xuống. Cậu quần dối xong mấy vành khăn vải trắng, quỳ xuống và hướng vào lòng tranh lựa, dâng một tuần rượu.

Ngoài hành lang, dân hàng ấp đem vàng nhang trầu rượu lên góp vào ngày kỵ bà chủ ấp. Bá Nhữ thu nhận lễ vật và xua tay nhẹ nhàng bảo họ lui dần đi. Vì trong nhà đã bắt đầu có tiếng khóc.

Cậu Lãnh khóc to dần mãi lên, gọi đến cái thống khổ của toàn thể một đám chuyển cữu. Nỗi lâm ly lọt xuống từng gia đình dân ấp rải rác quanh đấy. Họ lay nỗi buồn riêng, thương cho chủ ấp và nhớ đến người hóa ma. Khác hẳn mọi đêm thường, chim cú vùng Mê Thảo tắt tiếng cầm canh. Rồi tiếng khóc vụt rống lên in hết cái tiếng người rừng - mình mấy mọc lông, móng chân móng tay hóa ra vuốt - bỗng phần nhớ đến nhân loại bị xa cách lâu ngày. Cơn khóc rống đã đổi sang thành tiếng hú hồn. Gió呼呼 trên nương dâu, kéo lê thê những tiếng thảm rợn ấy xuống những vùng phụ cận thấp xa.

Cất cơn khóc, não cân bị kích động, Cậu Lãnh không tài nào ngủ được. Cậu Lãnh lại đem rượu ra uống. Khác với mọi đêm chỉ uống suông, bữa rượu này lại dùng đến đồ nhắm. Ấy là một mâm nhộng rang lõi văn hỏa, lòng mâm lót lá dâu da, ngọn mâm rắc lá chanh thái chỉ. Sinh thời, Mợ

Lãnh bữa cơm nào cũng ăn nhộng, cho rằng nhộng là một giống sạch nhất và tin rằng ăn được nhiều nhộng thì tóc sẽ mượt óng. Kỳ giỗ này cũng như kỳ đầu trước, trong các món dâng cúng ở bàn thờ, Bá Nhữ vẫn nhớ đến cái hèm này của người khuất và cho đặt lên một mâm đồng bạch nhộng rang rất to, đường kính mâm hai thước ta, phải để riêng một bàn.

Rờ đến chai rượu uống dở đêm trước thì hũ không còn lấy một giọt, Cậu Lãnh tìm cái mõ cá lớn, cầm dùi đánh bảy tiếng. Đây là một ám hiệu trong ấp dành riêng cho người chuyên giữ việc rượu cho chủ ấp. Đánh hết bảy tiếng ấy mà chưa lên thì lại đánh tiếp bảy tiếng khác.

Người giữ việc rượu đã chạy lên, thở hồng hộc.

- Dạ, bẩm Cậu, ở hũ lớn cũng chỉ còn độc một bình.

- Vậy thì cho đào một hũ mới.

- Dạ đào về phía nào?

- Chỗ nào có chôn thì đào.

- Dạ nguyên là từ năm ngoái, cụ Quản (tức là Bá Nhữ) đặt tên cho nhiều thứ rượu tùy theo từng lúa cất. Mỗi lần hạ thổ cụ đều có ghi tên và ngày tháng bằng dấu vôi. Lại còn nhiều hũ cơm mới tra men cũng hạ thổ. Con không được tường lắm, sợ đào nhầm, sẽ bị cụ Quản quở.

Cụ Quản - Bá Nhữ - đã hiện vào. Vẫn hay rằng hiệu lệnh bảy tiếng mõ là để gọi riêng người dân ấp giữ việc lấy rượu, nhưng bao giờ đào đến rượu chôn là chẳng phải có Bá Nhữ dòm nom đến. Cái người phụ việc kia thì có biết gì. Và đến Cậu Lãnh thì càng không biết đến gì nữa, ngoài cái việc cố hữu là say và thương và nhớ.

Bá Nhữ lên tiếng: "Bác xuống kho lấy lên đây hai bó đuốc, lưỡi mai và cuốc bàn".

Cảnh ấp, những đêm đào rượu chôn, trở nên quái đản. Khách qua đường đêm vắng, tưởng đấy là một vụ chôn của hoặc là đào mả trộm.

Hướng vào nhà khách và cách nhà khách độ ba mươi bộ, có một cái gò con. Chôm gò phát phơi toàn một giống thạch sương bồ. Sườn gò, đây đó ít gốc rền tía. Gò ấy, chính là huyết rượu. Bá Nhữ chôn cơm men và rượu cất ở mả rượu ấy. Ngoài Bá Nhữ ra, cấm dân ấp không được ai lai vãng gần tửu phần. Tửu phần đã phân ra từng khu đông tây nam bắc và chia từng hàng luống như ở một nghĩa trang sơn thôn. Trên các khu và các luống tửu phần, có những thẻ tre sơn vôi trắng, viết chữ đen và sơn đỏ, có thể hòa lẫn với bài bùa phù thủy. Ấy là Bá Nhữ ghi ngày tháng từng lứa rượu và đặt tên cho từng mẻ rượu, lắm thứ tên những nghe không thôi mà đã muốn đem cái vui cái buồn trong lòng ra gởi ngay vào đấy. "Vô cố nhân" - "Mê Thảo Hầu" - "Thuần Hoàn Quận Chúa" - "Ức Sầu Viên". Đến cái tên sau cùng này trong cách tìm chữ đặt tên riêng cho rượu ấp thì Bá Nhữ đã bày rõ cái thân mật tình cảm mình đối với tâm sự của chủ nhân Mê Thảo. Chữ Sầu Viên là tên hiệu riêng của Mợ Lãnh lúc làm thơ. Mợ Lãnh qua đời rồi, thấy Cậu Lãnh nhớ vợ quá, Bá Nhữ bèn đặt việc ấy vào một cái tên rượu. Đêm đêm nhớ vợ, chủ ấp lại uống hàng chục chén và có khi hàng vò "Nhớ Con Vượn Gầy"! - người Mợ Lãnh vốn gầy và hai tay rất dài. Gợi cảm thay! Và cũng tổn nước mắt thay! Khi uống đến thứ nước say ấy, chính Cậu Lãnh đã ồm nhiều trận vì những đêm sông bên cạnh vò sành "Ức Sầu Viên", tiếng khóc vượt qua mấy lần nường dâu trĩu sương cành.

Cỏ gò chôn rượu bùng dậy, chập xanh bóng thạch sương bồ bên cái sáng bốc khói của đuốc lớn. Người phụ việc cầm cuốc, Bá Nhữ cầm mai, hì hục đào. Những tiếng chìm chìm sương rừng gieo xuống những tiếng đục đục loài kim thảo ruột loài thổ. Lặng lẽ hơn hết là cái người chủ ấp ngồi trong phòng đợi rượu đào. ánh sáng thản nhiên của bạch lạp tỏa quanh áo tang khăn trắng người tửu đồ tinh chường đang vò võ đối mặt với tranh lạnh.

Một hũ "Vô Cố Nhân" đã lấy lên khỏi sườn gò. Lau rửa sạch, Bá Nhữ kính cẩn đưa nó lên bàn rượu và Cậu Lãnh kính cẩn gắp kín chám đường. Chén "Vô Cố Nhân" trôi vào cuống họng thì gà trong thôn ấp gáy lần thứ ba. Bó đuốc của người phụ việc lấp lại huyết rượu gò đang lặn dần tàn đóm, xèo xèo trên cỏ dầm. Vài con rắn cạp nong trườn từ hang ra, nuốt những tàn lửa đã nguội.

Cú rùng giờ mới rủ nhau đổ một hồi tan canh. Sáng hẳn rồi, mà Cậu Lãnh chưa tàn bữa rượu giỗ. Cậu uống đến đâu, mồ hôi cứ theo chân tóc mà tuôn chảy. Rồi cậu cầm một lưỡi kiếm cũ, chạy ra vườn chuối, gập cây nào là chém ngang vào thân cây ấy. Tiếng thân chuối gãy gục và tàu lá toạc rách, làm chấn động cả cái ấp ngái ngủ.

Sau trận rượu giỗ hết Mợ Lãnh, không lần nào người say rượu ấy khóc nữa. Chỉ có mồ hôi trào ra nơi các đầu sợi tóc thôi, hình như để thay cho nước mắt cạn. Bá Nhữ càng lo, khi thấy chủ ấp không nói một tiếng nào, không khóc một lần nào. Có việc gì cần lắm, Cậu Lãnh chỉ cầm bút mà viết ra thôi, Bá Nhữ ngỡ rằng tâm con bệnh này đang nhảy sang một giai đoạn trầm trệ khác. Bá Nhữ lại cầu đến bọn đàn hát nhà nghề để cứu vãn cái tâm hư ấy. Lại chèo, gõ, bộ, các phường hát có tiếng đều được quản gia vờ vào đất ấp. Cậu Lãnh dờ chứng xuống bút ra lệnh bãi hết những cuộc vui ấy. Một điều lạ nữa là Cậu Lãnh không thèm uống rượu nữa. Rượu của mẹ cất nào, Cậu cũng chê là có mùi nước lã. Để thay vào sự uống rượu, chủ ấp bắt mua pháo để đốt. Pháo bánh kê không được to thì mua diêm sinh về chế hòa mà làm ống lệnh. Tầm, giật mình, chết cứ từng lứa. Lắm lứa đang chín, bụng đỏ ửng và trong suốt như hổ phách, sắp kéo tơ mà chết cả vì tiếng pháo của người cuồng. Dân ấp, những người không có gia đình, đã có một số bỏ trốn đi. Bá Nhữ ngồi chờ cái ngày tận thế của Mê Thảo.

Chủ ấp thôi không uống, không khóc, không nghe đàn hát nữa thì trông càng thê thảm vô cùng. Cả ngày cả đêm cứ ngồi sững mà nhìn tranh,

dáng điệu như nhà sư nhập định, mắt không nhắm, miệng không mở lấy một tiếng.

Cậu Lãnh ngồi im như thế được một năm, bóng in hằn vào tường, đường viền quanh bóng in trông sắc gọn như nét cắt. Lấy nước cọ không đi và lấy vôi đặc quét lên mấy lần, cục bóng xám trên vách ấy vẫn cứ hiện bật lên. Thân hình Cậu Lãnh khô xác chẳng khác gì thân hình kẻ vận hỏa tâm ra để tự diệt mình. Những lúc Cậu bất đắc dĩ phải cử động thì tứ chi cậu cứ như là chân mượn tay mượn, bước đi không thật nữa và tay cầm đến vật gì thì đều sai lệch đổ vỡ hết cả. Còn cái khối óc thì hình như là đã trót cầm cho Rượu và cho Tương Tư, cầm lâu ngày quá đến không chuộc được về nữa rồi. Cậu Lãnh đã đến cái bậc lỳ. Một hôm chợt thấy bóng mình trong tấm gương, Cậu đập tan ngay tấm gương đứng và từ đấy cũng không dám rửa mặt vào thau nước nữa. Trông thấy bất cứ cái gì lấp loáng như mặt nước đọng là Cậu rúm người lại; nổi hốt hoảng ghê rợn hơn cả người mang bệnh nọc chó dại.

Bỗng một đêm mưa to gió lớn, chủ ấp choàng dậy, vợ lấy chiếc mõ cá mốc meo, đánh một hồi bảy tiếng. Đã lâu lắm những đêm Mê Thảo không bị khua động vì thứ hiệu lệnh gọi rượu này. Giữa hồi mõ thứ hai thì Bá Nhữ đã lên, mình khoác chiếc áo tơi đêm mưa.

- Em lấy rượu Cậu uống?

- Ừ.

- Một năm nay Cậu từ rượu. Tửu phần vẫn bỏ hoang và rượu chôn vẫn nguyên đấy. Gắn kỹ, chắc hương vị vẫn giữ được. Để cho đào ngay lên Cậu xem.

Thấy chủ ấp đòi uống, Bá Nhữ mừng rỡ cuống quýt. Hình như người quản gia được yên lòng hơn khi chủ ấp lại trở về với thói tật cũ. Ngắm chủ ấp cầm lại cái chén đã bỏ quên hằng năm, Bá Nhữ lấy làm hân hoan lắm và

tự nhủ thầm: "Cậu cứ uống đi. Rượu đã có. Em này cất cho Cậu không bao giờ thiếu lấy một giọt. Còn việc làm ăn trong ấp, cái kén tơ cái lá dâu, thuế má công xá người làm, Cậu cứ mặc Em tính liệu. Miễn là Cậu đừng buồn. May ra ông Giời mà thương lại, xui cho Cậu lại tục huyền với đời sống - đời sống nhiều khi cũng lại chỉ tượng trưng bằng cái hình ảnh cụ thể người đàn bà muôn năm! - Cậu lại tục huyền mà hồi dần lại với cuộc đời cần lao như ngày cũ thì Em này vui sướng biết đến đâu! Cậu cứ uống đều đều đi. Uống cho triền miên ngày tháng đi".

Rượu vào, Cậu Lãnh lại nhớ đến đàn hát đã băng đi một năm tròn. "Này Em này, cái Cô Tơ ấy độ này ở tỉnh hay ở nhà quê nhỉ? Hôm nào Em bảo Cô hát lại cho Cậu nghe. Một cây đàn đi theo với Cô ta thôi. Giờ Cậu sợ những cái gì là đông đúc âm ỉ". Câu nói của Cậu Lãnh thốt ra lúc ngà ngà, rồi tửu đồ cũng bỏ đấy và quên mất. Nhưng Bá Nhữ thì quên thế nào được. Bá Nhữ để tâm việc tìm Cô Tơ. Cho người đi tìm không ăn thua gì, Bá Nhữ thân hành đi tìm lấy, lòng hừng lên như buổi mai ngày hè. "Cậu Lãnh rồi có lẽ khỏi. Phải, Cậu mà không nghe đàn hát tức là hỏng rồi đó, tức là bệnh không thuốc nào chữa nổi nữa. Trừ phi không đủ điều kiện thôi, chứ con người ta sống ở đời, có ai mà lại không nghe đàn hát bao giờ. Đến người chết rồi cũng còn muốn nghe nhạc nữa là".

Nghe nói Cô Tơ dọn nhà hát ở bất cứ chỗ tỉnh thành nào là Bá Nhữ lộng hiem mà tìm đến, chấp cả cái việc người ta có thể dò biết cái án cũ tử hình còn treo trên đầu mình. Đi thông mấy tỉnh mà đều không được gặp, Bá Nhữ bèn tìm hẩn về làng nguyên quán Cô Tơ. Quả như điều dự đoán, Bá Nhữ đã gặp người danh ca, ở một nếp nhà gianh vùng quê Nhộn. Ông Chánh Thú - chồng Cô Tơ - mất đi rồi là Cô không dọn nhà hát ở tỉnh nữa, lủi về quê sống cái đời người thôn nữ làm việc với đồng áng sương nắng hai mùa. Lúc Bá Nhữ lần về quê Nhộn thì Cô Tơ đang làm cỏ ở ruộng ngoài chân đê, phải cho người đi tìm về.

- Cô đã về. Có lẽ Cô quên tôi rồi. Tôi ở trên ấp Mê Thảo mà Cô đã có lần lên hát, cách đây gần ba năm.

- Ông tha lỗi cho. Chúng tôi quên mất thật. Đời chúng tôi đi hát nhiều nơi quá, thật không nhớ cho hết được. Dạ ông cho tìm về, hẳn có điều gì dạy bảo?

- Chúng tôi đi mấy tỉnh tìm Cô. Nay được gặp, thật cũng bỏ cái công lặn lội. Chúng tôi muốn thỉnh Cô về trên ấp chúng tôi hát một buổi.

Cô Tư không trả lời ra sao, đẩy chén nước mời về phía Bá Nhữ, tay sửa lại vành khăn tang. Giời chiều đã nhuộm vàng cây cau ngoài sân, chủ nhà xin phép khách cho lùi sang buồng bên để thắp tuần hương chiều thường lệ ở một cái bàn thờ. Lúc trở ra, ngồi ăn giầu, Cô Tư nói chuyện với khách: "Chẳng nói giấu gì ông, từ khi ông Chánh nhà chúng tôi mất đi, chúng tôi không cầm đến lá phách nữa. Bất nhẫn lắm, ông ạ. Bởi vì hát lên thì lại động đến vong hồn người đàn ngày xưa, ông ạ. Không biết ông có nghe qua đàn ông Chánh nhà chúng tôi lần nào không nhỉ! Tội lắm ông ạ. Bây giờ, chúng tôi giải nghệ rồi, sống cái đời góa ở chỗ thôn quê, được cái cũng nhàn và đủ ăn đủ mặc. Phần ngựa xe trên tỉnh, chúng tôi nhường lại cho các chị em đồng nghiệp còn trung thành với nghệ với tổ".

Bá Nhữ tưởng đấy là một câu khách sáo, cười một cách giao thiệp. Sẵn cơm rượu bưng ra, Bá Nhữ ăn uống tự nhiên như người nhà và nhân tiện ngày hết đã lâu, cũng nhận luôn lời chủ nhà giữ lại nghỉ đêm ở đây. "Ở vùng chúng tôi, hàng quán xa quá và không được tươi tốt. Chẳng mấy khi ông về đến đất cổ lậu này, mời ông nghỉ chơi lại, sớm mai hãy đi. Đêm hôm ông có cần dùng điều đóm nước nôi gì, xin cứ gọi đứa bé nằm ở chõng tre kia". Thế rồi chủ nhà kiếu lùi xuống nhà ngang và Bá Nhữ cũng đi ngủ ngay, định ngày mai sẽ nói chuyện tiếp với Cô Tư về nhật kỳ khởi hành lên ấp và định về chỗ tiền thù lao.

Sớm ngày sau, sau tuần nước, lại có cơm rượu bưng ra nữa. Cô Tư xin phép ăn riêng ở nhà ngang. Lúc Cô Tư trở lên thì Bá Nhữ đang ăn tráng miệng, nhồm nhoàm nói: "Vậy hôm nào Cô lên được ắp chúng tôi, xin Cô nhất định để cho chúng tôi cho người về đón".

Cô Tư cười nhẹ và khoan thai nhắc đúng lại những câu hôm qua đã nói với ông khách. Cô thêm: "Chẳng mấy khi ông lần về đây tìm chúng tôi, thực là quý hóa quá. Không nhận được nhờ với ông lên hát trên ắp, thật là phụ cái bụng quý của người tri âm lắm. Nhưng không thể làm sao được. Ông miễn chấp cho". Bá Nhữ chào ra về, bụng nghĩ có lẽ Cô Tư không nhận nhờ ngay vì chưa có người kếp nào xứng đáng để cùng lên ắp, đi với người đàn kếm sợ phí tiếng đi. "Thì ta sẽ làm người kếp đó trong một buổi chứ sao. Ta không rõ ngón đàn ngày trước của ông Chánh Thú chồng cô ta ra sao, nhưng Bá Nhữ này có cầm đến cây đàn đáy thì cũng không đến nỗi là những tiếng bật bông. Rồi xem. Có lẽ ta đánh đàn đáy vào hôm đó. Đờ được một tay kếp ngoài. Cuộc vui sẽ thân mật hơn. Và ý Cậu nhà cũng chỉ muốn ít người thôi". Trên đường trở lại Mê Thảo, người quản ắp vui tươi như hôm vừa rồi thấy Cậu Lãnh đòi uống lại.

Một tháng ròng, Bá Nhữ cho đón một người kếp nghiệm về ắp để luyện lại ngón đàn đáy, cung đốn thầy đàn quá là phụng dưỡng cha già, chỉ đành ninh hể thành thuộc hết cái bí mật của nhà nghề khi đã ghim được rồi, là sẽ hạ sơn đón Cô Tư mà sống tư mình với trúc người, - ít ra là một lần này - để Cậu Lãnh có dịp đầu thai lại vào đời sống.

Mà tập đàn đáy đến như Bá Nhữ thì tức là cướp cả nghề của kếp nghiệm đấy. Bá Nhữ không thềm buông một tiếng tơ nào. Đã bấm đến tiếng đàn nào thì tiếng ấy cứ chín nục đi. Không một chữ nào sượng. Tưởng có đi đàn thờ ở một cửa đình nào, thì ông thần làng lấy giải cũng không bắt được Bá Nhữ đàn lỗi ở bất cứ khổ nào. Trông Bá Nhữ thắt cổ chó mỗi lúc nổi dây, xinh đáo để. Mà người tỉ mỉ đến thế là cùng. Không một bộ phận cón con nào của nhạc khí lôi thôi kệnh cang ấy mà Bá Nhữ không thuộc. Không

nói gì đến cái quá giang cái thú của đàn, đến như cái mõ phím đàn cái vú đàn, Bá Nhữ cũng tò mò đến. Thế rồi những ngón đàn như vê, lấy, chụp, vuốt, nhấn, những tiếng thoảng, những chỗ xòe, Bá Nhữ đều nhập tâm cả coi cũng như là công việc sổ sách hàng ngày trong ấp tằm.

Bá Nhữ đi nài lại một cây đàn đáy cũ, thành bằng gỗ trắc đã lên nước, tang bằng gỗ ngô đồng Chiêm Thành. Gỗ mặt đàn in sâu những thương tích của nghề do cái đầu gảy muôn thuở của các bậc tiền chủ đàn đã cần mẫn vào tang. Bá Nhữ lia Mê Thảo, ôm cây đàn cũ ấy về quê Nhộn.

Lần này, gặp Cô Tư, Bá Nhữ nói ngay: "Có lẽ Cô sợ không có người đàn nên lần trước, thỉnh Cô, Cô không chịu đi. Lần này tôi đem luôn cả đàn xuống, đàn thử Cô thăm âm mấy khổ, hễ Cô thấy không đến nỗi sợ lắm, thì Cô nhận lời mời nhé!". Thế là ngồi vắn trực, thử lại dây, Bá Nhữ đàn luôn.

Tùng tung tếch, dênh dênh a dênh

Tùng tung tùng tung tùng tếch tùng tung tưng,

tung tùng tếch tùng tênh tùng tung (xòe)

Tùng tếch tang tùng tang, tùng tang tếch tang

Tếch tênh tang tùng tếch tênh tang

Tếch tùng tếch tênh tang

Tùng tếch tùng tênh tang (xòe)

Đầu tiên, Cô Tư còn ngỡ với những tiếng đàn mà đến mấy năm nay Cô coi như là việc cố tích đã cất vào cái tủ mọt nào rồi. Ông Chánh Thú chết, Cô liền không cho tai mình nghe bất cứ tiếng đàn nào của người đàn ông nào. Cô chưa hết ngần ngại thì Cô đã phải chú ý đến ngón đàn khôn

của ông khách. Những chỗ buông bắt, sao mà giống cái nghệ thuật ngày xưa của ông Chánh Thú đến thế. Miệng Cô mấp máy, cổ họng muốn dặng hắng, Cô muốn hít hơi cho đầy hai lá phổi. Cánh mũi cô phập phồng nhẹ, Cô muốn hát vo theo những khổ đàn của Bá Nhữ cứ như thấm mãi vào người. Cô muốn quỳ xuống mà lạy tổ muôn lạy và hối vì đã có ý muốn giải nghệ. Bá Nhữ để nằm cây đàn xuống giường, đầu dọc đàn đụng vào tà áo người chủ nhà góa. Cô Tư nhích ra, thở dài.

- Cô có thể cùng đi với tôi lên trên ấp ngay giờ chứ?

- Biết nói thế nào cho phải với ông bây giờ. Chúng tôi cũng chẳng lấy làm cao quý gì cho lắm để ông phải vờ đến mấy lần. Ngày trước thì lại chẳng được gặp những bức như ông cho. Tôi không thể nào đi hát được nữa ông ạ.

- Đàn tôi còn non, Cô sợ tôi không ghim nổi chăng?

- Không phải. Đàn ông chín lắm. Nghe đàn của ông, đến người đá đẩy cũng phải bật ra tiếng hát. Tôi nói thực đấy ông ạ.

- Vậy sao Cô không chịu nhận nhời mời! Phách, tôi chắc Cô không quên được rồi, dẫu có bỏ lâu ngày đến đâu đi nữa. Hay là Cô chưa được khỏe?

- Thưa ông, tôi không đau ốm gì cả. Thôi ông chịu phiền vậy. Để tôi cho tìm một người bạn tôi ở thôn dưới về ấp hát hầu các ông nghe vậy, cũng gần đây.

- Nếu Cô không nhận nhời cho thì Cậu Lãnh chúng tôi cũng không dám phiền đến ai. Nếu Cô ngại điều gì, thì chỉ dám phiền Cô cất công đi cho một lần này thôi. May ra mà Cậu Lãnh tôi khỏi được, thì chúng tôi chịu ơn Cô nhiều lắm.

- Nghe hát, khỏi được! Khỏi gì ạ? Ông nói thêm cho chúng tôi rõ.

Bá Nhờ liền đem tình cảnh ấp Tháo và bệnh tình chủ ấp kể tường tận cho người đào nương nghe. Cô Tư lấy làm suy nghĩ quá.

- Thế này ông nhá. Đáng nhẽ thì chúng tôi cũng không nói ra. Vì nó là một câu chuyện kín ở trong nhà, riêng đối với một người đã khuất. Nhưng ông đã đem việc trên ấp mà kể cho chúng tôi nghe, chúng tôi cũng không dám giấu ông về cái tâm sự của tôi nữa. Và khi tôi thuật xong ông nghe rồi, ông đừng nhắc lại chuyện lên hát trên ấp ông nữa nhá!

- Xin Cô cứ kể cho nghe đã.

- Đây là một câu chuyện nhà, tưởng không bao giờ có thể bận đến tai ông. Số là lúc ông Chánh nhà chúng tôi nằm xuống, vợ chồng thương yêu nhau quá mà không làm thế nào để cường lại được mệnh giới, chúng tôi có thể độc với nhau một câu. Là vắng chồng rồi thì thề không uốn một tiếng hát nào cho thiên hạ nghe nữa, trừ phi... trừ phi lại có người nào dám cầm đến cây đàn đáy cũ của chồng tôi mà đàn lên lúc tôi gờ. Lắm lúc nhớ tiếng hát mình quá và lại thêm công việc nhà nhiều khi thiếu sự chi dùng, chúng tôi cũng có ý rời quê lên tỉnh để dọn nhà hát lại. Nhưng cứ nghĩ đến nhời thề đối với cây đàn của chồng mà lại không nỡ, mà lại không dám...

- Tôi ngắt Cô một chút. Thưa Cô, tôi tuy không tài giỏi bằng ai, nhưng tôi dám đàn vào cây đàn của Ông Chánh Thú. Ít ra là một lần trong đời tôi. Tiếng đàn hay hay không là ở ngón đàn của người đánh chứ có phải là của riêng nhạc khí đâu. Nếu có chiếc đàn của ông Chánh đấy, xin phép cô cho tôi thử một vài khổ, xem nó khó khăn đến thế nào.

- Ông để tôi nói tiếp. Nguyên cây đàn đó hình như có phù trú yểm bùa biểc gì ấy. Tang đàn làm bằng nắp ván thoi cổ quan tài một người con gái đồng trinh. Hồi còn mồ ma nhà tôi, cái đàn ấy cũng đã sinh ra nhiều chứng lắm rồi. Về sau này, cứ vào những đêm tối giới không tiếng gà gáy chó kêu và thứ nhất là vào những đêm áp ngày giỗ nhà tôi, thường cây đàn vẫn dở giới, thành đồ mồ hôi cứ vã ra như tắm và thùng đàn phát lên những tiếng

thở dài và vật mình vật mảy với bức vách, cứ lũng củng suốt đêm. Thấy thế mãi rồi nó cũng quen đi, chứ mấy lúc đầu, tôi sợ lắm. Và chẳng, vì có sự nhớ thương mà rồi cũng đỡ cái nỗi kinh hãi đi.

- Cây đàn ông Chánh đổ mồ hôi và thở dài?

- Vâng. Tôi không dám buộc ông tin những điều ấy. Nhưng việc đó ở nhà này, đàn bà chúng tôi thường vẫn thấy có sự linh ứng luôn luôn.

- Cô có thể cho tôi nhìn qua cây đàn ấy không? Hiện có ở nhà này chứ?

- Dạ vâng. Dừng ở cạnh bàn thờ. Nhưng tưởng nói qua ông nghe thế là đủ và chẳng cần ông phải xem đến.

- Không, Cô cứ cho tôi đứng cạnh nhìn qua. Với lại, Cô cũng nên cho tôi thắp một tuần nhang trước bàn thờ ông Chánh nhà. Tuy không được biết nhau lúc sống, nhưng có hề gì điều ấy. Cũng là một nòi tài tử cả mà. Lễ nhau một lễ cũng là điều phải.

Bá Nhờ có một lỗi nói cứ xoắn lấy việc, không thể nào từ chối được. Và chẳng, người cũng có cái cốt cách phong nhã. Cô Tư đành phải đưa một ông khách nhất kiến vào xem bàn thờ chồng và nhất là cây đàn cũ dựng đấy. Bá Nhờ đang ngắm nghía cây đàn bụi bám đầy, mạng nhện giăng cả lên mấy sợi tơ dây - khom mình cách xa đàn độ một với tay - bỗng đàn cũ nổ một tiếng tách gọn như cái tiếng nứt dọc bóng đèn a phiến. Bá Nhờ giật mình ngắc lên, lùi ra một chút. Thì ra một sợi dây vừa đứt phụt, nó đang xoắn quẩn và rung rung gởi lại vào phòng vắng ít dư ba của thanh âm dùng dằng rĩ rền.

Bá Nhờ lặng lẽ thắp hương, khấu đầu làm lễ trước bàn thờ lạnh mội. Bát hương nấu âm, tự nhiên các chân nhang đều cháy bùng lên và tàn lụn dần trên gio bát. Cô Tư sợ quá và sắc mặt Bá Nhờ cũng có tái nhợt đi. Trở ra ngoài phòng khách Bá Nhờ gật gù:

- Hồn ông Chánh có điều thiêng lắm đấy. Cô ạ. Thế rồi cây đàn còn những làm sao nữa, hờ Cô?

- Năm ngoái, cũng có một người đến đây năn nì tôi hát nói. Ông ta cũng sành đàn lắm. Nể quá, tôi gõ mấy khỗ, rồi phải bỏ dở. Và cho đến bây giờ vẫn còn hối hận.

- Sao, sao, Cô?

- Ông ta đàn được mấy khỗ vào cây đàn của nhà tôi...

- Cây đàn cũ của ông Chánh dựng trong buồng thờ vừa rồi?

- Chứ ông bảo còn cây đàn đáy nào khác nữa. Nghĩa là tôi đã thề với ông Chánh tôi như thế. Tôi cũng tưởng cứ làm đúng với lời thề thì không việc gì. Nếu tôi biết trước được có sự xảy ra thế thì tôi đã ngăn được ông khách ấy. Không nghe hát thì có ai chết bao giờ. Chứ cứ nghĩ như cái lần ông khách ấy nghe hát mà tôi thấy tội cho tôi quá. Cái mạng con người, ông ạ.

- Ông ta chết bên cây đàn?

- Tôi không nói đùa. Và xin ông trang nghiêm lại lời nói cho. Ông khách ấy không chết, nhưng thành ra hồng mắt hằn nửa bên người. Ông có muốn gặp lại cái người bán thân bất toại vì ca nhạc ấy, tôi chỉ chỗ cho ông tìm đến mà hỏi chuyện. Ông ta người vùng Bắc.

- Đầu đuôi câu chuyện thế nào, xin Cô cho được nghe rành rọt.

- Ông ta ngồi đàn mà tôi thì gõ. Không có ai cầm trống. Mới xong được câu mười. Tôi mới buông dở chữ quê sau ở câu "Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê" thì thấy ông ta rùng mình mạnh, tay đàn lìa hẳn đầu gảy, cả người rung lên mặt xám đi và mắt dại hằn ra. Tôi vội bỏ cổ phách đấy, chạy đến đỡ ông ta vì người ông ta cứ thế mà thiu dần đi. Phải tìm ông

thầy và đổ thuốc cho ông ta gần sáng mới tỉnh lại và nói được, miệng lèch hẳn về một bên. Nhớ lại câu ông ta nói mà nhiều lúc tôi muốn xoay nghề. "Tôi đam mê đàn hát quá, không nghe lời Cô dặn qua về cây đàn thờ, để đến nỗi hỏng một nửa người, để đến nỗi thành phế nhân, lỗi thật chỉ tại tôi. Giờ phiền Cô cho người đưa hộ tôi về nhà được thì tôi chịu ơn Cô thật là nhiều lắm". Tôi có thuê cái võng và cật hai người khỏe mạnh võng ông ta về vùng Bắc. Võng anh ta vừa ra khỏi cổng nhà ngoài sân kia, thì bên buồng thờ bát nhang cũng hóa và cháy bùng lên như hôm nay ấy ông ạ.

Bá Nhữ ngồi một mình cạn hết chén này đến chén khác, không có hỏi thêm nói thêm một câu nào, khi cáo từ Cô Tơ, chỉ nài chủ nhà phải nhận chỗ tiền đưa về sự phí tổn lật vật.

Về tới Mê Thảo, Bá Nhữ vào thẳng buồng riêng mất một đêm một ngày, mắt không phút nào nhắm và cánh tay để trên trán đọng hần máu lại. Việc tắm việc ấp, có điều cần kíp đến mấy, dân ấp cho người lên vấn kế, Bá Nhữ cũng xua tay đuổi xuống. Thậm chí Cậu Lãnh cho đòi, Bá Nhữ cũng không chịu lên, lấy cớ rằng khó ở lắm. Bá Nhữ không ăn không uống, chỉ nằm dài thế mà nói chuyện riêng với riêng mình thôi.

"Như thế nghĩa là cầm đến cây đàn của Chánh Thú là phải chết. Nếu không chết thì cũng phải thương tổn đến thân thể như cái lão gì bên vùng Bắc. Ta có nên quyến luyến với cái thể xác ta nữa không? Ta thử nghĩ xem ta còn có để dành ta vào việc gì khác không? Hay những ngày mai ngày kia cũng chỉ là sự tái diễn của ngày này thôi! Đổi tên đổi tuổi lên cái ấp nuôi tằm để rồi mà hết hẳn ở đây hay là hết ở một chỗ nào khác trong không gian? Cậu Lãnh đãi mình rất hậu. Đây là một cái ơn tri ngộ. Ta muốn trở nên một chút ánh sáng, ta muốn trở nên một cái đốm lửa để làm bừng dậy trong lòng con người tê dại này. Có thể đây là một cuồng vọng. Có thể chỉ là một cuộc thí nghiệm suông mà riêng mình chịu lấy phí tổn thôi. Nhưng cuộc thí nghiệm nào mà chẳng có trị giá. Hình như ta sắp đọc thấy cái ý nghĩa của thời giờ ta đang tiêu đây. Ta học nghề đàn, ta phải đánh lên thành

tiếng, dẫu rằng đời chơi đàn của ta chỉ vắng được lên có một lần, trong một trường hợp đặc biệt. Quái, sao cây đàn của Chánh Thú ám ảnh và thử thách ta đến thế! Cầm cái đàn ma quái ấy mà gảy để Cô Tơ hát, để Cậu Lãnh đánh trống! Ta muốn làm được việc ấy ngay bây giờ". Bá Nhữ nghĩ trước đến những nương dâu lá xanh um sau này mà mắt mình không ngó đến nữa. Bá Nhữ nghĩ trước đến những lúa tằm chín - ruột đỏ trong suốt như hổ phách gọt mài - mà sau này tay mình không đụng đến nữa. Ý nghĩ Bá Nhữ lúc này cũng là một ý nghĩ trả nợ đời và đời y lúc này cũng chỉ là một sự rút ruột con tằm. Có còn vương được tơ nữa về sau hay không thì chưa biết, nhưng rồi đây cầm đến cây đàn Chánh Thú ấy mà đánh lên thì cái thác của đời tằm nào mà chẳng là say sưa. Nhả cái tơ lòng ấy ra, đánh lên cái tơ ấy cho dội vang lên một giây phút của thời gian rồi mà hết luôn với tất cả chung quanh! Bá Nhữ muốn cười to một tiếng. Tiếng cười ấy không thành, nhưng Bá Nhữ đã ngã vật được xuống. Và mắt người nằm đấy, tuy không nhắm, nhưng lòng người ấy đang chiêm bao đến những giây khắc sắp tới của đời mình. Từng cái một, tóc người ấy trắng mãi ra như sợi cước.

Vô tâm đối với chung quanh đến như Cậu Lãnh mà cũng phải giật mình khi trông thấy cái đầu trắng lộp như mây của Bá Nhữ đang động đậy và đưa gần mãi về phía mình, bên lối cỏ của tửu phần.

- Có hai hôm vắng mặt, mà sao đầu Em đã ngả bạc hết cả rồi?

- Cậu tưởng đời Em còn xanh lắm sao?

- Chết chữa, không còn gốc nào xanh. Em chịu khó xuống lại buồng riêng lấy gương soi mà xem. Tóc Em thật như là tơ trên đầu một vị tiên ông nào.

Bá Nhữ lại muốn cười to, tâm bận với một chữ tơ. "Tơ tóc. Tơ trên đầu. Tơ trong lòng. Tơ đàn. Sợi tơ cây đàn nay mai ở nhà Cô Tơ. Tiếng tơ tiếng trúc của một bữa tiệc lên đường nay mai bằng cái đi muôn thừa của âm nhạc".

Chủ ấp và quản gia đối ẩm, thân mật hơn mọi ngày. Chén rượu chen tiếng đàn. Nhân tiện, Bá Nhữ cũng muốn ôn lại những khổ đàn đáy, tưởng như mình sắp đi thi làm quản nhạc. Hơi rượu ủ lấy hơi tơ. Tiếng gảy kệp lấy tiếng rót. Thời gian thản nhiên lướt trên hai cái tâm sự. Một người uống để kéo dài đời mình ra bằng sự nhớ thương một cái bóng trắng. Một người đánh đàn để càng cảm thấy rằng đời mình rồi sắp là cuộc đời của một sợi tơ do tay mình cấu đứt. Thế mà lòng người đánh đàn quyết liệt ấy vẫn cứ se thắt được để rồi lại tự nhủ thêm mình rằng: "Ta không vợ không con, đổi tuổi đổi tên họ, lẩn lút lần lữa nơi ấp người, trên đầu đội một bản án tòa đại hình. Ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta! Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả các thứ tàu và chuyến tàu của cuộc đời này không chở một kẻ hành khách cô độc đây. Có ai đưa ra được một lý lẽ chính đáng nào để ta không nhấn ngón tay vào phím đàn Chánh Thú! Đã nhìn thấy cây đàn cũ ấy thì phải đánh - đánh cái cuộc đời mình vào đấy - để rồi xem nó thành được ra tiếng gì". Bá Nhữ thấy cái cảm dỗ của những phút muốn thử đến một cái gì, muốn thử mình với một cái gì.

Gần tàn tiệc đêm, Cậu Lãnh vụt nhớ đến cái thềm ước cũ: "À, hôm nào Em cho tìm Cô Tơ về ấp hát một buổi. Đàn của Em nghe chín lắm. Sao mọi khi không thấy Em chơi đàn đáy! Ủ, chưa có lần nào Em đánh đàn đáy. Có Cô Tơ hát thêm vào nữa, thì cuộc đời cũng không đến nỗi toàn là những chén "Vô Cố Nhân" đó Em ạ".

Chủ ấp lại đòi vợ thêm nữa bi "Vô Cố Nhân" nữa để cho mặt giời rọi lạch ánh buổi mai rừng vào miệng những chén trào sóng còn sủi tăm. Đã trên dưới nghìn đêm rừng rồi, gà ở ấp Tháo chỉ có gáy chõ vào một chén rượu của một con người này.

Bá Nhữ lại xuống núi, tay không mà xuống núi chứ không có đem đàn theo như lần trước. Lần này là lần thứ ba mà một người đánh đàn tìm đến một nếp nhà gianh để cầu một tiếng hát.

Trông thấy Bá Nhữ bước vào nhà, Cô Tư càng lo sợ nghĩ đến cái mộng hôm trước không khéo mà ứng vào ông khách trên ấp này đây. Đêm nọ gần về sáng, Cô Tư nửa thức nửa ngủ chờn chợn nghe thấy tiếng người rón rén đi từ trong buồng thờ đứng sừng sững đấy, áo xô gai rộng tay và hen ố. Cô định vùng chạy đi thì hồn người chồng ra hiệu là không việc gì mà sợ. Ngồi men vào thành giường, cái hồn mặc đồ vải trắng bạch ấy phào phào với vợ: "Một ngày rất gần đây, sẽ có một người tìm đến để nghe mình hát. Cứ để cho người ấy đàn vào cái đàn dựng ở bàn thờ tôi. Mình đừng có ngăn giữ người ta. Mình phải hát cho người ấy đàn. Đàn xong thì người ấy lặn ra chết. Thế nghĩa là người ấy sẽ thế mạng cho tôi ở dưới cung Thủy Tinh này. Thì tôi mới được trở lên làm người dương gian. Đàn dưới này cho Diêm Vương trong mười vương phủ, tối tăm khổ sở lắm. Những thanh âm của ngục tối, mình ôi! Mình nhớ kỹ lấy để tôi được đầu thai về cái thế giới tởn trức trên dương gian. Lần trước đã hụt mất một dịp đầu thai rồi vì mạng cái người bên Kinh Bắc ấy còn vững lắm, tôi bắt chưa được. Thôi tôi về đây". Một luồng gió lạnh lay động lá màn. Cô Tư ngồi hẩn dậy thì không thấy gì nữa. Và một điều lạ là trong buồng thờ lại có ánh đèn. Ai thắp? Bao giờ Cô cũng tắt đèn thờ trước khi đi nằm. Cô vào đến nơi thì có ba tiếng nứt tách rất dứt khoát. Ấy là ba sợi dây tiêu dây trung dây đại ở đàn đáy kế tiếp nhau mà cùng đứt. Một con đom đóm vờn bay trên cây đàn nhể nhại mờ mờ. Trên nền tang đàn gỗ ngô đồng, có những đốm lân tinh lập lờ. Cô Tư lại gần nhìn thì mới biết đấy là máu của dây đàn đứt. Đầu các dây còn rung lên, ruột sợi tơ rỉ tuôn ra một thứ nước đặc sệt như máu con giời leo và xanh đục như ruột bọ nẹt. Chất ấy đọng thành giọt ở các đầu dây và lóe tia xanh lạnh lên dưới cái sáng chờn vờn của lửa con đóm. Cô Tư thắp một tuần nhang bất thường và đổ cổ phách ra khỏi túi vóc, Cô gõ mấy câu hát thờ.

Công việc đồng áng của Cô Tư vào sau giấc chiêm bao ấy có điều trẽ nải hơn mọi khi. Rồi là thấy Bá Nhữ vào nhà Cô.

Sực nhớ lại mấy nhời trong mộng, Cô Tư chỉ vội mời Bá Nhữ uống nước, và bỏ mặc khách đấy, Cô lùi ngay vào buồng thờ châm đèn hương, thỉnh chuông và cầm hai đồng tiền gieo xuống đĩa xin âm dương, khẩn: "Nếu mộng triệu ứng vào người khách chơi đàn trên ấp Mê Thảo đang ngồi ngoài kia, thì tôi muốn xin mình tha cho người ấy. Mình chờ đến người sau rồi hãy đầu thai lên lại với cuộc đời bằng thịt bằng xương thật này. Cũng không lâu gì đâu. Mình muốn lúc nào thì cứ báo mộng cho tôi là tôi tìm ngay được một người cầm vào đàn của mình mà đánh để rồi chết. Thiên hạ nào phải thiếu gì người cầm đàn chạy theo vợ mình. Có trôi sông cũng không hết. Nhưng đến cái người ngồi ngoài nhà kia thì tôi thấy không đang tâm. Tôi xin mình, mình chứng giám cho tấm lòng ngay thẳng và thương người của vợ mình. Tôi gieo tiền, mình bằng lòng thì một đồng sắp một đồng ngửa".

Tiền khất đài một mặt bôi vôi, ba lần gieo xuống đĩa thì ba lần chỉ quay tít mà cười rồi lăn ngửa cả ra đĩa, chứ không keo nào được cả. Cô Tư hoa mắt, ghen nơi họng và trong người như có ai đặt hỏa lò. Rồi Cô lặng cúi trở ra phòng khách, không dám nhìn thẳng vào Bá Nhữ.

- Thưa cô, tôi về ấp đã nghĩ kỹ rồi. Tôi sẽ đánh đúng vào cây đàn thờ dựng trong buồng. Sự gì sẽ phải xảy ra cho tôi, tôi vui lòng chịu lấy. Cô không nên lo sợ ái ngại gì cho tôi cả.

- Thưa ông... Thưa ông...

- Thưa cô, tôi đã nhất định. Nếu tôi có tránh được cái việc đánh vào cây đàn ông Chánh, tôi thấy đời tôi nó cũng chẳng thêm hơn lên lấy được một điều gì. Có lẽ còn nhạt là khác nữa.

- Thưa ông...

- Thưa Cô... mà lần này chắc không còn có cách gì để Cô từ chối nữa. Vì Cô không phải lên hát tặn trên ấp. Cô ngồi hát ngay ở bực kia. Tiện lắm.

- Thưa, không có trống?

- Điều đó, tôi đã tính rồi. Chừng vàng mặt giờ thì vồng Cậu Lãnh tôi sẽ có người cáng tới đây. Cậu Lãnh sẽ cầm chầu. Cô sẽ hát, tôi sẽ đàn - đàn ngay vào cái đàn ông Chánh. Thôi, Cô bảo dọn qua loa cho tôi cái gì để tôi uống mấy chén cho nó ấm bụng.

Trông người quản gia ấy nâng chén độc ẩm, người ta phải liên tưởng tới cốc rượu mạnh của tội nhân sắp lên đoạn đầu đài. Bởi vì, chốc nữa - chỉ một chốc nữa thôi - khi mà Bá Nhữ cầm đúng cây đàn thờ ấy lên, hễ bắt đầu sòng lên ba tiếng tức là ký vào một bản án tử hình đấy.

Cả người Cô Tư là một cội bần chồn không biên giới... Cô ở nhà ngang chạy lên nhà trên, nhìn vào mâm rượu rồi lại nhìn trộm Bá Nhữ và rồi lại chạy xuống. Cứ thế mãi. Cô muốn được trốn lánh đi đâu chứ không muốn là một niềm xúc cảm gì ở cái nhà này nữa. Cái sinh mệnh của người tự tổng tửu cho mình kia chỉ đang treo vào một sợi... tơ! và Cô sắp hát cho người ấy nghe để cho sợi tơ kia đứt phứt.

Chiếc cáng điều ấp Mê Thảo đã dựng giữa sân nhà Cô Tư hai đầu gác lên hai cái trấu gỗ ối già. Cậu Lãnh vẫn chưa tỉnh rượu. Hai lực điền dân ấp vực Cậu Lãnh vào, đặt Cậu ngả lưng bên gối xếp. Bá Nhữ ra hiệu cho chủ nhân triệt soạn và mời Cô Tư đồ phách ra mà gõ ngay đi thôi. Sau khi châm mấy nén hương vĩnh quyết vào bát hương thờ Chánh Thù, Bá Nhữ đã khệ nệ ôm cây đàn thờ từ trong buồng ra. Cô Tư cầm phách gõ.

Bá Nhữ thử dây, vặn trục đàn. Trục nghiêng gắt và nấc dần mãi lên. Cần đàn ôm sát vào mặt, Bá Nhữ ngửi thấy một mùi tanh tanh và gỗ đàn đã truyền sang lòng tay một chất nhờn sánh. Buông đầu gẩy xuống dây, đàn vang ngân một tiếng cuồng loạn. Và những đầu ngón tay phải - Bá Nhữ đàn tay trái cũng như cầm đũa cầm bút - nhấn xuống dây đã ran lên những cảm giác buốt nhức. Bá Nhữ chừng chặc buông ba tiếng sòng!

Cậu Lãnh còn đang li bì vội choàng dậy, cầm roi chầu đánh luôn mấy tiếng. Người Cậu Lãnh chỉ còn ở hai cánh tay và hai cái tai, chữ cật và chân cứng đờ và mắt thì nhắm nghiền, cầm vênh lên giờ. Cô Tư như mất hồn, cái tâm chỉ còn lên xuống theo với bực đàn. Gỗ bực dưới thân tan loãng đi đâu để cả người Cô Tư phiêu diêu lững lờ trôi mãi giữa không.

Chưa bao giờ Cô Tư thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đây buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liềm kết cái u uất vào tận bên trong lòng người thâm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết được ra. Nó là một nỗi ủ kín bực dọc bưng bít. Nó giống như cái trạng huống than thở của một cảnh ngộ vô tri âm. Nó là cái tấm tức sinh lý của một sự giao hoan lưng chừng. Nó là niềm vang dội quặn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẻ màn thừa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cữ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái lê thê của nấm vô danh hừ hừ ngọn vàng so le. Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vương vít nửa vời.

Tiếng đôi lá con cổ phách Cô Tư dồn như tiếng chim kêu thương trên dặm cát nổi bão lốc. Nhiều tiếng tay ba ngừng gục xuống bàn phách, nghe tàn rợn như tiếng con cắt lao mạnh xuống thềm đá sau một phát tên. Tay phách không một tiếng nào là nhụt. Mỗi tiếng phách sắc như một nét dao thuận chiều. Và gõ đến như thế thì thật là đem cái vinh quang đến cho tre cho trúc và tạo cho thảo mộc một tấm linh hồn. Dưới mười ngón tay hoa múa dẻo quánh, tre trúc bật nảy lên vì thỏa thích. Đàn và hát dặt nhau mà lướt bóng. Cậu Lãnh Út mềm tay roi, càng mê tơi đi vì tơ trúc riu ran. Chưa hồi tỉnh cuộc rượu của ấp, Cậu lại tự bồi thêm trận rượu của đêm nhạc. "Đàn ai đàn...".

Những đường gân ngang nó gò cong mình xuống đàn nó day thịt da tê cóng trên dây sắc buốt như cật nửa, mấy đầu ngón tay Bá Nhữ sưng vù và bật máu. Bá Nhữ đang chịu một nhục hình bá đao từng xẻo. Nghe phách Cô Tô, ở những khổ rung thưa rồi mau, Bá Nhữ say sưa trong cái nhận thức là mình đang chết dần giữa đàn hát và mỗi một tiếng trúc tiếng tơ đánh thêm lên là mình lại càng lả dần về cõi chết. Có người tự tử bằng mùi hoa ngát, có người tự tử bằng hơi nhạc. Người đang luyện phím khảo dây bỗng nở một nụ cười héo sững trên hai môi tái.

Máu chảy ra nhiều quá. Toàn thân Bá Nhữ đỏ ngòm. Áo quần màu trắng của Bá Nhữ vệt trở nên vốc đại hồng, trông hệt một người phục sức để ăn thượng thọ. Người Bá Nhữ đã là một cái vại đựng chất lỏng có nhiều chỗ rò rỉ. Máu trong cơ thể Bá Nhữ cứ đều một dòng tuôn mà thấm lậu ra ngoài. Bá Nhữ đã thấy khát nước và khắp mình mẩy, xót nhức không biết đến đâu là chừng hạn nữa. Mỗi tiếng đàn là một miếng thịt lấy ra. Tí một, tiếng đàn đưa nhau về nơi vĩnh quyết. Tùng. Tang. Tùng. Tùng! Tụng, Bá Nhữ vấp một chỗ nhấn, đầu ngón chừng đổi giây lát trên mỗ phím cao quỵện huyết. "Đàn ai... đàn... một tiếng...".

Vừa có một mũi kim nào châm vào cái đốt cuối xương sống Bá Nhữ, làm cho cây đàn đột ngột bật hẳn cần dọc lên. Rồi không rõ từ đâu vào, vẫn ở đoạn xương sống, có rất nhiều hạt muối lạo xạo đánh loăng chát tủy người đang gò đàn. Ruột nhũn hẳn ra, óc se thắt lại, chỉ còn có cái tâm Bá Nhữ là điều động với lớp lớp tơ trúc dật dờ.

Gân tay Cô Tô xuống phách đã có chiều lão đảo vì chuột rút. Hạt châu lẩy bẩy động trên môi người hát, sáng đục như mắt chuồn chuồn. Phải nuốt nước mắt mặn chát tuôn đều với máu người đàn đối diện, tiếng hát Cô Tô có nhiều chữ buông bắt đã hết vuông hết tròn. Tiếng hát đã xa làn rồi khô và mực hát đã có chỗ bưng. Cả hát cả đàn đang dặt tay nhau sa lầy trên cái mênh mông bùn sũng ngào vỏ ốc, mở rộng xanh lơ ngút chân giò. Cô Tô rùng mình. Hình như đây là pháp trường đang có những tiếng mớm chiêng

đồng. Như ăn phải bát cháo lú bên sông Hắc Thủy. Cô mê thiếp đi. Tiếng hát méo dần.

Thoáng một tiếng dây đàn đứt. Cô choàng tỉnh để nhận cái đầu tơ ấy bắn vào mặt. Thái dương Cô tê dại trong khoảnh khắc. Rồi vững lại tay phách, chỉnh lại hơi cổ hơi mũi, Cô Tơ hát bây giờ mới vượt qua những đỉnh nhọn của thế giới âm thanh. Tiếng hát mọc cánh, thăm thăm trong trắng tinh khiết quả pha lê gọt. Cô đang gọi nước suối đá ngọt trào dâng lên. Tiếng pháp trúc riu ran như cô đục lại được muôn điệu của muôn giống chim. Có những tiếng tre đánh thép, sắc bén đến cái mực cắt đứt được sợi tóc nào vô tình bay qua khoảng nơi phách đang bốc cao vươn mình dựng dậy như vách thành. Đôi tai Cậu Lãnh Út chỉ là hai cái phễu để Cô Tơ rót vào đấy cả một rừng chim và cả một suối thủy tinh.

Cô Tơ giờ mới để ý đến những tiếng trống điểm. Trống người chủ ấp trẻ ấy sát phạt thật. Thật là một thứ trống lợi hại. Trong tiếng trống, có tiếng đổ nhào của ngói gạch vụn rời. Hình như tất cả những lâu đài cung điện của cuộc đời nhõn tiền đều tan rã theo một cái roi quất xuống mặt da loài thú. Hình như phải có được vô vàn vàng lụa lũy thế mà phí đi thì mới đổi được ra thành cái tiếng âm âm đục đục ấy. Châu, điểm đến như thế thì khỏi nào mà tránh được chuyện oan trái cùng người gõ trúc.

Lúc này, Cậu Lãnh chỉ biết có sự thâm âm. Âm trúc, âm tơ. Còn ngoài ra, Cậu không biết gì hết. Chén tổng rượu cứ liên tiếp mà vơi mà đầy, gia nhân đi theo rót đưa đến đâu thì Cậu uống đến đấy. Tưởng lúc bấy giờ, cả quê Nhộn này có phát hỏa, cả chung quanh Cậu đất có sụt nứt hết, Cậu cũng mặc. Cậu đang ngủ cái giấc ngủ thôi miên của âm nhạc. Không một tiếng nào lép, roi cứ như ôm lấy tang mít, rồi cứ như dán vào mặt da.

"... Nguyệt dải tàn nhang... ư... Con sông hồ nước biếc...". Nhưng thật ra Cô Tơ chuyên hướng tiếng hát vào lòng người chơi đàn chứ không bận gì mấy đến người điểm châu. Bá Nhỡ ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn dính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tắt bản đàn, là cuộc

đời người đang xuống cái đầu gậy bằng sừng bò tốt kia cũng hết luôn. Hơi thơ thiếu não như lời gởi gắm giới giảng. Nó buồn rộng xa nhòe quá một tiếng lên đường. Thôi thì đây cũng là những tiếng cuối cùng của đời, Cô Tư cố bắt buông từng chữ cho thật chín nục để kẻ sắp hết làm người kia đem đi cho thật đầy đủ cái dư âm của cõi sống. Làn hát chênh đi như lời già từ ngưỡng nghịu.

Trong buồng thờ Chánh Thù, có tiếng cười sảng sặc ở sau cái bài vị. Bát gương bàn thờ sứ chẻ dọc làm hai mảnh, tiếng nẻ toác to gọn như mắt tre nổ trong lửa. Hai mảnh sứ nhào lăn xuống nền đất, kêu đánh xoảng. Riêng Cô Tư nhận thấy tiếng đổ vỡ này và hiểu nó là điềm báo hiệu của một điều linh thiêng gì. Qua cái màn mỏng nước mắt, người hát trường trường vào người đàn! Bá Nhỡ vốn đã còm, giờ lại càng khô sút hẳn đi. Máu tuôn ra nhiều quá, đánh đồng quanh chỗ Bá Nhỡ như một khối hồng hoa. Bắt tay đàn để xuống mạnh một cái đầu gậy thứ nhất ấy là máu trong người Bá Nhỡ vơi đi từ đấy. Và thân hình ngót dần đi và teo tóp mãi lại chẳng khác gì cái xác khô người tăng già khổ hạnh. Hình như tới một chừng mực siêu thanh nào đó, âm nhạc có cái vật tính là làm quắt lại da thịt và chuốt dài thân người ra.

Bá Nhỡ chỉ còn là một cái bóng. Bóng loãng dần và không động. Bóng cứ nhạt mờ thêm mãi qua cái hôn mê của nỗi thảm tình thương và Cô Tư chỉ còn nhận thấy có một cái chấm sáng trên thân người ôm đàn là còn linh động. Ấy là cái mặt ngọc chiếc nhẫn ở ngón tay nắn dây. Tất cả sinh khí một kiếp người chỉ còn gởi có vào một cái mặt nhẫn linh động theo âm đàn. Nhưng mà ngón tay cầm đàn gậy cũng đã uế oải rồi trên con phím. Rồi băng hẳn đi trong phòng không có một tiếng đàn nào nữa. Như một thứ keo, máu cũ khô quánh đã gắn chặt mười đầu ngón Bá Nhỡ vào mấy sợi tơ đỏ sẫm và mặt tang ngô đồng hoen ố. Mười ngón như một đã bị đóng đinh liền vào phím cây đàn.

Máu tuôn đã hết chất nồng và chỉ còn tỏa ra một mùi tanh nhạt.

Bá Nhữ gục vào đàn, nách cặp lấy thành đàn mà nhoài ra giường. Gỗ bọc đệm và thân người nhoài ra kia lạnh băng nhau.

Phía sau gáy Bá Nhữ, vụt bay lên một con bướm đen loang lổ những chấm tròn hồng hoàng.

Tình hồn Bá Nhữ đã xuất thoát ra kia đang riu đôi cánh ồm rồi biến dần vào bóng khuya. Một con châu chấu ma nổ ruột trên tim nền lả lay.

Thế là hết hần ngân rung của chỉ đàn.

Điệu hát Hòa Mã, chưa quá một phần ba.

Như một hành khách hỏa xa tỉnh giấc lúc tàu đỗ vào ga, Lãnh Út choàng dậy, hất hàm hỏi: "Kìa, sao lại nghỉ lâu thế! Nối lại dây chòng vào".

Cô Tư bỗng òa lên. Tiếng khóc nức nở thê thảm. Cô chạy lại đỡ xác Bá Nhữ, đẩy chiếc gối mây vào gáy một tấm thi hài co quắp. Cúi mình xuống cái xác dầm dề đỏ, Cô Tư đang vuốt mắt cho Bá Nhữ, bỗng lại giật bắn mình lên vì một tiếng tách nửa nổ ngay cạnh Cô. Cây đàn vừa bị tay người lạnh thả dần xuống mặt bọc, đang tự tan vụn ra từng miếng con. Phím long rồi, cần, thành, tang đều tung bật hết mòng chốt, và cùng một lúc nhả hết những đường sơn gấm. Đàn chỉ còn là một đồng vụn gỗ linh tinh những bừa bộn bên một cuộc đời đánh đàn đang khô dần lớp máu cuối cùng.

Lãnh Út - nước mắt vận chuyển hết vào nội tâm thành một niềm tư lường im vắng ghê lạnh - chống tay vào cằm, ngây sững như đất tượng nung, ngủ ngời ngay dưới chân xác chết mất một nửa phần đêm và lấn sang nửa ngày sau, mắt mở to, mi không chớp lấy một lần.

Tình giấc ngủ ngời, Lãnh Út nhẹ đặt thi thể Bá Nhữ vào cáng đưa về Mê Thảo. Chiếc cáng đi theo cái đà của gió mưa thuận mùa. Lãnh Út bám

vào đôn cẳng mà lần về ấp. Lẻo đẻo chạy theo sau xa là Cô Tư, mặt trùm kín vuông khăn lượt trắng mỏng.

Bá Nhờ được hạ thổ vào lúc xế chiều. Và ngay buổi tối ấy, tửu phần cũng bị khai quật luôn lên. Mặt đất gò rượu ngổn ngang đất đào và vô vàn là chum là hũ bị tháo nút ngả nghiêng ở miệng huyết rượu. Nhiều vò rượu, nước sánh đặc chảy ra lênh láng. Nhiều hũ cơm ủ đang kết men, - lắm cái hình bó và sắc cốt hiện lên đẹp như phát khánh tướng đến nơi.

Sắn bó đuốc cháy, Lãnh Út vút luôn vào tửu phần khai quật. Gò rượu phát hỏa. Lửa men khô nồng bốc lên liên tiếp. Cho đến hết canh ba mà ngọn lửa men rượu xanh lè cũng chưa dịu ngọn. Đêm phóng hỏa tửu phần, thảo mộc chim muông vùng Mê Thảo bị một trận say lây. Cây cảnh cỏ lá đều miên man rũ rượu rầu nhũn. Thú ngàn rống to lên như cảnh động rừng. Chim bị say, cánh cụp cứng lại mà lìa khỏi tổ, rụng xuống đất như quả chín rời cành mẹ.

Lảo đảo, Lãnh Út lắp bắp ồm ớ nói mê giữa một giấc chiêm bao không ngày tháng: "Sau một cái tử biệt, giờ ta phải tính đến một nỗi sinh ly khác. Đối với đàn, hát, từ bây giờ ta nguyện làm một người điếc một người cô đơn một người phản bội. Và trên vong linh Bá Nhờ, ta thề độc là không bao giờ cầm đến một cái chén nào của cuộc đời này".

Tái bút: Một năm sau, ấp Mê Thảo mọc lên một ngọn chùa. Chùa Đàn. Chùa Đàn nhận tượng mới và chuông mới vào trước kỳ giỗ đầu Bá Nhờ mười hôm.

Cô Tư đòi giữ việc kinh kệ cho Chùa Đàn và nhận trông giúp luôn hai mẫu dâu ruộng bầu hậu cho Bá Nhờ. Dưới nhà thờ, có bia bầu hậu cho Bá Nhờ, ghi ngày kỵ và lễ vật dâng vào định kỳ ấy. Ngày kỵ Bá Nhờ, dân hàng ấp đều được nghỉ việc tầm tang bốn buổi liền.

Bệ vôi nhà thờ tổ chưa có pho tượng Phật nào. Nhưng ở đấy, sau bát hương đặt một tảng gỗ đẽo có ngọn vút lên, trông xa như một gốc trầm. Lại gần nhận kỹ thì là cả một cây đàn đáy với những nét chính của nhạc khí tạc chìm vào gỗ mộc. Cứ vào hai buổi chuông chiêu mộ, tảng gỗ thờ đó lại đổ ít mồ hôi dầu và xê động khỏi chỗ. Ngày nào, Cô Tơ cũng phải kê đặt lại tượng đàn thờ.

Được hai năm thì ấp Mê Thảo sang tay chủ khác, người ngoại quốc.

Lúc bán ấp, Lãnh Út cố điều đình vẫn giữ lại hai mẫu tự điền vốn cắt ra làm ruộng hậu.

Chùa Đàn dựng trên khoảnh đó.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Mở đầu Cuối

Quê Tương, mùa xuân một năm tuổi

Kính gửi sư thầy Tuệ Không,

Chùa Từ H...

Kẻ không đi tu này, muốn bạch cùng sư thầy Tuệ Không một vài điều để cùng luận với Nhà Chùa một thái độ về đời sống. Trước khi hầu chuyện Nhà Chùa, sư thầy cho phép chúng tôi nói chuyện với những độc giả cũ thân mến và trung thành của chúng tôi về thiên truyện bỏ dở đã.

Nhà Chùa cứ thỉnh xong hồi chuông chiều một trăm linh tám tiếng ấy đi thì chúng tôi sẽ trở lại với Nhà Chùa đấy.

Vậy là tôi đã đọc xong "Tâm sự của nước độc", trong một bụi lau cao, rừng tù kéo lê thê cái bóng chiều hôm thượng du. Tôi đọc chỉ có một hơi, say sưa đau khổ với người trong đoàn thiên. Trong lúc đọc, có một người lính tập cầm súng bên, tầm mắt dán xuống một dải đường đỏ lượn dưới núi để xem hễ có Tây quân trại xộc lên khám công việc, thì ra hiệu cho tôi biết. Tôi đọc hết "Tâm sự của nước độc" thì kèn đồng trên lô cốt đồn cũng nổi một hồi rôm rộ. Tôi phải dật ở quần áo, đứng lên, lần về trại giam. Tôi thất thểu trên dốc núi, khuôn cái lòng mình vào tâm người trong tập đoàn thiên giắt trong túi dết. Hình như chân tôi đang bước hộ ai đâu đây, theo một cái đà đi của người trong nhật ký. Phải, "Tâm sự của nước độc" chỉ là một tập nhật ký mặc dầu người viết nó không dùng ngôi thứ nhất lúc tự thuật,

không ghi niên hiệu của biến cố và đã đổi hết tên người tên đất. Dưới tập vở viết, chỉ chua: "Georges Philippar, 1932". Tức là... Lịnh viết trên một con tàu bể chạy đường Cực Đông, sau khi bỏ ấp, xuất dương, làm bồi tàu sống cuộc đời công nhân và truy tùy Cách mệnh ở ngoài xứ. Chính chiếc tàu to lớn này, kỳ hạ thủy chạy đường Viễn Đông Thượng Hải đã tải rất nhiều khí giới của đế quốc gửi sang Thượng Hải để đàn áp Cách mệnh Trung Hoa và chuyển về đã bị đốt cháy ở giữa Hồng Hải. Tôi ngờ Lịnh có dính vào chuyện Georges Philippar phát hỏa, làm chết một nhà báo tâm huyết Albert Londres và suýt chết luôn một ông quan xứ ta đi đón một ông vua Bảo Đại về nước nhận ngôi. Tôi nhớ rằng nhiều lần Lịnh đã giảng kỹ cho tôi về các công tác phá hoại.

"Tâm sự của nước độc" đích là một quãng thiếu thời của Lịnh lúc còn mê man o bế cái sống cá nhân của mình. Trái với lời rào đón khiêm tốn của tác giả nó về phép hành văn, tập nhật ký diễn theo một lối thuật hoài đặc biệt đã đem đến cho tôi nhiều rung động hiếm có. Ra khi người ta đã có một cái tâm sự và lại thiết tha và lại chân thành khi gởi nó vào giấy mực, thì người ta chấp được cả sự tưởng tượng của ngòi bút lạnh nghề. Và Lịnh, nếu chỉ cứ chuyên nhất vào cuộc đời chính trị, văn nghệ bị thiệt thòi hẳn đi về nhiều nỗi.

Đi theo tốp lính áp giải về trại, đầu tôi còn ê ẩm vì không khí một cái ấp nuôi tằm trong nhật ký. Đây là một cái ngục tối. Ấp Mê Thảo là một cảnh địa ngục mà lính canh là rượu, là hát, là kỷ niệm, là sự nhớ tiếc một người vợ chết. Ở tù, còn có thể vượt ngục được. Chứ đã ở đến cái ấp Mê Thảo ấy, có đủ tiền, có thừa rượu và sự chiều chuộng của đời sống dư nhàn thì chỉ còn có chết oan uổng ở đây thôi, chứ còn thoát ly thế nào được. Vậy mà Lịnh đã xông ra được. Để mà đang làm một con số 2910 đi bước một xuống dốc núi, trước mặt tôi.

Tôi nhìn Lãnh Út - Lịnh - 2910 mà rờn rợn cho một cuộc đời. Tôi nhìn Lịnh như một người đã bị thần trùng bắt đi, tra khảo mãi không xưng mà

rồi lại còn được trả về đời sống. Ghê thật! Một người đã được cuộc sống phong lưu bỏ tù vào cái vỏ cá nhân tự cứng đường mình, một người đã chìm nổi về rượu suýt chết vì rượu và đã làm chết lây người khác bằng đàn hát sở thích, một người đã chới ngấy lên vì rượu vì nhạc dầm dề cơ thể, một người đã ốm những trận thập tử nhất sinh vì những cảm giác ma túy ấy, người ấy có quyền nói câu này mà tôi nhớ mãi: "Nay tôi không sợ bắt bỏ tù tội và tất cả sự đàn áp của kẻ thù mà tôi chỉ sợ người mời uống và rủ đi nghe hát". Tôi tin được câu nói ấy của Lịnh.

Lịnh đã đem những tuổi hoa niên cầm cổ cho ma men, đã uống một bữa rượu dài ba bốn năm ròng, - mặt giời mặt giăng chỉ có kế tiếp triền miên mà rọi vào một cái cốc quen thuộc của con người ấy. Lịnh ngồi im sững trong không và thời gian đến nổi bóng mình in thành vệt lên vách vôi, đã từng nghe người ta vừa hát vừa khóc và nghe người ta đàn đến cái mực hộc máu ra mà gục chết dưới gốc nhạc khí, đối với một người sa đọa và sấm hối như thế, cuộc đời còn nỡ đủ tàn ác và bất cố liêm sỉ để mời người ấy nghe lại một khổ đàn hoặc cầm một cái cốc nữa không? Nghe hát đến chết người, uống rượu đến suýt chết cả mình, đích là cái quá khứ Lịnh chứ còn là của ai vào đấy nữa!

Không phải là Lịnh thù oán gì tửu và nhạc đâu. Lịnh chỉ đổi đi cái đối tượng của mê mải - người Lịnh lúc nào cũng chứa nổi say đắm một cái gì - và hướng dục vọng mình vào một phía mới nào nó rộng rãi và đúng nghĩa hơn. Lịnh vẫn là một người say cái Đẹp, say cái Say. Nhưng sau cái thời kỳ hỗn loạn của ấp Mê Thảo, giờ Lịnh là người tình nhân của Cách mệnh, Lịnh chỉ nhận có những chén mà công cuộc trao cho, thưởng cho mỗi lúc phá một cái gì để dựng lại một cái gì. Những chén ấy, thường Lịnh uống cả cần. Lịnh vẫn say như ngày xưa, nhưng không cần mượn đến cái thứ rượu tầm thường ta vẫn nhấp vào lúc vui lúc buồn hàng ngày. Trận say thứ hai này trong đời Lịnh - 2910, có lẽ đến lúc tắt nghỉ, Lịnh cũng không thêm tỉnh lại. Với cuộc Cách mệnh thường trực của cuộc đời chên vênh lạc nền tảng này, ai đã dám nói một câu chót?

Đêm ấy ở trại an trí, tôi châm đèn thức khuya hơn để đọc lại tập nhật ký của Linh. Mãi đến hai ngày sau, tôi mới trả Linh với một câu: "Dẫn rượu của đời sống vào cuộc đời bút mực đến một chốn hải hùng như thế, chừng như cũng mới chỉ có anh. Bởi vì cái tâm sự của anh cũng dị thường lắm. Tôi muốn xin phép anh, mượn anh những tài liệu sống đó để sau này xây một chút không khí gì cho một thứ văn phẩm nào của đời tôi nghèo hẹp, anh có vui lòng không?". Không cần suy nghĩ, Linh cúi ngay tập thảo vào túi dết tôi: "2910 biểu luôn anh cả cái bản thảo rách bần này. Anh giữ lấy làm cái kỷ niệm của một lần gặp nhau. Anh muốn dùng nó làm gì thì làm. "Tâm sự của nước độc" sang tay anh cũng là phải. Vì xem chừng như anh cũng là nòi rượu, thích đàn hát và ưa bay nhảy lắm thì phải. Đời tôi đời anh, nếu tôi đoán không nhầm thì hình như cũng đã có nhiều đoạn đường song hành".

Bạch sư thầy Tuệ Không,

Bây giờ tôi mới được hầu chuyện sư thầy về cái nghĩa sự sống sự chết trong đời người. Và tôi muốn cho một nhân vật trong "Tâm sự của nước độc" được đối chất ngay với sư thầy.

Ấy là Cô Tơ.

Và Cô Tơ, chính là sư thầy lúc này đó.

Cô Tơ, Tuệ Không, chỉ là một

Cũng như Lãnh Út - Linh - 2910.

Nhà Chùa không được chối, bởi vì Phật của Nhà Chùa bảo thế. Sư thầy bỏ Chùa Đàn, sư thầy tìm ra quét lá ăn mày sư tổ ngoài tỉnh Đông. Rồi sư thầy gởi mình ở Quỳnh Lâm, Dật Yên, ở Chùa Keo, Chùa Dận, Yên Tử, Chùa Cói. Sư thầy tu, kể cũng đã tốn nhiều chùa! Đi tù về, tôi bận lòng về một tập nhật ký đem theo xuống núi và tôi đã cố dò tìm hỏi han về hành tung của sư thầy. Bằng cách gì? Đó là cái công phu riêng của người nghệ sĩ

muốn tìm lại một cái kiểu mẫu người sống để đối chiếu mẫu cũ với một sự sáng tạo hiện nhiên của nghệ thuật. Nhà chùa không thể hiểu được! Sư thầy chỉ cần biết rằng tôi đã bắt mối được với cuộc đời tiêu cực của Nhà Chùa. Sư thầy hãy gấp cuốn kinh Hoa Nghiêm lại. Và ăn bớt của Phật một vài tuần nhang thắp, để cái thời giờ đó mà luận định lại một thái độ của tư tưởng, - cùng với kẻ vô đạo này.

Vậy là trước khi đi tu để chối đời sống, sư thầy đã là con hát của một cuộc đời sông hồ. Và ở cái lĩnh thổ này đang cần đi gấp đến sự thực hiện hoàn toàn của lịch sử và chưa qua được giai đoạn quốc gia, sư thầy không thể đùn cho ai mà không nhận lấy cái dĩ vãng ngày nọ của sư thầy, nguyên chỉ là một thái độ người thương nữ của bến Tần Hoài. Và ra điều rằng mặc mãi gấm vóc tơ lụa rồi thì bây giờ mặc sang vải cứng ruộm nâu chẳng? Ra điều rằng chán nơi tử các phồn tạp thì lại đi tìm cái tịch mịch của cửa Thiền? Có phải rằng vì muốn lấy cái mộc mạc lạnh lẽo ngày nay để làm đối lập cho cái xán lạn ồn ào ngày trước, mà sư thầy đã quên quê hương sinh trưởng, quên tên thật tuổi thật, sư thầy đã vô đời sống để đem đổi tất cả thành ra một cái đạo hiệu? Hoặc đi hát hoặc đi tu, riêng trong hai việc mặc và ở dẫn ra đó, có lúc nào sư thầy nghĩ đến những người đã cung cấp cho sư thầy những điều cần dùng hằng ngày ấy cho thể xác không? Có lúc nào sư thầy nghĩ đến một người thợ dệt - dệt tơ cũng thể dệt vải cũng thể, - một người thợ mộc một người thợ nề? - Xây nhà gác cũng thể mà làm đình làm chùa thì cũng thể. Để trả để đáp đền lại cái công phu của bấy nhiêu con người ấy, sư thầy trước kia đã gõ một cổ phách và bây giờ đang gõ một cái mõ. Trước là một tiếng trúc của con người không chịu cảm thông với thời thế, giờ là một tiếng gõ của con người đi trốn sống. Tôi không dám bảo rằng thanh âm không có giá trị trong công việc đổi chác của nhu cầu hằng ngày, vì cho đến bây giờ, cái tiếng gõ của một đồng xu một đồng bạc, không những vẫn có chân giá trị của nó mà lại còn rất nhiều thế lực ở đời trao đổi nữa. Nhưng ở thị trường của đời sống, cái tiếng gõ mõ Nhà Chùa quả đã vượt ra ngoài mọi ước lệ của giao dịch. Và cho rằng đã lập dị được trong sự ăn chay thì con người ta có quyền bắt đời sống tiêu cái thứ tiền giả

đó sao? Thà sư thầy lại cứ là "cái Cô Tơ" ấy mà gõ cái tiếng tre đực như xưa, cuộc đời còn thấy thái độ ấy là có nghĩa hơn.

Nhân nhắc lại tên Cô Tơ mà tôi lại ngẫm thêm về cuộc đời của nhân vật ấy trong ký sự. Tất cả giá trị của Cô Tơ ấy trong "Tâm sự của nước độc" là đã làm cho Lãnh Út tái sinh lại qua cái chết của Bá Nhữ. Qua cái hủy thể của một người đánh đàn, Cô Tơ đã là một cái có thiêng liêng để Lãnh Út thác sinh lần nữa vào cuộc sống. Cùng một lúc, làm chết một người đàn ông nhạc sĩ này để làm sống lại một người đàn ông nghệ sĩ khác đang li bì chìm mình trong nước độc, rồi cô ta lần đến một ngôi Chùa Đàn để mà tự tử dần - hay nói là đi tu thì cũng thế. Sao lại có thể vô lý như thế được? Vụ tự tử câu dầm lâu ngày ấy chưa đến đoạn chót hoàn toàn tắt thở. Vì cho đến lúc này, sư thầy vẫn còn ngồi ở rìa đời sống để nhai cái hạt lúa của cuộc đời tạo ra và để đánh dấu cho sự có mặt mập mờ của sư thầy ở cuộc đời, ngày nào sư thầy cũng nện mạnh một cục gỗ vào hai lúc lặn và mọc của mặt trời. Trước khi chết hẳn mà chữ Nhà Chùa gọi là tịch, về chỗ thanh toán một cái nợ áo và cơm - sư thầy tưởng ăn cơm không có thịt và mặc áo vải là không chịu không nợ chung quanh hay sao? - của cuộc đời, đời sống muốn sư thầy trả cho bằng những tiếng gì không phải là thanh âm mõ.

Bạch sư thầy Tuệ Không - nhất danh nữa là Cô Tơ,

Đối với đời sống cần phải sòng phẳng, thái độ của sư thầy là một chuyện đánh bạc gian và cái thời khắc biểu của Nhà Chùa chỉ là những ngày tháng của một bệnh nhân trầm trệ. Sự hô hấp của tăng già chỉ toàn có thán khí thôi, lúc hít vào cũng như là lúc thở ra.

Ông Phật bảo rằng muốn là khổ. Và muốn không khổ thì chúng ta nên giết chết những cái muốn đi bằng cái việc ta tự tử ta và cố động điều đó thành một phong trào có hội sở hương khói ngày ngày, hồ bóp nén con người tình cảm chúng ta cho nó ngạt chết hẳn đi.

Lý trí của những người lành mạnh, trong nhân loại lại dạy rằng chúng ta còn khổ mãi thế này là vì chúng ta chưa thành đạt trong cái ý nguyện làm người của đời người. Chữ muốn, ta phải viết hoa nó lên. Cái Muốn ấy tức là Khoa học, là những khoa học và rồi nó sẽ là cái thành công của Cách mệnh.

Còn có dục vọng nào chính đáng sâu sắc rộng đẹp bằng ý thức Cách mệnh! Cái Muốn trong chủ định đi tới chỗ thành Con Người hoàn toàn ấy sẽ đặt ngay Nát Bàn ở giữa cuộc đời thật tại này để ta có thể rờ mó được. Vậy mà có những pho sách gỗ in đã bảo sư thầy nên diệt hết những dục vọng cao quý ấy đi để rồi chạy theo một bóng hạnh phúc ở mãi chỗ huyền ảo nào. Ấy thế rồi sư thầy mặc áo thật của cuộc đời, ăn hạt gạo thật của cuộc đời để phản ngay đời sống bằng cái sống lộn sòng như thế đấy. Không thừa nhận đời sống để mà nắn chuốt lại đời sống theo những phép tắc xây dựng của thực tế, vỗ tuột công ơn của đời sống bằng một cái thái độ tiêu cực ấy, chừng như cũng chỉ có những người cùng một nhãn hiệu tư tưởng với sư thầy mới làm nổi được việc ngỗ ngược bất công đó thôi.

Bạch sư thầy Tuệ Không,

Đời sống là do chúng ta làm ra cả. Bây giờ nó còn hỗn độn, nó còn lệch vẹo. Nhưng một ngày tới, nó sẽ đẹp, nó phải đẹp, nó sẽ không là bể nước mắt như bây giờ mà nó sẽ là những công trường của vui cười. Để tới cái tương lai ấy, chúng ta có mặt ở cuộc đời để mà dính cái phần kiến trúc riêng của mình vào công việc xây dựng khổng lồ chung kia. Đằng này sư thầy trốn chạy cuộc sống bỏ đi ngồi riêng ra một chỗ để chuyên soi mói đến cái phần không hay của nhân loại và định tốt đẹp riêng lấy một mình. Đáng lẽ phải là một người thợ thì sư thầy đã tìm một mái chùa. Niềm giác ngộ ấy, nếu có thành quả, thì lại càng đẩy sư thầy vào một tội vị kỷ. Nói theo giọng Nhà Chùa nữa, thì chúng sinh thế giới còn chìm đắm đông như cát sông Hồng Hà, sư thầy Tuệ Không định thành Phật với những ai? Một mình chẳng?

Trong "Tâm sự của nước độc", đã có một Cậu Lãnh Út biến cải thành một con số 2910. Để đăng đối với Lãnh Út - 2910, sao lại chỉ là Cô Tư - Tuệ Không? Sư thầy có thấy thiếu hẳn sự cân đối giữa hai nhân vật chính ấy của Chùa Đàn không? Một đăng là sôi nổi sức sống, một đăng là dăng dặc những âm khí. Một bên là đường đưa vào dương gian, một bên là lối dẫn về cõi chết. Phải, sư thầy đang tự tử đó. Viết đến đây, bất giác tôi lại nhớ đến một cái tin vật nhật báo ngày nọ.

Số là có một thiếu phụ đã gặp điều bất mãn giữa cuộc sống mâu thuẫn này. Thiếu phụ đó đã bỏ cái nhà mình đến ở một cái nhà của ông Phật để trở nên một ni cô, nghĩa là trở nên một người ăn cắp gạo và vải của cuộc đời. Đời sống chưa kịp đưa số đến hỏi nợ ni cô về chỗ ăn mặc trong suốt một thời kỳ lẫn lút đời sống đó thì dùng một cái, không rõ vì lý do tình cảm gì, ni cô đã chấm dấu chót cho cuộc tự tử dần bằng một nhát dao. Tờ báo đã nêu việc ấy lên dưới cái đề: "Ni cô Mỗ đã quyên sinh!".

A Di Đà Phật, tôi đọc tờ báo mà muốn cười. Vì rằng chẳng cần đến cái mũi dao kia mà thiếu phụ ấy đã tự an táng mình khi đổi mình ra thành một ni cô rồi kia mà. Cái chết gây nên bởi mũi dao này, là một vụ tự tử lần thứ hai và nếu có đủ động đến vụ quyên sinh ấy của người tu hành, có lẽ tờ báo kia nên thêm vào hai chữ lập phương nữa thì mới phải.

Sư thầy,

Tại sao tôi cứ đòi chen lấn vào những trang kinh nhật tụng của Nhà Chùa và giở lại những tờ dĩ vãng của Nhà Chùa? Đối với sư thầy thì Cô Tư ấy đã được sư thầy mai táng và tụng kinh sám hối cho rồi kia mà!

Không, Cô Tư ấy phải sống - nghĩa là sư thầy cũng phải tái sinh ngay lại vào cuộc đời thực tại này. Không cần phải đợi cho tóc mọc lại - vì cần kíp lắm rồi - sư thầy Tuệ Không hãy trở vào ngay vào cuộc đời đi. Hãy trả lại cho mái chùa cũ những câu kệ ngâm đã bao lâu nay. Hãy vớt lại cái mõ, cầm ngay lấy đoạn trúc xưa mà hát lên một bài cho xứ sở rung thêm lên

nữa với công cuộc đang sinh thành. Trước mắt, quanh ta, Cô há chẳng thấy cuộc đời đang từng bừng đi tới. Và trên xứ sở này đang ngổn ngang những công trình xây dựng mới, có rất nhiều người thợ vấp ngã vì run rẩy vì bông bột vì mệt nhọc vì vội vàng. Hãy hát lên, Cô Tơ! Cầm ngay trúc ra mà nhịp đi. Bật cao giọng nữa lên. Cái lâu đài của Thị Trấn Ngày Mai chót vót mấy mươi tầng, đỉnh đưng mây cao thế kia mà!

Cô hát lên những đau khổ những gian nan những lấy bầy những thí nghiệm những oan uổng bất đắc dĩ của Con Người và những cố gắng những hy vọng của cả hiệp thợ. Không việc gì mà rứt rề. Trước là một việc, giờ là một chuyện khác. Trước hát cho dăm bảy kẻ nghe trong một khung cảnh ích kỷ ồm ỹ. Giờ hát cho cả một quê hương đang vi vu gió mới và lồng lộng một trời cao rộng chói lòa.

Lịch sử đang chép những thanh âm của Cô đấy và đánh giá tiếng hát Cô ngang hàng với những tiếng nhất búa, nhất bay tiếng gặt hái của tất cả một thời.

Cô hát nhiều nữa lên. Lời đã có thời đại đặt hộ. Điệu cũng thế.

Cho tới ngày nay, chưa có cuộc Cách mệnh nào của Con Người mà bỏ được tiếng hát, Cô Tơ ạ.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Vang Bóng Một Thời - Bữa Rượu Máu

Phía tây thành Bắc Ninh, trên một nền đất rộng đổ sát vào chân thành cho lẫn gạch ngoài được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mọc sức mà mọc. Nó um tùm, tàu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín cả bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm dại sinh nở hết sức bừa bãi.

Khoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh năm không có vết chân người.

Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỗi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vút và tàu lá chuối trống trải không đủ là nơi làm tổ, loài chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa dầm, những trận mưa ngâu đổ lên vườn chuối một khúc nhạc sông buồn thiu buồn thiu... Vườn chuối phía tây góc thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngổn ngang những tàu lá, cuống còn tuôn ra những dòng nhựa thăm màu. Nhựa ấy bị không khí làm se lại, kết nên thành những khối keo quện lấy bụi cỏ gà.

Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luống bãi dâu trồng ở dưới chân thành, sát ngay với bờ rào, được nghe tiếng người hát trên ngọn thành, ở trên đầu họ, đúng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.

Tiếng người trên ngọn thành hát rằng:

Tiếng loa vừa dậy

Hồi chuông đã mau

Ta hoa thanh quất

Bồn cỏ đổi màu

Sống không thù nhau

Chết nở oán nhau

Lệnh trên truyền xuống

Biết làm thế nào

Người ngồi cho vững

Cho ngọt nhát dao

Trời nổi cơn lốc

Tiền quỹ không đầu.

Người ở trên mặt thành hát đến đâu thì tiếng những thân chuối đổ xuống mặt đất tường thành lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng kỹ. Cái bài hát mười hai câu đã hát đi hát lại đến mấy lần. Cứ xong mỗi câu thì lại có một tiếng roạt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh lìa bản gốc, đổ vật xuống mặt đất thì mới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng gần là một miếng đất cấm, ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát, mà phá vườn? Có chăng là làm loạn.

Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lạc, chiều nay và đêm nay bàn tán mãi về cái tiếng hát trên vườn chuối mặt tường

thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự bảo ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ.

Buổi sớm hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuối trên mặt thành với những câu hát rõ mồn một:

Ta hoa thanh quất

Bồn cỏ đổi màu

Sống không thù nhau...

Chết nở oán nhau...

Khi nghỉ ngơi, lúc họ mang chuyện đó về nhà, thì những người lính cơ là chồng họ đều ra vẻ cảm động, sợ hãi và cắt nghĩa:

- Thầy Bát Lê sắp làm việc đấy.

- ???

- Ông lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Và tiếng người hát trên mặt thành là tiếng thầy Bát Lê đang tập múa thanh quất ở vườn chuối đấy.

- Múa thanh quất? Ở vườn chuối? Sao lại hát những cái câu gì thế? Và thầy Bát Lê vốn chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tành gì nữa?

- U mày không hiểu. Lâu nay thầy Bát không phải khai đao vì Ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án trảm, thầy Bát chỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc thì đã có người khác đỡ tay. Nhưng vẫn cứ được tiền thưởng. Đã đến gần một năm nay, thầy Bát không cầm đến thanh quất. Không hiểu tại sao lần này Ông Lớn lại cho gọi thầy Bát ra cho kỳ được và xem chừng như ngài sẵn sóc đến cái vụ xử trảm này nhiều lắm.

Lui vào tư thất, quan Tổng đốc Bắc Ninh sung chức Đồng lý quân vụ, nhắc thấy Bát Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào cái lộng lẫy của nhà riêng mình, liền quở:

- Ít bữa nay chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy cửa đóng cả.

- Bẩm lạy Ông Lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào con dám đi xa, sớm tối lúc nào con cũng phải ở trong thành, phòng những lúc Ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây, Ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, con có mạn phép về thăm nhà. Được tin Ông Lớn cho đòi vào con vội vã vào hầu, xin Ông Lớn tha tội.

- Thôi, cho đứng dậy.

Quan Đồng lý quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng son, hất hàm hỏi tên bát phẩm đầy tớ già co ro người bên chiếc cột:

- Liệu bây giờ chém còn mát tay nữa không?

- Dạ.

- Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho cái lệnh gì không?

- Dạ.

- Có mười hai tên tử tù sắp phải hành hình. Quan Công sứ muốn được thị kiến lúc bọn này phải xử trảm. Người chém thế nào cho gọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhát thì không những ta truất tiền thưởng mà người còn bị quở nữa.

- Dạ.

- Tiền thưởng này chính của quan Công sứ cho. Ta muốn giữ phần cho người nên ta cho gọi người vào mà lĩnh lấy việc này, gọi là kiếm một chút bổng để dưỡng cái tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy mười hai tên tử tù này là chú phải làm việc cho đầy đủ. Chớ để phiền đến ta. Ta đã trót khoe khoang cái tài chém "treo ngành" của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?

- Dạ, bẩm Ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ, chúng con xin hết sức tuân theo. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có còn làm được việc như hồi xưa nữa không. Và chẳng gần một năm nay, không cầm đến mã tấu, con e có điều hơi lạc mất ngón đao.

- Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém "treo ngành". Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thể truyền lại cho một người nào được, thì ít ra là một lần nữa, chú cũng cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém của một người đầy tớ hầu cận ta là như thế nào.

- Dạ, bẩm Ông Lớn...

- Chú đừng nhiều lời. Đây này ta cho chú mượn thanh quất của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lên đó mà tập. Có ai ngăn cản, cứ đưa cái tín bài này ra.

Quan Đồng lý quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.

Thế là từ hôm ấy, Bát Lê lĩnh thanh quất của quan Tổng đốc, leo lên tường thành, xông xáo trong vườn chuối, hết sức tự do, hết sức tàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ mười hai người tù đang đợi ngày cuối cùng.

Vườn chuối trên mặt thành vốn mọc không có hàng lối nhất định. Bát Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối, mọc theo hàng lối thẳng

thần. Y xoạc cẳng, lấy bước chân đo những quãng trống từ một gốc chuối này đến một gốc chuối khác. Tiến lên, lùi xuống, đo ngang, đo dọc, tự cho là tạm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tàu lá chuối rườm rà. Đây là cái khu dọn dẹp sẵn để nhận lấy sự thí nghiệm cuối cùng của một thanh quất bị bỏ quên đã lâu ngày.

Trước khi hoa thanh quất trong mấy hàng chuối được chọn lựa kỹ càng kia Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào mọi thân cây chuối khác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một con đường máu cho mình lúc phá vòng vây. Một buổi sớm, y nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải lại múa lưỡi gươm qua phía trái, thanh gươm hai lưỡi đã gọn gàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu lớp sương đêm. Mảnh khăn vuông vải trắng bịt tóc của Bát Lê đã dầm ướt và nhựa chuối trát thâm vào đấy, gặp ánh nắng sớm đã xuống màu.

Trên đồng thân cây trơn ướt, Bát Lê vẫn làm việc, vẫn nhảy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ một cây chuối gãy gục xuống cỏ ướt, kêu đánh roạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:

Sống không thù nhau

Chết nở oán nhau

Câu hát được những tiếng cây chuối đổ chầm câu cho và đã văng từ trên mặt thành xuống mặt một bãi dâu ở chân thành...

Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều, Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vườn chuối đã rầu cả lá, đã khô cả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm ngồn ngang sự tàn phá, như một người cử tử sắp trở tài ở võ trường với sự phân vân, lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm

trước để nhận lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuối cùng của một cuộc tập chém, tay phải cầm ngang thanh quất.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu:

Tiếng loa vừa dậy

vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dầy bên phải. Đũa gươm mạnh từ cao xoải xuống theo một chiều chếch, tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quất chỉ ngấp vào chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quất bị ngừng ở cái cữ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây chảy máu. Vừa giật lưỡi thanh quất khỏi thân cây từ từ gục xuống, vừa hát một câu nữa:

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Hồi Chiêng Đã Mau

Bát Lê lại tiến thêm ba bước đến ngang tầm cây chuối hàng đầu dãy bên trái, Bát Lê thuận đà thanh quất, lại chém xuống đấy một nhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nữa. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chém bên phải, Bát Lê đã hát hết mười hai câu, và đánh gục mười hai cây chuối. Bát Lê quay mình lại, ngắm cái công trình phá hoại của mình. Thì ở mười hai cây chuối chịu tội kia, thân trên bị chém vẫn còn dính vào phần gốc bởi một lần bẹ đập nát.

Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăn trùm trên đầu, lau lưỡi gươm vào đấy cho vuông vải lại dẫm thêm chất nhựa dính.

Thế là xong một cuộc tập chém chuối treo ngành. Và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhận tù. Đi từ bề cao nền cỏ xuống chân thành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất, Bát Lê chốc chốc lại dừng lại để ưỡn mình về phía sau, ngắm cánh tay khẳng kheo đang lăm lăm cầm lưỡi gươm.

Nội cỏ trước dinh quan Đồng Lý quân vụ chiều nay đổi màu. Mọi khi ở đấy chỉ có dê, bò được thả lỏng cúi cổ ngốn áng cỏ tươi bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa quan ăn. Bây giờ ở đấy người ta dựng lên một cái nhà rạp có tán có quạt, có cờ ngũ hành. Trước nhà rạp người ta đã chôn sẵn mười hai cái cọc tre bị vồ gỗ đập mạnh đã toét cả đầu. Và đánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm lính mặc áo có dấu, có nẹp đã chỉnh tề tuốt gươm trần đứng thị uy.

Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất thì sáng hơn là nền trời. Nền trời vẫn những đám mây tím và đỏ vẽ đủ mọi hình cổ quái. Bức tranh mây chớ màu thắm hạ thấp thêm mãi và đè nặng xuống pháp trường oi bức và sáng gắt.

Mọi người chờ đợi một cái gì.

Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính giải. Bãi cỏ im lìm đến nỗi tiếng gông tù va vào nhau theo nhịp bước nghe thấy rõ mồn một như tiếng phách người chấp hiệu định liệu bước đi cho cỗ quan tài.

Không biết từ đâu ra, Bát Lê đứng sẵn chỗ cọc tre và trong một lát buộc xong bốn người đợi chết vào cọc. Tử tù bị trói giật cánh khuỷu, xếp theo hai hàng chênh chếch nhau. Lòng thèm sống chừng như đã thoát ra khỏi người họ. Trông xa, họ có cái thần nhiên của những tượng đá trước sân đền thờ vua nhà Lý.

Tiếng nhạc bát âm thổi bài Lưu thủy trường gần mãi lại. Rồi trong giây phút, mọi người lắng rõ tiếng sênh tiền. Ai nấy nín thở. Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và lính tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mù như lúc người ta hành quân. Quan Công sứ mặc đồ binh phục trắng có ngù kim tuyến đi ngang hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tỉnh - một người đi ghệt, một người đi ủng - đều gò bước đi cho nó ăn nhập với cái long trọng của pháp trường, cho nó thỏa đáng với cái quan trọng của địa vị thủ hiến. Những tên lính tỉnh gầy ốm che sát vào người hai Ông Lớn mọi thứ tán vàng, tán tía, lọng xanh.

Trong nhà rạp, các quan an vị. Ông thông ngôn người Nam Kỳ đứng vòng tay đằng sau quan Công sứ Tây. Quan Tổng đốc nói trước:

- Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Ty chức rất mong rằng đây là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờ hồng phúc của

Quan Lớn, cuộc trị an của xứ này chóng định.

Quan Công sứ nhận chén rượu của quan Tổng đốc và rót một chén để tạ lại sự trung thành của quan Tổng đốc đối với công cuộc bảo hộ.

- Thiểm chúc rất lấy làm hân hạnh tin cho Quan Lớn biết rằng Nhà nước bảo hộ không bao giờ quên ghi công Quan Lớn vào công đầu trong cuộc bình định.

Hai quan đầu tỉnh uống đến tuần rượu thứ nhì. Bát Lê cầm gương tiến đến trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gương lại, vái một cái, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhóm mình khỏi mặt ghế bành:

- Xin phép Quan Lớn cho ty chức được trình với Quan Lớn một tên đầy tớ trung thành. Hắn là đao phủ tại pháp trường hôm nay.

- Có phải cái người mà Quan Lớn nói là có tài chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lần da gáy đó không?

- Dạ. Mà hôm nay hắn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.

Quan Công sứ gật. Quan Tổng đốc phất nhẹ cây cờ lệnh nhìn Giám trăm quan. Viên Giám trăm và Bát Lê đều lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng.

Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quất mấy vòng. Rồi y hát những câu gì mà trong nhà rạp các quan nghe không rõ. Quan Công sứ chỉ thấy y vừa hát, vừa múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những cái đầu tội nhân bị quỳ kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu vọt cao lên nền trời chiều. Trên áng cỏ hoen ố, không một chiếc thủ cấp nào rụng xuống.

Bát Lê làm xong công việc, không nghỉ ngơi, chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bấy giờ Quan Công sứ mới nhìn kỹ. Y mặc một cái áo dài trắng, một dải dây lưng điều thắt chèn ngang bụng. Quan Công sứ cười và hỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối "chém treo ngành" rất ngọt. Ngài thưởng cho Bát Lê mấy cọc bạc đồng bà lão.

Lúc Quan Công sứ ra về, khi bước qua mười hai cái đầu lâu còn dính vào cổ người chết kia, giữa sân pháp trường sắp giải tán, nổi lên một trận gió lốc xoáy rất mạnh. Trận gió xoăn giạt, hút cát bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi và đuổi theo các quan đang ra về. Cái mũ trắng ở trên đầu quan Công sứ bị cơn lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ lăn lộn mấy vòng. Mọi người liếc trộm hai quan thủ hiến và thì thào.

... Bấy giờ vào khoảng giữa giờ thân.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Những Chiếc Ấm Đất

Bóng nắng gần tới đỉnh đầu. Sư cụ chùa Đồi Mai thùng thảng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lờ, sắp ngồi vào thụ trai thì có tiếng con trẻ gọi ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:

- Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào.

- Vậy chú vẫn đóng cửa chùa đó à? Chú ra mở mau không có người ta phải đứng nắng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên để ngỏ. Từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải mở rộng cửa chùa và tối đến, lúc nào học xong kệ thì mới đóng. Kẻo nữa khách thập phương họ kêu đấy.

Tiểu ra được một lát thì một người con trai trạc mười bảy tuổi xúng xính trong chiếc áo dài thâm, chân sáo lấm, tay bưng cái khay tiến vào tăng xá, vái sư cụ:

- Bạch cụ, thầy con cho con mang xuống biếu cụ bình trà đầu xuân. Và xin phép cụ cho ra giếng chùa nhà gánh một gánh nước.

Nhà sư già đã quen với những việc biếu và xin mượn này ở dưới cụ Sáu, khẽ cất tiếng cười. Trên khuôn mặt khô xác, nụ cười không có gì là ấm áp thiết tha. Nó chỉ đủ là hiền lành thôi.

- Thế cháu đựng nước bằng cái gì?

- Dạ có người nhà quấy nôi và gánh đi theo còn chờ ở ngoài.

- A di đà Phật? Năng này mà đi từ làng trên xuống tận đây lấy nước, cụ Sáu nhà có công quá. Cháu ngồi nghỉ chân đã. Để già bảo chú tiểu đưa tên bọc ra giếng. Cháu đi từ sớm, chắc bây giờ đã ngót dạ rồi, sẵn oản chuối vừa hạ xuống, già ép cháu thụ một ít lộc Phật.

- Bạch cụ, cháu ăn mặn ở nhà vẫn còn lừng dạ.

Sư cụ chùa Đồi Mai không nài thêm và vẫn chỉ cười rất thuần hậu.

- Cháu có biết cụ Sáu nhà đến xin nước ở chùa đây đã mấy năm nay rồi không? Gần mười năm. Uống trà Tàu như thầy cháu thì cũng có một. Cứ nước giếng chùa đây mới chịu pha trà. Lắm lúc già tự hỏi về cái tiền thân của thầy cháu xem là như thế nào. Nghĩ đến cái nhân duyên của thầy cháu với nhà chùa đây, thực cũng là bền và kỳ lắm cháu ạ.

Thoáng thấy tên lão bọc đã quảy xong gánh nước đang ngơ ngác tìm mình và làm ướt cả khoảng giữa sân chùa lát toàn đá tảng xanh, người con cụ Sáu, với cái từ tốn của một thư sinh ngồi hầu chuyện bực phụ chấp đã xuất gia, liền vội vàng đứng dậy xin phép về.

- Bạch cụ, cháu vội phải về, vì ở nhà hôm nay có khách uống trà. Có lẽ thầy cháu ở nhà đang chờ nước về.

Nhà sư cũng vội theo bọn xin nước ra tới thềm ngoài. Sư cụ rút trong tay áo vải rộng ra một chiếc quạt thước, xòe rộng cả hết nan quạt, nghiêng che đầu cho đỡ nắng và bảo chú tiểu:

- Chú chạy mau ra vườn, bẻ mấy cành lá đào.

Rồi cụ giữ con cụ Sáu lại:

- Ấy, ấy, thông thả một chút. Thả mấy cành đào có lá vào nồi nước, lúc gánh đi đường xa nó đỡ sóng ra ngoài và về đến nhà, nước vẫn mát.

Bọn xin nước vái chào nhà sư. Trên con đường đất cát khô, nồi nước chòng chành theo bước chân mau của người đầy tớ già đánh rỏ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm màu. Những hình ngôi sao ướt nối nhau trên một quãng đường dài ngoằn ngoèo như lối đi của loài bò sát. Ví buổi trưa hè này là một đêm bóng trắng dài, và ví cổng chùa Đồi Mai là một cửa non đào thì những giọt sao kia có đủ cái thi vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở lại trần.

Ánh nắng già dạn buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung rinh lớp không khí bốc từ mặt đất. Giống như vệt khói nhờ, nắng vờn qua những màu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây cối im lìm. Đứng trong cổng chùa từ bề cao nhìn xuống cái thấp dưới chân mình, nhà sư già nheo nheo cặp mắt, nhìn cái nắng sáng lòà. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi chuyển động lại làm tung lại phía sau mình một chùm cát bụi mờ mờ. Gió nồm thổi mạnh, nhiều cơn, đã đem cả mảnh bụi trần kia lọt vào cổng chùa cao ráo. Nhà sư nghĩ đến cụ Sáu, thở dài tỏ ý tiếc cho một kiếp chúng sinh còn vương mãi vòng nghiệp chướng.

Cụ Sáu vốn đi lại với chùa đây kể ra đã lâu. Từ trước cái hồi nhà sư già tới trụ trì. Mấy pho tượng Phật Tam thế bằng gỗ mít đặt ở trên bệ và mấy pho kinh in giấy đại thừa là của cụ Sáu cúng đấy. Cái chuông treo ở trên nhà phượng trượng cũng là của ông cụ Sáu cúng vào hồi trùng tu lại chùa. Và mỗi lần nhà chùa lập phả khuyến thì ông cụ Sáu đứng đầu sổ. Chùa Đồi Mai ở xa làng mạc biệt lập trên một khu đồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi đám tạp khách. Thịnh thoảng trong bọn khách đến chơi, ông cụ Sáu được sư cụ biệt đãi nhất. Tháng một lần, nhà sư già lại giữ ông cụ Sáu lại ăn một bữa cơm chay và lần nào từ biệt, nhà sư cũng chân thành tặng khách một dò lan Chu Mặc. Thường thường mỗi lần gặp gỡ, thể nào hai ông già cũng kéo nhau ra cái giếng nước mà chuyện vãn rất lâu. Nhà sư ít

nhời, trầm tĩnh ngắm bóng cụ Sáu trong lòng đáy giếng sâu. Cái bóng nhà sư già ít khi được đậu hình cho lâu trên phiến gương nước giếng mát lạnh; chốc chốc một vài giọt nước ngọt lại rời mạch đá tổ ong, thánh thót rớt xuống, tiếng kêu bì bõm. Ông cụ Sáu tỳ tay vào thành giếng nhìn mìn rêu xanh, chỉ ngón tay xuống lòng giếng sâu thăm gần hai con sào mà nói: "Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rất ngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tàu vì nước giếng chùa nhà đây. Tôi sợ dĩ không nghĩ đến việc đi đâu xa được, cũng là vì không đem theo được nước giếng này đi để pha trà... Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thề này: "là giếng chùa nhà ta cạn thì tôi sẽ lập tức cho không người nào muốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi. Chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị. Mà bạch cụ, chúng tôi không hiểu tại sao ngọn đồi này cao mà thủy lại tụ. Địa thế chùa này, xem ra còn dụng võ được...". Chừng như sợ cụ Sáu bàn rộng tới những chuyện không nên trao đổi với kẻ tu hành đã lánh khỏi việc của đời sống rồi, sư cụ vội nói lảng sang chuyện mấy cây mít nhà chùa năm nay sai quả lắm. Rồi kéo cụ Sáu vào trai phòng dùng một tuần nước. Theo một ước lệ rất đáng yêu đặt ra từ ngày mới làm quen với nhau, đã mười năm nay, bao giờ uống nước trà của nhà chùa, ông cụ Sáu cũng được cái vinh dự pha trà và chuyên trà thay nhà chùa.

Dạo này, chắc ông cụ Sáu bận việc nhiều nên đã mấy tuần trăng rồi mà không thấy văn cảnh chùa uống nước thăm hoa, để cho sư cụ cứ nhìn mấy chậu Mặc lan dò trống hoa mà tặc lưỡi. Cùng bất đắc dĩ phải ngắt cắm vào lọ con vậ. Dạo này cụ Sáu chỉ cho người nhà xuống xin nước giếng thôi. Và trưa hôm nay lúc lặng ngắm hai thầy trò người con ông cụ Sáu đem nước ra khỏi chùa, lúc trở vào, nhà sư già thở dài cùng sư bác chờ đây: "Ông cụ Sáu này, nếu không đam mê cái phong vị trà tàu, đam mê đến nhiều khi lầm lỗi, nếu ông ta bỏ được thì cũng thành một ông sư tại gia. Danh và lợi, ông ta không màng. Phá gần hết cơ nghiệp ông cha để lại, ông ta thực đã coi cái phú quý nhờn tiền không bằng một ấm trà tàu. Nhưng một ngày kia, nếu không có trà tàu mà uống nữa thì cái ông cụ Sáu này sẽ còn khổ đến bậc nào. Phật dạy rằng hễ muốn là khổ. Biết đâu trong bốn đại dương nước mắt

chúng sinh của thế giới ba nghìn, sau đây lại chẳng có một phần to nước mắt của một ông già năng lên chùa nhà xin nước ngọt về để uống trà tàu. Mô Phật!".

Ông cụ Sáu, hôm nay lấy làm thích cái người khách lạ đó lắm. Người khách lạ vừa kể cho chủ nhân nghe một câu chuyện cổ tích. Lê tròn chén vào lợi chiếc đĩa cổ vài ba lần, người khách kể:

"Ngày xưa, có một người ăn mày cổ quái. Làm cái nghề khát cái là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa; thế mà hắn còn chọn lựa từng cửa rồi mới ăn xin. Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho gặp được mặt chủ nhân rồi có xin gì thì hắn mới xin. Có một lần hắn gõ gậy vào đến lớp giữa một nhà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhà cùng một vài quý khách đang ngồi dùng bữa trà sớm. Mọi người thấy hắn mon men lên thềm, và ngồi thu hình ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả, để xem tên ăn mày định giở trò gì. Hắn chả làm gì cả, chỉ nhìn mọi người đang khoan khoái uống trà. Hắn đánh hơi mũi, và cũng tỏ vẻ khoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tản bay trong phòng. Thấy mặt mũi người ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bẩn thỉu quá, chủ nhân bèn hỏi xem hắn muốn xin cơm thừa hay là canh cặn, hay là hơn nữa, hắn lại muốn đòi xôi gấc, như kiểu người trong phương ngôn. Hắn gãi tai, tiến gần lại, tùm tùm và lễ phép xin chủ nhân cho hắn "uống trà tàu với!". Mọi người tưởng hắn dở người. Nhưng tại sao không撵 đuổi hắn ra và còn gọi hắn lại phía bàn cho hắn nhận lấy chén trà nóng. Hắn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn được uống nguyên một ấm trà mới kia. Hắn nói xong, dở cái bị ăn mày của hắn ra, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ẩm. Thấy cũng vui vui và là lạ, mọi người lại đưa cho hắn mượn cả khay trà và phát than tàu cho hắn đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hắn định đùa xược với bọn họ đến lúc nào mới chịu thôi. Hắn xin phép đâu đấy rồi là ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tổng sang chén quân, trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hắn là ăn mày, mặc dầu quần áo hắn rách như tổ đĩa. Uống một chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng

hắn nheo nheo mắt lại, chếp môi đứng dậy, chắp tay vào nhau và thưa với chủ nhà: "Là thân phận một kẻ ăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương xuống, thực kẻ ti tiện này không có điều gì dám kêu ca lên nữa. Chỉ hiềm rằng bình trà của ngài cho nó lẫn mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt lắm". Hắn lạy tạ, tráng ấm chén, lau khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ẩm của hắn, hắn thổi cái vôi ấm kỹ lưỡng cất vào bị, rồi xách nón, vái lạy chủ nhân và quan khách, cặp gậy tập tễnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm kinh sợ người ăn mày vì, ở lọ trà đánh đổ tung vãi ở mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến mười mảnh trấu."

Ông cụ Sáu nghe khách kể đến đấy, thích quá, vỗ đùi mình vỗ đùi khách, kêu to lên:

- Giá cái lão ăn mày ấy sinh vào thời này, thì tôi dám mời anh ta đến ở luôn với tôi để sớm tối có nhau mà thưởng thức trà ngon. Nhà, phần nhiều lại toàn là ấm song ấm quý.

- Cổ nhân cũng bịa ra một chuyện cổ tích thế để làm vui thêm cái việc uống một tuần nước dấy thôi. Chứ cụ tính làm gì ra những thứ người lạ ấy. Ta chỉ nên cho nó là một câu giai thoại.

- Không, có thể như thế được lắm mà. Tôi chắc cái lão ăn mày này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di Sơn nên hắn mới sành thế và mới đến nỗi cầm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch Mao Hầu và trà Trảm Mã hắn cũng đã uống rồi đấy ông khách ạ. Nhưng mà, ông khách này, chúng ta phải uống một ấm trà thứ hai nữa chứ. Chẳng nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhau có một ấm thôi.

Thế rồi trong khi cụ Sáu tháo bã trà vào cái bát thái rộng miệng vẽ Liễu Mã, ông khách nâng cái ấm quần ẩm lên, ngắm nghía mãi và khen:

- Cái ấm của cụ quý lắm đấy. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. "Thứ nhất Thế Đức gan gà; - thứ nhì Lưu Bội; - thứ ba Mạnh Thần". Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ấm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.

Cụ Sáu vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giờ cái ấm đồng cò bay vào sát mặt khách:

- Ông khách có trông rõ mấy cái mấu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tàu, họ gọi là cái kim hỏa. Có kim hỏa thì nước mau sủi lắm. Đủ năm cái kim hỏa đấy.

- Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sủi không?

- Lại "ngư nhân, giải nhân" chứ gì. Cứ nhìn tắm nước to bằng mắt cua thì là sủi vừa, và khi mà tắm nước to bằng mắt cá thì là nước sôi già chứ gì nữa.

Chủ khách cả cười, uống thêm mỗi người hai chén nữa. Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:

- Thịnh thoảng có đi qua tề ấp, xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ. Mỗi lần gặp nhau, ta lại uống vài tuần nước. Hà, hà.

Năm ấy nước sông Nhĩ Hà lên to. Thảo nào mấy nghìn gốc cây nhãn trồng trên mặt đê quanh vùng, vụ đó sai quả lạ. Cái đê kiên cố đã vỡ. Nhưng vốn ở cuối dòng nước chảy xiết, nhà cửa cụ Sáu chưa đến nỗi bị cuốn phăng đi. Lúc nước rút, ở cái cổng gạch nguyên vẹn, hai mảnh giấy hồng điều đôi câu đối dán cửa vẫn còn lành lặn và nét chữ vẫn rõ ràng:

Họ lịch sự như tiên, phú quý như giời, quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu.

Ta trông cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất, gọi hề đồng pha nước trước hiên mai. (1)

(1) Câu đối này lấy của ông Tú Hải Văn.

Năm sau, quãng đê hàn khẩu, chùng hàn không kỹ, lại vỡ luôn một lần nữa. Cái cổng gạch nhà cụ Sáu vẫn trơ trơ như cũ. Nhưng lần này thì đôi câu đối giấy hồng điều, gió mưa đã làm bột màu phấm mực, ngấn nước phù sa đã phủ kín dòng chữ bằng những vạch bùn ngang dày dặn.

Ông khách năm nọ - cái người kể câu chuyện ăn mày sành uống trà tàu - đi làm ăn xa đã mấy năm, nhân về qua vùng đấy, nhớ nhời dặn của cụ Sáu, đã tìm tới để uống lại với ông già một ấm trà tàu nữa. Nhưng người khách hỏi nhà ông đến, người khách đã bùi ngùi thấy người ta bảo cho biết rằng nhà cụ Sáu đã bán rồi. Thấy hỏi thăm tha thiết, người vùng ấy mách thêm cho ông khách: "Có muốn tìm cổ Sáu thì ông cứ xuống Chợ Huyện. Cứ đón đúng những phiên chợ xép vào ngày tám thì thế nào cũng gặp. Chúng tôi chỉ biết có thể thôi".

Phải, bây giờ ông cụ Sáu sa sút lắm rồi. Bây giờ ông cụ lo lấy bữa cơm cũng khó, chứ đừng nói đến chuyện uống trà. Thịnh thoảng có xin được người nào quen một vài ấm, cụ lấy làm quý lắm: gói giấy giắt kỹ trong mình, đợi lúc nào vắng vẻ một mình mới đem ra pha uống. Vẫn còn quen cái thói phong lưu, nhiều khi qua chơi ao sen nhà ai, gặp mùa hoa nở, cụ lại còn cố bứt lấy ít nhị đem ướp luôn vào gói trà giắt trong mình, nếu đấy là trà mạn cũ.

Những buổi có phiên chợ, cụ Sáu ngồi ghé vào nhờ gian hàng tấm của người cùng làng, bày ra trên mặt đất có đến một chục cái ấm mà ngày trước, giá có giồng ngay cọc bạc nén cho trông thấy, chưa chắc cụ đã bán cho một chiếc. Có một điều mà ai cũng lấy làm lạ, là cụ bán lũ ấm đất làm

hai lớp. Mấy kỳ đầu, cụ bán toàn thân ấm và bán rất rẻ. Còn nắp ấm cụ để dành lại. Có lần vui miệng, cụ ghé sát vào tai người bà con: "Có thể mới được giá. Có cái thân ấm rồi, chẳng nhẽ không mua cái nắp vừa vặn sao? Bán thân ấm rẻ, rồi đến lúc bán nắp ấm, mới là lúc nên bán giá đắt. Đó mới là cao kiến".

Cụ Sáu cười hề hề, rồi vội quay ra nói chuyện với bạn hàng đang mê mê những cái thân ấm đất đủ màu, cái thì dáng giỏ dâu, cái thì múi na, hình quả vải, quả sung, quả hồng. Cụ đang bảo một ông khách:

- Thế nào tôi cũng tìm được nắp cho ông. Cứ phiên lại đây thế nào cũng có nắp. Không, đúng ấm tàu đấy mà. Nếu không tin ông cứ úp ấm xuống mặt miếng gỗ kia. Cho ấm ngửa trôn lên. Cứ xem miệng vòi với quai và gờ miệng ấm đều căn sát mặt bằng miếng gỗ thì biết. Nếu muốn thử kỹ nữa, quý khách thả nó vào chậu nước, thấy nó nổi đều, cân nhau không triềng, thế là đích ấm tàu.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Thả Thơi

Cái buồn thường không mấy khi xảy đến một cách đơn chiếc. Cụ Phủ bà vừa mất vào quãng đầu xuân, cỏ xanh chưa đủ che kín mặt nấm mộ mới, thì cuối xuân năm ấy, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Ví những luật lệ và luân lý gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới suối vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chí hiếu đang được yên tĩnh để hầu dưới gối một linh hồn chí từ. Và trên trần, có một gia đình đang lúng túng vì sự hiu quạnh. Bây giờ cụ Phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà sống nuôi con một. Nguyên cụ Phủ được hai người con: Cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành, để lại cho cha người em gái bồ côi mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp nào xuất giá. Trời đất ôi, trên mấy gốc tre căn không đủ gậy thành một bụi ấm, trận gió thanh bạch ngày ngày cứ ào ào thổi mãi.

Cụ Phủ ông là một người mà học lực và chính tích chấp được cả bạn đồng liêu một thời; cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vàng, mà cái hạnh về môn nữ công làm vinh dự cho một gia phong. Nhưng ông Giời thích thừa trừ đã buộc ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu. Và những lúc này, người ta không mấy ai nói đến tài và hạnh mà thường chỉ hay nhắc đến chữ phận và chữ duyên.

Tiếng trống phủ trên lầu canh cứ điểm đều những tiếng vô vị vào một tư thất lạnh lẽo. Gian nhà giữa cụ Phủ ông đã thâm canh dài làm bạn với thánh hiền bên án sách leo lét ngọn đèn; trái nhà phía tây, cô Tú âm thầm ngồi vắn chuyện với bóng in trên lá màn vải xô. Có những đêm mưa to gió lớn làm nhòe những tiếng trống phủ cầm canh, cô Tú rời phòng mình, qua

gian giữa gây một lư trầm cho cha. Ở gian giữa tư thất liền có tiếng ngâm thơ:

Cứ đốt lò hương cho tới sáng

Thử xem mưa gió tới bao giờ (1)

(1) Rút trong Hải Văn thi tập.

Nhưng có một đêm rất gần đây, tiếng trống phủ thành hết quấy quả canh dài cụ Phủ và cô Tú nữa. Người ta đã cáo quan về vườn rồi. Ở một xứ quê buồn tẻ kia, bây giờ có một ông đồ già ngồi dạy trẻ và một cô con gái ngày ngày ngồi trong nhà gõ một ống tơ vàng hay là chạy ra vườn bứt ít lá dâu nó cũng già cỗi theo cái cảnh người. Bây giờ muốn nói đến cụ Phủ già đã cáo lão về hưu, người làng chỉ gọi là quan Nghè Móm.

Cụ Nghè Móm thường dạy học vào buổi sớm. Cô Tú săn sóc mọi việc trong nhà cũng vào buổi sớm.

Buổi chiều đến cô Tú đi chợ, làm cơm và mua luôn cả đồ ăn thức dùng cho buổi sớm hôm sau nữa. Cụ Nghè Móm ở nhà nhàn rỗi dùng thời giờ vào việc sao một lá số, gieo một quẻ bói hay là kê một đơn thuốc cho người làng. Có một buổi chiều, một người bạn đồng song cùng ở vùng ấy, nhân bị trời mưa dầm giữ lại nhà cụ Nghè Móm, đã nói với chủ nhân:

- Dăm ba tên học trò nhép này, lấy gì làm đủ sống. Trà tàu, rượu cúc, cây cảnh và hình như bác vẫn chưa bỏ được cái chứng thắp nến bạch lập để đọc Đường thi sách thạch bản thì phải; lâu nay có đi đâu xa không?

Cụ Nghè Móm cười. Người bạn già rịt mũi thuốc chặt xuống nõ điếu, tiếp:

- Tôi có một chuyện này muốn nói với bác từ lâu lắm, nhưng chỉ sợ bác chê là cô lậu.

Cụ Nghè Móm ngừng tay mài hòn son trong đĩa, chăm chăm nhìn bạn.

- Bây giờ tổ chức những cuộc chơi thả thơ, ý bác nghĩ thế nào?

- Cũng khó lắm. Hồi tôi còn tại chức, có lúc thì tôi đánh thơ ở nhà, có lúc thì lên quan Đốc trên tỉnh, không mấy tháng là không có một cuộc hội họp. Mà tôi nghiệm cái giống thả thơ càng hay chữ càng hay thua cay. Có lần đêm tôi mất cả đến mười mấy quan tiền đồng mà không trúng lấy được một chữ.

- Cụ Phủ dạy như thế thì nhầm rồi. Cứ gì phải được tiền. Vả chẳng, người có mấy khi là người dốt chữ đâu, và kẻ được thưởng cũng không dám tự đắc lên mặt sành thơ. Ở vùng đây lắm người cũng muốn chơi lắm nhưng tự xét không đủ tư cách để thả thơ cho ra hồn, nên chưa có cái lối hội họp như vậy. Tôi muốn được biết ý cụ về việc thả thơ này.

- Tôi bỏ đã lâu ngày rồi. Nếu có định chơi thì phải đọc lại thơ mất một dạo và vòng cho đủ một túi thơ, kể cũng công phu lắm. Điều tôi ngại nhất nữa, là bây giờ tuổi tác rồi. Bây giờ lại bày trò vui đó, e có mệt cho tinh thần. Đã thả thơ thì phải ồn ào mới vui. Còn trẻ trung gì cho nó cam. Mà cụ tưởng ở đây ai đánh nổi chữ nghĩa đâu mà làm cái vốn. Họ dốt chữ, họ thua thơ, mình ăn tiền của họ đã không lấy gì làm hứng thú mà lại còn mang tiếng rất nhiều nữa.

- Nếu mình cứ thả thơ luôn ở đây, những người ở vùng quanh sẽ tới. Tôi sẽ rao lên. Cụ kêu người đây ít chữ; kệ họ. Họ mất tiền mà được lạm dụng vào làng thơ phú, họ phải lấy làm sung sướng. Mà bọn nhà nho nghèo như anh em mình, nhiều lúc cũng nên cho họ chơi trò một chút, miễn là họ phải trả tiền. Tục lệ ở hương thôn, khi bán nhiều bán xã, mua quan viên cũng không ra ngoài cái ý đó. Vậy bác để tâm đến việc này. Từ mai bác đọc

lại các tập thơ cổ, tìm sẵn những chữ "vòng" chữ "thả" thì vừa. Cô Tú nhà ta giọng trong và ấm tiếng lắm.

- Để tôi xem xem có nên không đã.

- Cụ không phải nghĩ nữa. Vậy đệ xin đính ước với bác đến tuần trăng sau. Ừ, bây giờ chúng ta là cuối hạ. Bắt đầu sang thu mát trời, thả thơ thì tuyệt. Nhà lại ở bên sông, còn chờ gì mà không làm một cái nhà bè trên mặt nước. Kể cũng đủ di dưỡng tính tình và đỡ cho khoản nhật dụng.

Khách đi rồi, cụ Nghè Móm nghĩ đến hồi trước, cụ đi lại với bạn đồng liêu, những lúc thừa nhàn, không đánh tổ tôm, chơi cờ tướng, thì lại bày một cuộc thả thơ hay là leo lên một đôi trái núi đá. Cái buồn thấy đời là ngắn là ít, chớm qua lòng một ông già đã muốn yên phận với chữ bài.

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ được giữ lớp bụi ngầu và ra khỏi cái níp sách sơn son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiền lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vắt tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bầm. Rồi cụ ngồi nhồm dậy, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đấy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy bạch rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay. Đám học trò nhỏ, đầu còn để cái chỏm dài lẩn thẩn hỏi cô Tú, cô vui vẻ trả lời:

- Đừng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đấy để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

- Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyen tròn. Cái khuyen tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: 'Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần' đấy chứ? Ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ "hướng" ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần". Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã... "vòng"... Tần. Chữ "vòng" đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ "thả" ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: cố, tại, vọng, phản và luôn cả cái chữ hướng trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy chuyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái chí, trố mắt nhìn cô Tú, giục cô nói tiếp.

- Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Nhưng mà đây là chuyện của người lớn tuổi. Các em ra tập bài đi, bao giờ thành người lớn rồi sẽ biết.

- Nhưng mà biết thế nào là được, là trúng hả chị? Lạy chị giảng cho một chút nữa, rồi các em xin đi ra bục học bài ngay, để chị rọc giấy.

- Trên đầu mẫu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ phản. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn độ hở cái khoảng viết mấy chữ: "Quân hướng Tiêu Tương ngã... Tần", với một cái khuyen tròn thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ cố, tại, vọng, phản, hướng em chọn lấy chữ phản mà đánh mà làm thành ra câu: Quân hướng

Tiêu Tương ngã phản Tần, thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

Tụi trò nhỏ nhìn nhau cười khúc khích và khi bị cô Tú xua đuổi lên nhà học trên đều ngoái cổ lại cười, nói một loạt với người con gái lớn của thầy học:

- Bao giờ các em nhón, học giỏi được lên tập bài trên trường quan Đốc tỉnh, mỗi khi về thăm lại thầy, chị thả thơ cho các em đánh với nhá!

Đêm mười bốn tháng tám là cuộc thả thơ lần thứ hai của cụ Nghè Móm. Lần trước thả vào thượng tuần tháng bảy; lần này cụ Nghè Móm chọn ngày mười bốn, có người hỏi tại sao không để đến ngày rằm, cụ nói:

- Trăng mười bốn bao giờ cũng khéo hơn trăng rằm. Ngày mười bốn là ngày vầng trăng đi tới chỗ toàn thịnh. Ngắm vầng trăng rằm, người tinh ý sẽ nhận thấy cái vẻ sắp tàn của một vật gì đã mãn khai trong có một thì.

Những người có chút kinh nghiệm, đều chịu lời ông già nhận xét là chí phải.

Vầng trăng mười bốn lúc chéch về đoài đã in một cục bóng thắm và dài lên mặt con sông trắng và lạnh như thổi thiếc vừa nguội. Đây là bóng chiếc nhà bè lợp lá gồi mà trong đó, cụ Nghè Móm đang ngồi làm nhà cái, thả thơ cho hàng chục người con đánh. Người ta đang sát phạt nhau bằng tiền, đem cái may rủi cả vào đến cỏi văn thơ và trên mặt nước sông thu, tiếng ngâm một câu thơ được cuộc, tiếng ngâm một câu thơ thua cuộc mất ăn tiền, những tiếng đó đều âm hưởng trên làn nước lạnh, thanh âm nghe trong trẻo, du dương và thái bình như tiếng vang của một hội tao đàn nào.

Mỗi buổi tối thả thơ, cô Tú đều ngồi bên cạnh cha. Cô bận tay đỡ cái túi thơ của cụ Nghè Móm mở lấy ra từng lá thơ đặt vào lòng chiếu cho làng chọn chữ đặt tiền. Đôi khi có kẻ chọn phải một chữ rất quê kệch mà lại trúng vào chữ ăn tiền, cô Tú tùm tùm nhìn mãi nhà con đang vợ tiền, chừng

như muốn bảo thầm người được tiếng bạc đổ chữ đó: "Đấy ông xem, ở đời ăn nhau ở may rủi, chứ chữ nghĩa tài hoa mà đã làm gì, phải không ông?"

Tháng lại tháng, cụ Nghè Móm thả thơ trên mặt sông đã là một chuyện mà một vùng đấy nhắc nhủ đến luôn luôn. Nhưng có kẻ ác miệng đã phao lên cái tin cụ Nghè Móm định mượn cuộc thả thơ để cho con gái lớn gần quá lứa kén chồng.

Từ đấy không thấy cô Tú theo kèm cha xuống bè nữa. Cụ Nghè Móm không cho cô Tú theo mình đi thả thơ. Từ đấy, không rõ tại đâu, cụ Nghè Móm hay thua luôn. Và bọn đánh thơ thì uế oải vợ tiền được, và buồn nhớ đến một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đổ chữ lấy tiền.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Đánh Thơ

Giữa quãng cuối đời vua Thành Thái và đầu đời Hoảng Tôn Tuyên hoàng đế, đất Thuận Hóa, có ba người đàn bà rất đẹp và rất lãng lơ.

Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng cái tiểu xảo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế trong một thời.

Cái thời ấy là thời của nhà nước Bảo hộ tạm gọi là yên trong cuộc bình định. Nơi quê hương, vào những ngày u hoài âm ỷ, gió Đông Bắc còn gửi mãi về cái mùi diêm sinh đem từ ngoài bờ cõi vào. Nhưng, mặc kệ, dưới chân một nếp hoàng thành, bên bờ một con sông nước không bao giờ có sóng, mỗi ngày vẫn có ba người đàn bà ca hát từ lúc mặt trời tắt cho đến lúc mặt trời mọc. Tiếng đàn hát trên mặt nước một con sông nông lòng và không gợn chút tăm cá, đã vắng đưa ra rất rộng. Thấy thế, một vài ông già mặc áo vải, mỗi lúc chống gậy trúc ra bến, ngắm bóng nắng tàn rụng phía bên tả ngạn sông Hương, đã thốt ra những lời than thở.

Nhưng, giọt lệ già của người mặc áo vải rỏ rơi xuống, thì cát nơi bãi sông cứ việc thấm hút và uống cạn. Và có một cái gì vẫn còn lại mãi mãi ở hai bờ sông Hương thì vẫn chỉ là những tiếng hát. Tiếng đàn hát của giai nhân.

Họ là một bộ ba có ba cái tên rất đẹp, rất thơ mộng: một người là Mộng Liên, một người là Mộng Huyền, một người nữa tên là Mộng Thu. Ở Huế, những cái miện tuổi tác đã bắt đầu theo thị hiếu mà nói luôn luôn

đến ba cái Mộng xinh kia và luôn luôn tấm tắc: "Thần kinh hữu tam Mộng".

Giữa cái thế giới đàn sáo của thành đô, ba cái Mộng xinh đẹp mỗi đêm rải rác ra mọi bến đò tản mát ở dọc sông Hương, những cái sở đắc về thanh và sắc của mình.

Nước một con sông hiền lành đẩy nhẹ cánh hoa vô định lừ đừ trôi một mình theo những cái xoáy nước yếu đuối. Mỗi đêm, ba cái Mộng gõ một nhịp phách, bấm một dây tơ và để rồi phá cười lên vài trận. Để cho cái xã hội đàn ông mặc áo xanh ẩm ướt phải thèm muốn. Thế rồi trong một đêm tốt đẹp, có một ông Phó Sứ giữ lăng, đã đứng lên làm chủ cho một cái Mộng. Mộng Liên đã về hẳn với quan Phó Sứ.

Một cái miệng cười, mười ngón tay tháp bút trước kia là của chung thiên hạ, bởi vì nó không có sở cứ, bây giờ đã trở nên của riêng một nhà. Cặp vợ chồng ấy là một lứa đôi tài tử.

Ông bà Phó Sứ giữ lăng không mấy khi ở yên một chỗ.

Cái nghề của họ buộc họ phải xê dịch luôn luôn và mãi mãi. Suốt một dải Trung Kỳ, họ đi về như là trẩy chợ. Tới mỗi nơi, ở mọi chốn, quan Phó Sứ lại mở một cái túi đựng toàn bài thơ đổ ra cho mọi người đặt tiền và bên chiếu bạc văn chương, Mộng Liên lại đàn, lại ca để làm vui cho cuộc đồ đen rất trí thức này.

Mỗi tuần trăng, cặp tài tử này ở một tỉnh. Cái chiếu bạc thả thơ của họ thường trải ở một phủ nha, huyện nha hay là nơi tư thất một đốc bộ đường. Bất kể lúc lên voi, lúc xuống chó, lứa đôi này đã để dấu giày trên mọi chốn và tha lê đi khắp nơi cái túi thơ và cái túi phách ăn người của họ. Họ nhờ và cổ thi, kiếm ra cũng được rất nhiều tiền. Nhưng cái giống lăng tử cầm tiền thường không nóng lòng bàn tay và có mấy khi họ nghĩ đến sự bảo hiểm

cho ngày mai của mình. Vợ chồng ông Phó Sứ chưa bao giờ nghĩ đến việc làm một cái tổ ở một chỗ nhất định nào.

Quê hương của họ là Cờ bạc và Đờn hát. Nhà cửa đôi lưu đặng ấy gửi vào trong cái truy hoan của thiên hạ. Cái lải trong đời bấp bênh của họ là ở chỗ nhiều người đã nhắc nhòm tới cái tên Mộng Liên và Phó Sứ, mỗi khi lứa đôi chậm tới hay là đã lâu rồi mà chưa thấy trở lại. Người đánh thơ được, người đánh thơ thua xiềng liếng, ai ai cũng đều nhớ đến họ những khi xa vắng. Hình như bấy nhiêu người đều nhận ông Phó Sứ là đáng mặt làm nhà cái cho những buổi thả thơ rất nên thơ; mở xong mỗi tiếng thơ có khi ăn thua từng mấy chục bạc, người ta đều ngâm đi ngâm lại câu thơ thả. Nhà con, nhà cái đều ngâm vang cả nhà, chừng như muốn thi nhau một cái giọng tốt, chứ đồng tiền mất đi hay thu về được gấp ba số đặt, thời có gì là đáng kể. Giữa hai tiếng bạc trên một chiếc chiếu la liệt những mảnh thơ đề, Mộng Liên đêm đêm kể đuôi tựa má ông Phó Sứ, lại đánh đàn, lại ca Nam bằng, ca Nam ai.

Có lẽ không riêng gì ở một nơi, mà ở mọi nơi, những lúc sốt ruột chờ mong vợ chồng ông Phó Sứ trở lại với túi thơ, mỗi buổi gần giờ tan buổi hầu, những lúc việc quan thanh thảo, bao nhiêu thầy thừa phái ở các ty Phiên, ty Niết và những ông Hậu bổ, Thông Phán tỉnh, Kinh Lịch đã nói những câu:

- Quái lạ, sao cứ này hai ông mụ đó đi lâu quá chưa trở lại thả thơ cho bọn mình chơi hề!

- Đánh thơ của lão Phó Sứ có cái rất thú là được thua chi chi, mình cũng đều lấy làm thích cả. Bởi vì lão biết chọn những câu rất hay mà thả. Mỗi lúc ngâm lên, cái hay của câu thơ đã làm cho bọn mình lạnh hết cả người.

- Chẳng thế mà quan Kinh ngài đã mấy lần phải bán lương non, thua nhẵn.

- Chơi cái gì thì chơi, chứ đến cái lối đánh thơ thả, cái nghiệp những anh đã hay chữ lại thêm tự phụ, là chỉ mãi kiếp thua không còn lấy một đồng một chữ tiền.

- Và có nhiều đứa dốt cay dốt đẳng, thì lại mỗi tay vợ tiền.

- Quan bác có biết tại sao không? Đệ cho không có cái nào lợi hại bằng lão Phó Sứ. Hắn lấy ý tứ ra mà dò tiếng bạc của từng người. Nếu lão biết quan bác thích lối thơ liệu, đọc lên âm thanh và niêm luật tròn trĩnh, nhịp nhàng, thế là lão cũng rình lão thả một đôi chữ rất quê kệch hay là khổ độc. Quan bác mấy khi lựa những chữ quê kệch mà đặt tiền. Vậy nên lão vòng những chữ rất ngớ ngẩn đó. Thế là quan bác mất nghiệp, nếu bữa đó, quan bác lại đặt tiền đến tột cửa. Và lão lại còn bán cho mấy cửa đánh những chữ ngô nghê mà lão biết trước sao mình cũng khinh rẻ.

- Kỳ tháng trước, quan Kinh phải đi khám án mạng ở vùng quê thành ra bỏ lỡ mất buổi thả thơ mà tôi rất lấy làm hứng thú. Ngài nghĩ, tôi đã nghĩ bắt thóp được một câu do vô ý của mục Mộng Liên. Nguyên hôm ấy, lão Phó Sứ cho thả năm chữ: cầm, thử, đan, thiếp, sâu trong câu thơ mà lão "vòng" chữ đầu. "Vòng tâm duy hữu dạ đẳng tri". Kể cũng khó đánh đẩy chữ. "Ngọn đèn dầu ban đêm soi tỏ, biết cho tấm lòng gì?". Lòng đàn? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sâu? Phân vân lạ. Bỗng tôi thấy mục Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ cầm, rồi mục thánh thót bấm khẽ mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ cầm ngài ạ. Tôi đoán già là lúc ở nhà vòng chữ, chồng đưa đũa cho vợ gỏi, lão Phó Sứ đã bị tiếng đàn của vợ dạo lên buổi đêm ảnh hưởng nên lão mới thả chữ cầm. Và đánh chữ cầm, thế nào cũng ăn. Hôm ấy tôi đặt hai chục được sáu chục và muốn tỏ ý cảm ơn người đánh đàn một cách kín đáo, hôm sau tôi đã mua biểu Mộng Liên một cây đàn nguyệt có bốn cái trục bằng ngà voi này. Đây, chơi thơ, nhiều khi tâm lý nhiều vào là ăn.

- Tâm với lý gì. Có biết thả thơ, lão Phó Sứ thường mua lại của ai không? Mua của Tào Sắt bên phủ Tuy Lý Vương! Hai ba đồng, tiền công

vòng một trăm câu. Thơ Tào Sắt mà thả, thì đừng có hòng mà ăn.

- Nay, các ngài có được rõ câu chuyện lão Phó Sứ dám thuê thợ bên Tàu khắc riêng cho mình mấy tấm thạch bản in thành một tập thơ mỏng không? Lão ra khuôn mẫu cho họ in nhiều câu có những chữ lạ, rất ngộ nghĩnh và mỗi khi đem câu đó ra mà thả thực không ai ngờ đến. Nhưng chỉ có khi nào đánh to lắm, lão mới giở đến bí thuật này. Lão tìm đến những quan to và có tiếng là hay chữ mới thả một hai câu thật gay go. Các quan thua, đòi lão phải dẫn chứng cổ thi, lão giả vờ bịt tên sách lại, che kín lề, mép và gáy cuốn thơ, chỉ cho xem đủ cái câu thả đó là một câu thơ Tống. Thật là rõ ràng chữ thạch bản, chữ tuy nhỏ bằng con kiến, nhưng đeo kính vào xem, chữ không nhòe lấy một nét. Nhiều người thua cay, thường chỉ tự trách mình xem cổ thi ít quá và tặc lưỡi kêu: "Cổ nhân dùng chữ úp mở uyển chuyển quá đi thôi. Họ cậy có tài, tự cho mình cái quyền hạ những chữ quá lắt léo, đem cái quyền lực của sáng tạo ra mà làm bọn mình đảo điên cả nhận thức và cả tiền bạc nữa. Còn ai biết đằng nào mà lần nữa". Ấy một năm lão Phó Sứ dùng lối thả thơ sanh tử như thế độ một đôi lần, đủ gỡ lại những bữa thua to. Chà! Nhưng mà nghĩ lắm lúc cũng tội. Vợ chồng họ nhiều khi thua nhẵn. Lắm bữa không có lấy một trử tiền mà thừa dây đàn nữa. Và hai ông mụ phải vờ cáo bệnh nằm bệt một nơi có khi đến hàng tháng.

- Cụ Tuần trước ở đây, chơi không được lịch sự, thành thử vợ chồng ông Phó Sứ họ cũng dâm nhờn. Ai đòi đi mặc cả với họ mỗi buổi đánh thơ xong, phải đưa cho mình một số nhất định là bao nhiêu, mặc dầu họ thua hay là được. Không những thế, Cụ lại còn quấy nhiễu họ giữa những tiếng bạc lớn. Lấy tiền nhà cái, lúc năm đồng, lúc mười chữ, tẹp nhẹp quá. Hình như Cụ còn chót nhả với cả mụ Mộng Liên nữa.

- Thì cũng phải lấy hồ chút ít chứ sao? Có thể thì những buổi hội giảng đầu tháng bên tòa bên tỉnh xong, Cụ mới giữ các quan phủ huyện lại

cho chớ? Vậy chớ ai trả tiền những mâm rượu linh đình giáo đầu cho mỗi cuộc thả thơ?

- Cái ông huyện Bình Khê, người trông đứng đắn thế vậy mà nhảm lạ. Ông ta chúa hay vờ vĩnh. Nhà cái chưa thả thơ xong, ông cứ vờ vĩnh giục ồn lên những là lâu và làng đặt tiền chậm như thế thì một đêm, phỏng thả được mấy câu thơ. Thế rồi ông vờ lấy lá thơ đặt ở giữa chiếu, dọa mọi người nếu không đặt tiền nhanh lên thì ông thối tuột lá thơ ra và xin làng, nếu nghĩ lâu quá, thì đợi đến câu sau hãy đánh vậy. Mỗi lần ông cầm lên đặt xuống lá thơ, cái mẫu giấy tàu bạch cuộn tròn như tổ sâu kền lại nói giãn dần ra một chút. Và ông đã hé nhìn được chữ gì viết trên đầu giấy, cuộn tròn tận vòng trong cùng lá thơ. Mắt ông ta nhanh như cái cắt. Có lần ông Phó Sứ vòng một chữ bút, ông huyện vờ xin thối thế nào mà nhìn được cái nét sổ dài. Rồi là có bao nhiêu tiền đem đặt vào chữ bút đến tột cửa! Nhưng, mục Mộng Liên xem chừng cũng hiểu, nên mỗi lần sau, ông huyện Bình Khê động tay vào lá thơ là mục lại buông tay đàn, chặn lấy giấy và nhìn trừng trừng vào giữa mặt ông huyện có tính gian xảo kia.

Đêm hôm đó, người ta bày cuộc đánh thơ ở nhà ông Kinh Lịch. Mọi người tụ tập ở đấy đều lấy thế làm vừa lòng. Vì, ít ra, ở đây, người ta cũng chơi bởi có phần tự nhiên hơn ở trong dinh các cụ. Ông Kinh Lịch là một người trọng cái sạch sẽ của tâm hồn, nói to cùng mọi người là ông không thu tiền hồ. Ông chỉ yêu cầu ai được thơ nhiều nhất thì nên cho người lão bộc nhà ông một số tiền nhỏ mọn để đền lại cái công nó làm dầu, làm đèn, nấu cháo và bưng điếu. Ông Kinh lại còn khẩn khoản với mọi người đừng nên làm huyền não nhà cửa lên. Ông vui vẻ nói:

- Đã hay rằng vợ được câu thơ hay, ai mà chẳng muốn ngâm vang lên. Thứ nhất lại ngâm vang câu thơ thả mình vừa đánh trúng cái chữ hiểm hóc, thì ai mà bụm miệng được. Một người ngâm, cả làng phụ họa vào, ồn ào bằng võ chợ, cái đó cũng là thường tình. Nhưng, tôi xin các ngài biết cho là

chúng ta ở trong thành, gần ba dinh cụ Lớn, mình không nên làm náo động quá. Mình khe khẽ, đủ nghe với nhau thôi.

Cả một lũ con bạc lên mặt tài giỏi, nhìn ông Kinh Lịch cười hóm hình và khoan thai bước vào chiếu giữa. Ông Kinh Lịch châm thêm dăm bảy cây sập nữa đã gần sẵn vào để đèn đồng. Tất cả thành thử đến hơn mười cây nến, chung nhiệt độ lại để tăng bốc cái mùi thơm gắt ngát của một bình hoa rộng miệng chứa gần trăm gốc huệ trắng. Hoa huệ mãi khai cuộn cong đầu cánh trắng lại như những râu rồng và gập tiết đêm, gập sức nóng của nền cháy, của người thở mạnh, của hơi thở dồn vang càng hết sức nhả mùi hương. Không khí đều là huệ hết cả, có người rít mạnh mũi thuốc lào, đã lầm rằng thuốc của mình là ướp ủ bằng hoa huệ. Hơi huệ ngùn ngụt bốc lên, quyến lấy mùi dầu nơi mái tóc Mộng Liên. Mộng Liên mặc chiếc áo màu hỏa hoàng ngồi ép sát vào chồng, mặc một chiếc áo lụa năm thân nhuộm màu khói nhang đột chỉ trứng rận. Ông Phó Sứ vừa gỡ túi thơ vừa hỏi làng:

- Dạ thưa, có đánh thơ cổ phong không? Và có đánh chữ chân không?

Một con bạc ít tuổi và chừng như mới tập tổng lối chơi chữ này, hỏi lại:

- Đánh thơ cổ phong? Thôi, nếu thả thơ cổ phong thì anh em ở đây đưa tiền cho ông tiêu hết. Còn đánh chữ chân là thế nào?

Ông Kinh Lịch đang ngồi bên khay đèn, ngồi nhóm dậy nói chỗ xuống chiếu dưới:

- Cái ông thừa nhà tôi đến hay lắm lắm. Đã đi đánh thơ đòi ăn tiền thiên hạ, còn hỏi lục vấn thế nào là chữ chân. Thưa ông, câu thơ bảy chữ, đem vòng chữ thứ bảy cuối cùng cho làng đánh, thế gọi là đánh chữ chân ạ.

- Nếu thế thì đánh cả chữ trắc và cả chữ bằng à? Thôi, xin làng cứ theo như lệ mọi khi mà đánh. Đây, chúng tôi không phải là thi bá, không dám

đánh chữ vắn, chữ chân.

Ông Phó Sứ và Mộng Liên nhìn nhau cười; vợ chồng có ý bảo thầm nhau rằng làng cũng khôn đấy nên mới không dám trêu vào lối đánh thơ hiểm hóc này.

Lá thơ đầu tiên đã ra khỏi miệng túi gấm vắn khư khư nằm trong tay Mộng Liên. Cả làng chăm chú nhìn và ngâm ngợi và ngẫm nghĩ. Cái gì mà "... thượng, mai khai, xuân hựu lão"? Cuối lá thơ thả, có sẵn năm chữ thả viết xương kính: tái, sơn, đình, mộ, vắn. Cả làng ngâm:

- "Vòng" thượng, mai khai, xuân hựu lão aao...

Vắn lời cái ông thừa trẻ:

- Tái, sơn, đình, mộ, Vắn. Ta đánh chữ tái: "Tái thượng, mai khai, xuân hựu lão". Hoa mai... nở trên mặt ngọn ải... xuân lại già nữa.

Ngẫm ngợi lâu, ông thừa trẻ trở nên do dự. Thấy ông Thông Phán tỉnh, người có tuổi và vốn sành về môn thơ thả, đánh chữ Vắn ông tỏ ý ngạc nhiên:

-Vắn thượng, mai khai, xuân hựu lão. Quái nhỉ! Sao lại Vắn?

Rồi ông thừa cứ mân mê mãi cọc tiền, không biết nên đặt chữ gì để ông Phó Sứ phải sốt tiết lên cắt nghĩa hộ cho bằng vẻ lễ phép ngụ nhiều ngạo mạn kín đáo:

- Thừa ngài, Vắn là con sông Vắn chảy qua đất Lỗ, quê đức Thánh Khổng: "Mai nở trên sông Vắn, xuân lại già". Cụ Phán tỉnh đánh thơ như thế, câu đó ngài cho làm lạ lắm sao?

Và, xem chừng cả làng cũng không có một ai đánh thêm được đồng nào nữa, ông Phó Sứ xin làng cho phép ông được thối lá thơ cuộn tròn để

tuyên bố cái kết quả tiếng bạc đầu tiên. Ông đã nhẹ nhàng cầm lá thơ, phồng má định thổi phồng một cái. Một vài người vội vàng rút thêm tiền đặt vào mấy chữ tái, sần, dính. Chỉ có chữ mộ là không ai đánh cả.

Mộng Liên ngồi đánh được một phần ba bản đàn Nam bình. (1)

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất bốn dòng chưa tìm ra được.

Thế rồi tiếng bạc mở.

Và cả làng đều ngả ngửa ra khi đọc rõ lá thơ thả kia là câu: "Mộ thượng, mai khai, xuân hựu lão". Cả làng nhao nhao:

- Ô, cổ nhân dùng chữ ác thật. Hoa mai nở trên nấm mồ, xuân càng già. Thơ phú thế có giết người không? Ai biết đằng mô mà lần, mà đoán.

Ông Phó Sứ trước khi vợ tiền cả làng, vì không ai đánh chữ mộ, ông ta đã vội trình với làng một trang sách thơ mở rộng. Và tay vừa chỉ một dòng chữ in nhỏ, mồm vừa nói:

- Thừa với làng, câu này lấy ở bài Tọa phóng hạc đình của Từ Dạ.

Bao nhiêu bộ mặt tâng hăng đều cúi cả vào trang cổ thi và ề à ngâm lại:

- "Mộ thượng mai khai, xuân hựu lão; Đình biên hạc khứ, khách không hoàn".

Hay, hay thiệt.

Ông Kinh Lịch đêm ấy thua to. Ông truyền cho người cuốn chiếu bạc và ân cần dặn vợ chồng ông Phó Sứ tháng sau có trở lại thì thế nào cũng phải tổ chức cuộc thả thơ ở ngay nhà ông cho ông gỡ lại. Ông còn năn nì

xin ông Phó Sứ làm quà cho mình tất cả những lá thơ đã dùng đánh suốt một đêm qua. Thấy nhà cái trù trù, ông Kinh Lịch nói dối:

- Có cho, thì tôi giữ làm chút kỷ niệm...

Ông Phó Sứ cười, trao vào tay ông Kinh mấy chục lá thơ đã dùng đến nhàu nát rồi và thắt chặt lại miệng túi gấm còn đựng đến gần trăm lá thơ khác chưa dùng đến còn phong kín cái bí mật một chữ thơ. Rồi nhà cái nhà con chấp tay từ biệt nhau với một câu đính ước: "Cữ thượng tuần tháng sau, xin lại gặp nhau ở đây nữa".

Nhưng ngày thượng tuần tháng sau, ông Phó Sứ và Mộng Liên không trở lại. Rồi quá cữ trung tuần, rồi qua luôn cả cữ hạ tuần. Nhiều khách thả thơ đã dày công chờ đợi vợ chồng ông như một cái bóng chim, như một cái tằm cá.

Một hôm có người ở Kinh ra, nói chuyện cùng ông Kinh Lịch:

- Ông Phó Sứ chết ở chân Đèo Ngang rồi. Mộng Liên giờ là người góa và đang lúng túng tìm người giữ cho cây đàn. Số là đi qua Hoành sơn quan, thấy cảnh đẹp, lòng sinh tình, hai ông mụ đã yêu nhau giữa vùng trời nước bao la. Ngay chỗ dưới chân ngọn tường ải có chữ "Đệ nhất hùng quan" của đức Thánh tổ ngự phê ấy, ông ạ. Trúng cơn gió độc, ông Phó Sứ đã hóa ra ma chết đường. Mộ để sát ngay bên đường thiên lý. Cái giống ma trời này, sẽ thiêng vô cùng. Rồi đây những lúc thanh vắng, những lúc trăng bãi gió ngàn, hồn ma tha hồ mà trêu ghẹo khách bộ hành vô Kinh đấy ông ạ. Cầm cảnh cho lão, đâu có bậc thời sĩ quê vùng Ngũ Quảng có làm đôi câu đối diếu. Xin đọc ông nghe:

Ra Bắc vào Nam, trăng gió đề huề thơ một túi

Lên đèo xuống ải, mây mưa đánh đổ cuộc trăm năm

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Ngôi Mã Cũ

- Thành ra cái hồi cụ An nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.

- Dạ.

- Thế cậu không rõ cái người phân kim cắm huyết cho cụ An hồi ấy là ai à?

- Dạ, thưa không.

- Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bờ cõi cha, bờ cõi mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm.

Giá như con nhà khác thì lêu lổng và hỏng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

Cậu Chiêu ngồi hầu chuyện cụ Hồ Viễn, lòng buồn rười rượi. Mồm thì dạ vâng để giữ lễ mà óc thì bận nghĩ giật lùi về cái hồi nhỏ bé của mình. Cụ An ông mất, cụ An bà cũng mất theo liền. Cách nhau không đầy ba tháng, cậu Chiêu mang luôn hai cái tang lớn... mấy ông chú, bắt đầu phá tán cái gia tài còn con... bấy giờ lại đang loạn lạc. Trăm họ tan lìa... Bao nhiêu ông già bà cả chạy dạt vào cái thăm thẳm của rừng Hưng Hóa. Màn trời... có những vòm lá cây âm u. Chiều đất... có những cỏ áy, sim lụi và những cành cây mục bỏ với những đàn kiến lửa nối nhau ngày đêm bò liên liên như là

quan quân đi tiểu giặc. Nhớ đến cái mình sống hồi ấy giữa cảnh ly loạn, cậu Chiêu hình dung thấy rõ mồn một cái đứa trẻ mồ côi rất đáng nên tội nghiệp kia. Cậu đấy. Ừ, tưởng là chết được lắm, chứ có ai ngờ đâu còn sống được đến bây giờ và lại còn được ăn học đến nơi đến chốn nữa. Cái thân một người con quan lúc bấy giờ thật đã khốn cực đủ trăm phần.

Ông cụ Hồ Viễn vẫn nói và uống. Càng nói chuyện, cụ càng uống rượu; càng uống rượu, cụ càng được nói chuyện nhiều. Mỗi lúc bị hỏi gặng, cậu Chiêu lại như tỉnh cơn mơ nhỏ.

- Dạ?

- Thừa vâng.

Rồi cậu Chiêu lại vẫn không quên cái cảnh màn trời chiếu đất của ngày bé bỏng. Dưới cái màn trời triền miên những kinh động ngỡ sợ, ánh sáng tối và ẩm ướt của rừng tị nạn đổ xuống một cái đầu xanh đang ngậm chùm tóc mới vừa tơ mà đã nhuộm màu tang. Trên cái chiếu đất dầy đặc mùi cỏ cút, một cặp chân có khóa bạc vòng vàng đang in đôi gót đỏ như son lên cái rêu nhầy nhờn, của ngày đau khổ và lẫn lút. Có những ngày liên tiếp cậu Chiêu và chị - cô Tú - phải nấu củ rừng ăn với cháo chó, - những con chó trung thành cùng theo chủ vào ruột rừng Hưng Hóa.

- Cậu còn nhớ chỗ để ngôi mộ cụ nhà đấy chứ?

Cậu Chiêu choàng ngồi thẳng mình lên và ngừng tay quạt ruồi chồn vờn trên mâm cơm, vội thưa với cụ Hồ Viễn:

- Dạ thưa cụ, cháu nhớ lắm. Có ai mà lại đi quên được mồ mả cha ông. Và chẳng, vẫn còn có tấm bia ở đấy.

- Ờ. Đấy là xứ Đồng Cồn phải không? Từ ta đây mà xuống dưới xứ Đồng Cồn thì đi như thế nào nhỉ?

- Dạ như chúng tôi đi bộ thì mất trọn một ngày, nếu không nghỉ ở dọc đường. Nhưng cụ có đi thì phải thuê cáng. Và đi cáng đòn ba thì tỉnh mơ đi, độ quá giờ ngọ đã tới.

- Thôi được rồi, để hôm nào mát trời, tôi và cậu sẽ xuôi xuống Đồng Cồn. Ngôi mộ cụ Án thế nào cũng phải phúc lại. Mộ để như thế, hỏng hết. Ai lại tọa như thế, hưởng như thế bao giờ. Minh đường có mà thành ra nghịch thủy hết cả. Cậu nói qua qua thế, tôi cũng đủ rõ rồi.

Mâm rượu vừa bưng đi xong, cậu Chiêu kính cẩn mời cụ Hồ qua giường bên nghỉ.

Bấy giờ cậu Chiêu mới lùi vào nhà trong qua bên trái buồng cạnh. Cô Tú ngừng tay gieo thoi trên khung cửi vải, vuốt mái tóc xuề xòa dưới vành khăn nâu mỡ quạ.

- Thôi, em đi ăn cơm sớm đi chứ. Cơm ủ trong chần đã ôi hết cả rồi. Có cái đĩa nộm khoai kho tương, chị để phần cho em một ít đấy.

- Em nhớ ra rồi. Hôm nay ngày rằm, chị ăn chay.

Cô Tú cười. Nét cười dè dặt lẫn có mùi vị của hy sinh.

Với cô Tú, cuộc đời giờ đã hết tất cả xán lạn rồi. Bởi vì đời đòi hỏi cô nhiều về bốn phận. Cô nhất định không đi lấy chồng và vui lòng sống vậy cho đến lúc nào cậu Chiêu em đi thi được và làm nên được. Ở trong cảnh cô cút với sự thanh bạch, cô Tú ngày ngày dệt vải, và khâu thuê vá mướn cho người xóm làng. Những lúc rời tay kim tay thoi thì cô lại lên tiếng ngầy ngà đến người em lúc quên mặt chữ sách hay là bỏ dở một trang quyển bài viết. Cái bây giờ của cô Tú đã là không đáng kể và cô chỉ sống bằng mong chờ về cái mai sau của cậu Chiêu. Dưới quang đèn dầu bông, nhiều khi người em đã rầu lòng, tỏ lời hối lỗi vì những lúc làm phiền lòng cô Tú mà cậu coi như là mẹ, một người mẹ rất trẻ, đầy âu yếm và thừa đức tin vào mình.

Chị ngồi chờ em ăn xong bữa cơm rau dưa, đưa tắm nước cho em rồi mới hỏi chuyện về việc ông cụ Hồ Viễn đã nhất định hôm nào thì đi xem lại ngôi mộ cha cất ở Đồng Cồn chưa. Cậu Chiêu thở dài, tỏ vẻ sốt ruột:

- Cụ Hồ ở nhà ta có đến hơn một tháng rồi mà cứ nay lần mai lửa mãi. Em thấy tốn nhiều quá chị ạ.

- Em coi chừng lời nói, kéo cụ Hồ nghe thấy thì uống cả cái bụng thành kính của mình đi.

- Chị thử nghĩ, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện. Ông cụ Hồ khó tính quá. Thuốc phiện nếu không phải là thứ một lạng đựng vào cồng thì không hút. Gớm, không hiểu ông cụ Hồ để móng tay làm gì mà dài đến thế. Móng tay út lá lan của cụ uốn hai vòng như râu rồng. A chết chữa, hình như hôm nay quên không mua chanh để chút nữa cụ dậy rửa móng tay.

- Có trong kia rồi.

- May quá. Chị chưa thấy cụ Hồ gặt gồng mỗi khi bưng thau nước ra mà không kèm vào vài quả chanh.

- Em phải nên chiều cụ. Những lúc đêm hôm, em chịu khó hầu hạ cho được vừa lòng cụ. Cả nhà có hai chị em, chị là gái, vậy chị trông cậy ở em. Em nên biết, rước được cụ Hồ về nhà khó lắm.

- Nhà ta nghèo, cái đó cụ Hồ rõ lắm rồi còn gì nữa. Vậy mà cụ bày vẽ ra nhiều quá. Một tháng, hai tháng, cố gắng thì may cũng chiều đãi được chu tất. Nhưng em chỉ sợ cụ cứ ở lý mãi đây, hết trăng trời lại đến xem lịch, mà vẫn không chịu đi xem hộ ngôi mộ của thầy, rồi thì sao?

- Chị ngờ cụ Hồ muốn thử đến lòng kiên nhẫn của chị em nhà mình, xem mình có được chí thành không. Tại sao, ở vùng đây, khối người giàu

có, cụ không thèm tới, tuy họ chèo kéo. Em nên nhớ đến câu này nữa. Là hồi xưa, cụ Hồ đây có biết thầy lắm.

- Vậy hờ chị? Sao em không nghe chị nói bao giờ. Chị kể cho em rõ.

- Cụ Hồ nguyên là tướng Cờ Đen. Tên cụ khác kia. Chú Thủ nhà có biết vì nhiều lần chú Thủ có nói đến rồi. Nhưng chị quên... (1). Một cái cờ, cán dài hơn con sào, lá to bằng cả một cánh buồm thuyền lớn; lựa chập ba sợi xe làm một rồi mới dệt, rồi mới nhuộm đen. Đấy, vì thế mà gọi là Cờ Đen. Viền chung quanh lá cờ to tướng là những hàng móc sắt, sắc hơn lưỡi câu. Người ta nói chuyện lại rằng cụ Hồ, hồi còn làm tướng quân Cờ Đen, mỗi lúc cụ trưng lá cờ đầu khi xuất quân, trông oai phong lắm liệt. Bên thắt lưng điều, cụ giắt hai khẩu súng. Phía bên trái là một khẩu đoản mã và phía bên phải là một khẩu súng thập bát hương bắn một lúc những mười tám phát liền. (2)

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ hai dòng chưa tìm ra.

(2) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mười dòng chưa tìm ra.

Có lẽ hồi nhỏ, những lúc ở trong thành xây đá tổ ong tỉnh Sơn, hồi thầy còn ở chức, chị cứ nghe thấy tiếng kèn tàu và loa đồng và trống trận nổi lên nhiều, là chính vào lúc quân Cờ Đen tế cờ ăn mừng được trận như thế. Quân Cờ Đen có cái tục tế cờ lúc thu quân... Nào ai biết. Thấy các ông già bà cả bảo thế.

- Cụ Hồ mà tài giỏi và dữ thế kia?

- Vậy mà những lúc việc quân thông thả, cụ mặc áo dài "xường sám" đội mũ "xường chí" có quả bông đỏ, cầm quạt vào chơi trong dinh với thầy, thì trông nhàn nhã và văn vẻ lắm. Cụ Hồ yêu thầy vì thầy viết chữ rất tốt. Chú Thủ thường nói chữ thầy viết có gân có mác như chữ lá thiếp. Bao giờ

thầy cũng cầm bút đứng thẳng cái quản, chỉ thẳng vào đầu mũi và cùi tay không tỳ xuống văn kỷ. Nên những nét số rất khỏe và rất thẳng. Hôm nào em giở cuốn gia phả ra mà xem thì rõ.

Cậu Chiêu nghe chị kể chuyện, thích lắm. Vì chung quanh cái thân thể của một ông già mà cậu vẫn chỉ cho là một ông thầy địa lý khó tính chỉ đáng trọng một cách vừa phải mà nhiều khi còn gượng ép nữa kia, bây giờ cậu thấy cả một huyền sử bọc quanh một lão tướng võ nghệ cao cường và bí mật. Cái ông tướng tài giỏi ấy, ngày ngày cậu gần kề và chuyện trò cùng. Vậy mà hơn tháng nay, cậu không biết gì cả.

Giàn bầu nậm ở ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp chật ô giàn nửa, đã làm dịu hẳn cái nắng thánhtư ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sàn bị cái cốt xanh ngắt của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn và vờn vào áo vải trắng dài cậu Chiêu đang ngừng đầu ngắm những quả bầu nậm buông thông xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa màu xanh của một người phong lưu và đa tình. Đây là cái màu dịu mát của chất ngọc bích; đây là màu xanh ở những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa.

Gió nam từ ngoài lũy tre già thừa đưa vào, làm va đập vào nhau những bình rượu của Tự Nhiên. Những quả bầu mà được cứng lần cùi như chất vỏ cây khô, thì mỗi khi cơn gió vèo đây những bình rượu ấy văng cụng vào nhau, người ta sẽ nghĩ ngay đến cái hình và cái tiếng của lũ khánh đất nung và cá đất nung ở cái sân cây cảnh một gia đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắm từng quả bầu nậm. Lúc buồn tay, lắc quả bầu thật mạnh, ở trong nghe như có tiếng có nước ọc ạch. Trông sượng mắt và có thể vui tai đến chừng nào! Chẳng trách được, chiều chiều ông cụ Hồ Viễn cứ ra sân đùa mãi được với lũ bầu nậm lòng thông trước khung cửa sổ như nhắc nhở một người đã mệt với cuộc sống chỉ còn nên uống rượu chơi thôi. Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giàn là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng!

Giờ chiều, đứng nắn bầu nậm cho cụ Hồ, cậu Chiêu thấy có hứng thú. Vì cậu đã bắt đầu mẩn được ông già Hồ. Trước kia cưỡi ngựa, cầm cò, đánh Tây, bắn súng; bây giờ đi phân phát hạnh phúc bằng cách tìm đất để mả cho những kẻ thất thế, và lúc nhàn rỗi thì uống một đôi rượu của những người biết nhớ ơn mình.

Xé mảnh vải điều, buộc vào cái nắc ngãng quả bầu, cậu Chiêu nói với cái vắng vẻ của buổi chiều nhà quê: "Thắt chặt dây lại tí nữa, thì dáng bầu sẽ thon. Nó chỉ nhón được theo chiều dài. Trôn quả này méo, sẽ làm tội mình mấy buổi ra đây nắn mãi cho nó bớt tật đi".

Cụ Hồ thức giấc, ra vườn, thấy cậu Chiêu đang nắn cái quả bầu mình đã rấm sẵn từ tháng trước, liền nói:

- Tại chị em nhà cậu tặng tôi mấy cái chén ngọc liệu nên tôi mới nghĩ đến việc lấy bầu nậm. Cái chén uống rượu của nhà này phải dùng với cái bình đựng rượu cũng của nhà này. Cậu biết chưa!

Cô Tú nghỉ tay thôi, bước ra nghe chuyện, đỡ lời em:

- Dạ thưa cụ, cảnh nhà nghèo bí, cũng chẳng còn có gì. Có bốn cái chén ngọc là của gia bảo còn lại, chị em chúng tôi kính biếu cụ gọi là đền đáp mới được có một chút mà thôi. Sau này nếu trời thương lại và nhờ được mạch đất tổ tiên có cơ hồi lại, nếu nghiệp nhà có thể trung hưng lên được, thì chị em chúng tôi còn phải tạ cụ nhiều. Có lẽ quả bầu nậm ở giàn này, chỉ là mẫu vẽ trước của một cái bình bằng ngọc thực mà sau này chúng tôi phải kính dâng cụ.

Cụ Hồ lấy làm thương thức cái câu cô Tú nói một cách trung hậu mà cũng rất văn hoa. Người như thế mà còn nghèo mãi thì còn để thiệt thòi cho thế gian nhiều. Cụ Hồ nghĩ mà thấy buồn buồn.

Hai cái sừng trăng đã mở to, đã đầy dần. Rồi vầng trăng tròn vẽ lên trời, lần thì cái quầng, lần thì cái tán. Thế rồi nó khuyết ở đầu ngọn tre,

những lúc gió sớm giục canh gà gọi nước bể dâng lên. Trăng thánhtư đã gần hết một tuần. Trong cả một cử tháng tư này, cô Tú đã thức rất khuya để dệt cho được nhiều tấm vải, để góp công nhật của mình lại cho được thừa thãi, để có đủ một số tiền thuê cáng cho cụ Hồ và em trấyxuống Đồng Cồn, nơi để phân mộ cụ Án ông - cụ Án cha mình lúc nằm xuống trả lại lộc cho triều đình, em mình mới có ba tuổi.

Cái ngày đi Đồng Cồn đã đến.

Cậu Chiêu ra đi từ lúc tối đất, lúc hàng xóm mới nổi lửa thối cơm cho thợ gặt, bây giờ đã trở về với bốn năm người già cả rách rưới. Thấy cô Tú, bọn người già nua kia đều kính cẩn chào.

- Các bác đã xuống đấy ư? Chắc cậu Chiêu cũng đã nói rõ muốn mượn anh em ngày mai làm cáng hộ xuống xứ Đồng Cồn. Hai chiếc. Chiếc của cụ Hồ thì phải đi đò ba. Cụ đẩy người và có tuổi. Vậy các bác định lấy bao nhiêu?

- Đồng Cồn. Thế này là phải mất những ba trạm. Đại Đồng này, Trạm Trôi và Mai Dịch này. Hai trạm ngắn và một trạm dài. Và một con đò ngang.

- Phải, đò sông Hát. Chiếc cáng đò ba, sau khi nghỉ ở Mai Dịch, sẽ đi luôn xuống trạm Hà Trung.

- Thưa cô, thế là về tận Hà Nội?

- Có một mình cụ Hồ đi về Hà Nội thôi. Cậu Chiêu nhà đi đến Mai Dịch rồi trở về.

- Thế này thì cô cứ cho anh em một lượt mỗi trạm ngắn là một quan và quan năm tiền một trạm dài. Còn như cáng đò ba thì xin tùy cô định cho. Ngày xưa, anh em đã có dịp được hầu cáng quan Án nhà nhiều chuyến lắm. Cụ ngày xưa thường có sẵn sóc đến anh em chúng tôi. Giờ là ngày mùa,

nhưng được tin cô gọi, anh em cứ xuống ngay là vì anh em nghĩ đến cái tình quan Án ngày xưa hay thương đến. Còn tiền nong, thôi, cô cho thế nào cũng được. Chúng tôi không dám kỳ kèo.

Họ ăn trà, vừa thổi lửa nùn rơm vặn ăn thuốc lào, vừa ngồi xõm thừa chuyện bên khung cửi. Thoáng thấy cái ngáng vông ngà gác ở trên cột buồm, họ lúi xuống ngắm đi ngắm lại và nói với nhau:

- Này bác Xã, cái ngáng ngà này không phải cái ngáng vông điều của quan Án ngày trước. Nó sút mất một đầu kia mà. Bác còn nhớ chứ? Cái lần qua đò sông Hát, trời mưa gió to quá, tôi lấy bẫy trượt chân, ngã khuỵu xuống. Một đầu đòn cắm hẳn vào bùn. Vỡ cái nấc chạm rỗng.

Một người quay lại phía cô Tú:

- Cụ Án nhà kể ra là người có bụng thương kẻ dưới lắm. Con tưởng cứ kể như vị quan khác, thì đến làm tội chứ chẳng phải chuyện chơi đâu.

Sau cùng, cuộc thuê cáng ngà giá đúng tám quan, một cáng đòn ba đi thẩu đến trạm Hà Trung và một cáng đòn đôi chỉ đi đến làng Vòng thôi. Và sớm mai bắt đầu khởi hành.

Bữa cơm chiều hôm ấy là bữa cơm cuối cùng đãi một ông thầy địa lý. Cơm có rượu ngon, rất nhiều, và có cả một cái sỏ lợn. Cô Tú và cậu Chiêu cùng ngồi ăn với cụ Hồ vì cụ muốn thế. Cậu Chiêu thấy cụ Hồ hôm nay lấy cái bộ áo lễ chỉ sấu ra mặc, trông cụ lại càng có vẻ Tầu lắm. Thảo nào mà ngày xưa cụ Hồ là tướng Cờ Đen!

Cô Tú còn ít tuổi mà đã có nét mặt và dáng dấp của người góa trẻ phải nuôi con nhỏ. Trông cô hôm nay già thêm. Lòng tưởng nhớ vong linh cha và thương em và tủi cho mình, ở người cô, chiều bữa nay oằn nổi lên nhiều hơn tất cả bao giờ. Thình thoảng cô quay mặt ra ngoài hỉ mũi kín đáo. Rồi cô lấy dải yếm đưa qua cặp mắt đỏ hoe. Cụ Hồ vẫn cười nói, uống rượu.

- Cô Tú lẩn thẩn lắm. Ông Giời có đóng cửa ai bao giờ. Chị em nhà cô, thế nào sau này cũng khá.

Đến đây thì cô Tú khóc lên thành tiếng. Cụ Hồ nói tiếp:

- Ngày mai, tôi xuống thăm lại cái kiểu đất ở Đồng Cồn. Xong rồi tôi xuôi luôn Hà Nội. Tháng sau, tôi sẽ về qua đây, để chỉ bảo cách xoay lại ngôi mộ... Cô đừng nên vội nói đến chuyện tạ ơn. Còn về lâu dài. Đáng lẽ bộ chén ngọc đó tôi không nhận đâu. Lấy những cái gì là gia bảo của người làm của mình là một cái tội. Nhưng vì nghĩ rằng, trong lúc chị em cô còn nhỏ tuổi, chưa chắc đã giữ nổi, thiếu gì kẻ dòm ngó. Thôi tôi cũng giữ hộ cô và cậu. Độ mười năm sau, lúc đất có thể phát được rồi, tôi sẽ trở lại đây. Lúc bấy giờ mới là lúc cô Tú nên nói đến việc đền công ơn. Lúc bấy giờ tôi sẽ trả lại cô Tú và cậu Chiêu bộ chén ngọc liệu. Cụ Án nhà lúc sinh thời quý nó lắm. Đi lại với cụ luôn luôn, mà cụ Án nhà chỉ mang chén ra dùng với tôi có hai lần. Nếu tôi không sống được đến ngày đó, mấy đứa con tôi sẽ đưa chén ngọc đến làm của tin để nhờ cô Tú giùm giúp cho chúng. Cái đức mà tôi xem chừng cũng bạc thế thôi. Có lẽ đến đời con tôi là không còn gì nữa. Cô Tú và cậu Chiêu nhớ hộ tôi câu nói chí tình này.

Cô Tú vờ đứng dậy, vừa sụt sùi, vừa xếp hành lý cho cụ Hồ mai xuôi sớm. Trong cái tráp sơn đen, cô đã chèn nhiều giấy bản vào kẽ tráp để chén khỏi va đụng lúc đi đường. Rồi cô xếp luôn cả quả bầu nậm vỏ đã khô và ruột đã tộp lại. Quả bầu mới hạ khỏi giàn được mấy bữa nay.

Hai chiếc cáng đi từ sớm, qua đò sông Hát, đã gác đầu đòn lên mấy cái trấu cáng cắm sẵn ở trước một cái quán nước chỗ Trạm Trôi. Cậu Chiêu vội mời cụ Hồ vào quán nghỉ và tay cậu vẫn khư khư cái la bàn có vẽ bát quái đồ của ông thầy Tàu.

Mấy người bộ hành có vẻ học trò nghèo, ngồi ăn bánh ở quán, đang đối nhau đối một vế câu đối mà một người vừa tức cảnh nghĩ: "Ngồi nghỉ Trạm Trôi ăn bánh trôi". Ông cụ Hồ xòe cây quạt thước, quạt quạt và bảo cậu Chiêu soát lại quân còn lại của ván cờ tướng đã đến lúc gần tàn cục. Từ sớm tới giờ, muốn quên cái đặng đặng của mấy thoi trạm trên đường xứ Đoài. Ông cụ Hồ và cậu Chiêu đã đánh với nhau mấy ván cờ không có quân đi, không có bàn bày. Họ đã đánh cờ bằng miệng chứ không phải bằng tay đựng quân. Khi mỗi người đi một nước thêm cho ván cờ tướng, họ lại vén cái rèm cáng, ngھn cổ ra ngoài nói chỗ sang cái cáng đồng hành đi ngang hàng.

- Xa cửu bình bát.

- Tốt thất tiến nhất.

Bây giờ ngồi soát lại quân của mỗi người, thì cụ Hồ còn một xe và hai pháo. Và cậu Chiêu còn hai tốt đã sang hà và một ngựa một pháo. Hai bên sĩ tượng đều song toàn.

- Cậu rồi ngày sau khá. Cứ một cái lối đánh cờ của cậu cũng thấy được một phần cái tương lai của cậu. Nhiều nước cờ bắt bóng, chiếu rử, có vẻ tài tử lắm. Tôi nghiệm ra cậu không hay rình chiếu bí. Đáng để ý nhất trong lối xuất quân, là cậu đánh mấy ván đều vào pháo đầu cả. Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đẩy. Rồi cậu cứ nghiệm mà xem, trong mười kẻ tầm thường, nhút nhát, không khoáng đạt là có đến chín người ghềnh tượng ở nước đầu.

Cái xóm hàng quán chỗ Trạm Trôi đã lùi lại trong nắng lòa của trời hè. Hai chiếc cáng vẫn nhấp nhô xuôi về phía phủ Hoài.

Gần đến phủ Hoài thì xong một ván cờ nữa. Cậu Chiêu thua, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Cụ Hồ thì nghiêm trang:

- Cậu thua vì đã khinh thường con tốt biên của tôi và để nó lọt qua hà. Rồi lại cho nó nhập vào cung. Một con tốt lọt qua sông là cái giá trị nó bằng nửa sức con xe rồi. Ở đời không nên khinh thường cái gì. Con tốt mà sang hà, tức là đưa tiểu nhân lúc đã đắc thế. Tha hồ mà phá phách. Mạng nó đổi lấy quân nào nó cũng lấy làm sở nguyện rồi kia mà.

Cậu Chiêu cười xòa, cụ Hồ mệt mỏi chớp giắc. Cánh vẫn song song trên đường dài.

Con đường xứ Đoài, cát bụi nhiều quá. Được một thôi nữa, bỗng cụ Hồ hỏi sang bên chiếc võng gai cậu Chiêu:

- Cậu thường có hay đánh cờ đất không? Cờ đất khó hơn cờ bàn; phải tinh lắm mới đánh nổi. Để tới vụ xuân sang năm, tôi sẽ rủ cậu lên Hưng Hóa đấu cờ với một người bạn gái bằng trạc tuổi cậu. Cô ta khiến đôi ngựa rất nhanh, và có cái nước mã ngoạ tào lạ lắm. Mà cưỡi ngựa cũng rất tài.

Trời vẫn nắng như rang.

- Thế chốc nữa, ở làng Vòng cậu lại ngược ngay về Sơn, thì mãi đến hết canh một mới tới nhà đấy nhỉ?

- Dạ thưa cụ, có lẽ đêm nay chúng tôi phải nghỉ đêm ở làng Nhõn. Chị tôi dặn lúc về thì tiện đường rẽ qua vào đấy thăm ông Cử Hai và nhân tiện đòi bộ Lữ hành thi tập của thầy tôi làm hồi theo đoàn sứ qua Bắc Kinh.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Hương Cuội

Đứa cháu đích tôn và đứa cháu ngoại đang loay hoay ngoài sân với những đồ đồng ngũ sự lồng chổng trên đám trấu và tro dầm nước.

Ông chúng, cụ Kép làng Mọc, cũng đang loay hoay với mấy chục chậu lan xếp thành hàng dưới giàn hoa lý.

Trái với thời tiết, buổi chiều cuối năm gió nồm thổi nhiều.

Cơn gió nồm thổi nhẹ, như muốn nhạo cái ông già kia mặc cả một tấm áo trấn thủ bằng lông cừu trắng. Trời nồm nực, bức đến tấm nước lã được, ông cụ Kép mặc áo lông cừu xứ Bắc, ý chừng muốn phô cái phú quý phong lưu của nhà mình. Không, đấy chỉ là một thói quen của cụ Kép. Mỗi khi cụ ra thăm vườn cảnh, trong một năm, trừ những ngày hạ ra không kể còn thì lúc nào cũng khoác tấm áo da cừu. Mùa xuân, mùa thu, khí hậu ấm, áo mở khuy. Sang đến đông tiết, cụ cài hết một hàng khuy nơi áo, thế là vừa. Trong cái vườn cây nhỏ, trong đám cỏ cây xanh rờn, những buổi sớm tinh mơ và những buổi chiều tàn nắng, người ta thường thấy một ông già lông mày bạc, tóc bạc, râu bạc, mặc áo lông trắng, lom khom tía những lá úa trong đám lá xanh. Cụ Kép nguyện đem cái quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý.

Buổi chiều ba mươi Tết năm nay, cả một cái gia đình cũ kỹ nhà cụ Kép đang tới tấp dọn dẹp để ăn Tết.

Mợ Ấm cả, mợ Ấm hai ngồi lau lá dong chăm chỉ. Thỉnh thoảng họ ngừng tay, để hỏi nhau xem còn thiếu những thực phẩm gì trong cái mâm cơm cúng chiều nay. Lũ con đàn, bi bô ở ngoài sân. Chúng đang đánh bóng ở ngoài sân những lư, đỉnh, cây đèn nến bằng đồng mắt cua và bằng thiếc Sông Ngâu. Chốc chốc, lũ trẻ lại mỉm cười, nghe những cái đầu thừa thớt ít sợi tóc tơ, nhìn vào phía trong nhà cầu, hỏi mẹ chúng:

- Bao giờ cậu mới về, hả mợ?

Không biết nên trả lời con trẻ thế nào cho tiện, mợ Ấm cả đưa mắt cho mợ Ấm hai.

Ông Ấm cả và ông Ấm hai, đi làm việc Tây ở tận xa chưa thấy về ăn Tết. Cứ lời những người trong làng có người nhà đi làm việc nhà nước thì được nghỉ những từ chiều hai mươi chín kia mà. Muốn được khuây nổi mong, hai chị em dâu, người đã đứng tuổi, càng thái đồ nấu cỗ cho thực nhanh. Gồm, những miếng trứng trắng để bày mặt cỗ bát, thái hình miếng trám, sao mà đẹp thế. Đứng bên cạnh mẹ, đứa nhỏ nhất trong đàn con đã thủ thỉ van nài mợ Ấm hai:

- Mợ cho con cái miếng mụi cắt hồng kia nhá!

Người mẹ không nghỉ tay làm việc trên tấm thớt, lừ mắt nhìn con. Thằng bé vội chạy ra ngoài, sấn đến cạnh cụ Kép:

- Ông đang làm gì thế hở ông?

- Ấy chết, cháu đừng mó vào hoa của ông. Ông đang thăm xem đúng hôm nào thì hoa của ông nở đủ.

- Ông cho cháu một cái... Cháu xin ông cái lá gậy kia nhá.

- Cháu không nghịch được những thứ này. Thôi, đi lên trên nhà với ông. Mợ cháu mà trông thấy cháu ra nghịch cây của ông thì cháu lại phải

đòn bây giờ.

Nhớ đến trận đòn phất trần hôm nọ, vì trót nghịch gây mất dò lan của ông nội, thằng bé mặt phụng phịu và hai tay đánh đai vào mình ông già, kéo trữu cả tấm áo lông cừu. Nó làm nũng ông và quăn quít lấy ông, mong ông sẽ che chở cho, nếu mẹ nó nom thấy nó ra nghịch chậu cây cấm.

Cụ Kép cười khà. Rồi cụ lại vạch từng gốc dò lan, xem xét tỉ mỉ đến màng hoa, đến dò hoa và thân lá. Hết chậu này đến chậu khác.

Tưởng chừng như cháu mình cũng là một người biết đến chuyện chơi cây, hiểu đến thời tiết trong một năm, có đủ những kinh nghiệm, thói tục và thông minh của người lớn, ông già đã nói với cháu bé:

- Tự nhiên, cuối năm lại nổi gió nồm. Cháu có thấy bực mình không? Ông tiếc cho mấy chục chậu lan của ông quá. Nở hết thôi!

Đứa cháu không hiểu đến ý nghĩa của câu than phiền của ông, ngừng bộ mặt ngây thơ lên, hỏi hai ba lần:

- Hoa sắp nở, sao lại tiếc hở ông?

Cụ Kép, nhìn lại cái người bé tí hon đứng với mình trong vườn lan, thân cây không vượt khỏi cái lá lan uốn cầu vòng. Cụ Kép đãi đứa cháu ngây thơ một nụ cười rất độ lượng, mắt nhấp nháy kính tuổi:

- Nếu không có nồm thổi, thì hoa trong vườn ông còn lâu mới nở. Hoa sẽ nở nhằm ngày rằm tháng giêng. Đúng vào ngày Tết Nguyên Tiêu. Ông cháu chúng ta sẽ có hoa mà thưởng xuân, cháu đã hiểu chưa. Bây giờ cháu chạy vào gọi bố già ra đây cho ông bảo.

- Bố già đi ra bờ ao rửa đá cuội từ ban trưa kia

ông ạ.

Phải, phía cầu ao trong vườn cụ Kép, một người lão bộc, đang lom khom dứng rổ đá xuống nước ao và sàng sảy đồ đá như kiểu người sàng mẹt gạo. Tiếng đá bị tung lên, đập vào nhau kêu xào xạo, khiến lũ cò trắng nghỉ chân trên lũy tre vội bay mất. Bõ già nghỉ tay, nhìn đàn cò sợ hãi bay cao, với nét cười của một người chịu vui sống trong sự an phận.

Bõ ở với cụ Kép đã lâu lắm. Cái hồi cụ Kép còn là một thầy Khóa sinh hai mươi tuổi, bã già đã nếm cơm ở cửa nhà này rồi. Chính bã vác lều chõng cho cụ đi thi tú tài. Những việc nhớn việc nhỏ trong nhà, bã đều nhớ hết. Bõ nhớ cả đến ngày giỗ giúi trong họ. Không có bã nhắc nhóm có lẽ nhiều lần mợ Ấm cả đã bỏ mất ngày giỗ. Bõ già hình như chỉ trải cuộc sống của mình để hàng năm, nhắc nhóm đến những ngày giỗ trọng và giỗ giúi của gia đình người khác.

- Thừa mợ, đến mười sáu tháng tư này lại là ngày chính kỵ cụ ngoại... Thừa mợ...

Mợ Ấm cả, muốn tỏ sự cảm ơn, kín đáo đãi bã già một miếng trầu kèm miếng cau tươi mềm. Trong cái gia đình yên lặng này, bã già được thiện cảm của mọi người, không phải vì ỏn thót mà chính vì lòng thẳng thắn. Lắm lúc trông tội nghiệp lạ. Bõ tính toán, xếp đặt việc nhà chủ y như một kẻ có quyền lợi dính dấp vào đấy. Cái hoài bão to lớn của bã, là lúc trăm tuổi nằm xuống sao được có một cái "áo" gỗ vàng tâm thật dày.

Ở đây, không ai nữ nói nặng bã. Và, đến những việc nặng, mọi người đều tránh cho bã già. Công việc thường trong một ngày, có nhiều hôm chỉ thu vào việc chuyên trà tàu và thay bã điều cho cụ Kép. Thậm chí trong những ngày cuối năm bận rộn như hôm nay, mà bã già cũng không phải mó tay vào việc gì cả. Làm lợn gói giò chả, vo gạo, đồ đậu xanh làm bánh chưng, làm đèn dầu, lau bàn thờ, nhất nhất không việc gì phải qua tay bã. Mãi đến quá trưa hôm ba mươi Tết, cụ Kép mới bảo bã già đi rửa mấy trăm hòn đá cuội trắng. Nghe thấy bã già nhận lấy cái việc ngộ nghĩnh đó, cả

nhà đều cười. Thứ nhất là lũ trẻ con. Cụ Kép vẫn nghiêm trang dặn người đầy tớ già:

- Bỏ đem đá ra bờ ao rửa cho sạch. Lấy bẹ dừa mà kỳ cho nhẵn, cho trắng tinh ra. Xong rồi, lựa những viên đá tròn bỏ vào một rổ. Những viên đá xù xì, không tròn trĩnh, để ra một rổ khác.

Bỏ già tỏ ý hiểu.

- Thừa cụ con biết rồi. Cụ lại sắp cho dọn một bữa rượu "Thạch lan hương". Nhưng sao năm nay, lại soạn đá sớm quá? Thừa cụ, con nhớ mọi năm cứ hạ cây nêu xong rồi mới đem cuội ra ngâm kia mà...

- Thế bỏ không thấy giời đổi gió nồm đấy à? Thế bỏ không biết năm nay hoa nở sớm hơn mọi năm sao? Tôi đã cho ngâm thóc để lấy mầm lúa nấu kẹo mạch nha từ mấy hôm nay rồi.

Bỏ già gật gật...

Cụ Kép là người thích uống rượu ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rồi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đấy tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một anh nhà nho sống vào giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng cho thân thế, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng, nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi lấy cái chí thành chí tình ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng kia. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuôn hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đây chúng ra mưa nắng

với thờ ơ, chúng trở bông không biết đến, chúng tàn lá cũng không hay, thì chơi hoa làm gì cho thêm tội.

Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách chơi cây cảnh, cụ Kép mới gây lấy một vườn lan nho nhỏ. Giống lan gì cũng có một vài chậu. Tiểu kiều, Đại kiều, Nhất điểm, Loạn điểm, Yên tử, v.v... Chỉ trừ có giống lan Bạch ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan Bạch ngọc giá đắt mỗi dò mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một buổi uống trà đêm, cụ Kép nói với một người bạn đến hỏi cụ cách thức trồng cây vườn hoa:

- Tôi tự biết không chăm được lan Bạch ngọc. Công phu lắm, ông ạ. Gió mạnh là gãy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hột là nẫu cánh. Bạch ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy yếu lắm. Chăm như chăm con mọn vậy. Chiều chuộng quá như con cầu tự. Lầm lỡ một chút là chúng đi ngay. Những quý vật ấy không chịu ở lâu bền với người ta. Lan Bạch ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn các tiểu thư thì phải hơn.

Thiếu hẳn loài Bạch ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan, Trần mộng. Giống này khỏe, đen, hoa và dò đầy, hoa có khi đậu được đến nửa tháng và trong mười ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lụi.

Chiều hôm nay, hoa Mặc lan chớm nở.

Chiều mai, mừng một Tết, hoa Mặc lan mãn khai đầy vườn.

Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sùng sục, bố già đang chăm chú canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép dặn bố già phải cẩn thận xem lửa kẹo lơ dềnh một chút là khô mất nồi kẹo.

Hai ông Ấm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gần đấy, phất giấy vào những nan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang

ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ trình trọng ngồi dán hồ, vuốt giấy. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:

- Này cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu. Con chạy ra, lấy cái que đo lại lợi chậu xem. Nếu rộng thì hỏng hết. Đo lợi mấy chậu Mặc lan thôi.

Hai ông Ấm, ngồi phất được mười cái lồng bàn giấy. Họ rất sung sướng vì họ tin đã làm toại nguyện được sở thích của cha già. Cụ Kép co ro chạy từ nồi kẹo mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã ráo nước thì cụ ngồi xồm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông Ấm cả, ông Ấm hai lễ mễ bưng những chậu Mặc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, xù xì trải xuống mặt đất những chậu lan gần nở. Mỗi lần có một người đụng mạnh vào dò lan đen, cụ Kép lại xuýt xoa như có người châm kim vào da thịt mình.

Nồi kẹo đã nấu xong nhưng phải đợi đến gần cuối canh hai kẹo mới nguội.

Bây giờ thêm được bồ già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban này ra mẹt, đem dúng đá cuội vào nồi kẹo, quần kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lòng chậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa.

Úp xong lồng bàn giấy lên mười chậu Mặc lan thì vừa cúng giao thừa.

Ba ông con, khăn lượt áo thắm lạy trước bàn thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lành.

Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bồ già ở nhà phải sửa soạn cho đủ để đến quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa.

Bồ già đã bày ra giữa sân bốn cái đôn sứ Bát Tràng màu xanh quan lục. Trước mặt mỗi đôn, bồ già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngất nghiêng hai chậu lan còn lù lù chiếc lồng bàn úp, và một hũ rượu da lươn lớn có nút lá chuối khô. Bồ già xếp đặt trông thật lẫm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bồ già cũng phải, ít ra là một lần, bày biện bàn tiệc rượu Thạch lan hương như thế. Bồ già hôm nay lăm bắm phàn nàn với ông Ấm hai:

- Năm nay, cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đúng rằm tháng riêng mới uống. Và lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài vườn, trông vào bữa rượu hoa, đẹp lắm cậu ạ.

Ông Ấm hai vui chuyện, hỏi bồ già:

- Nay bồ già, tôi tưởng uống rượu nhắm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.

- Chết, cậu đừng nói thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhắm mặn như thịt cá đâu. Mấy vò rượu này, là rượu tắm đấy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rỏ ra ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát thẹn lên. Cậu đây nút lại, không có rượu bay!

Phía ngoài cổng cũi, có tiếng chó sủa vang.

Bồ già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngõ dưới. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre càng cua hay trúc đùi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bồ già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị rồi thì lom khom mở từng chiếc lồng bàn giấy một.

Một mùi hương lan bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giấy phát từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây. Bốn cụ và bồ già đánh

hơi mũi; những cặp mắt kém coi dăm dăm nhìn kỹ khoảng không trong vạt như có ý theo dõi luồng hương thơm đang thẩm nhập dần vào các lớp khí trời. Cơn gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.

- Dạ, xin rước các cụ.

Dứt tiếng cụ Kép, tất cả bốn cụ đều úp lòng bàn tay vào nhau thi lễ và giơ tay chỉ thẳng vào giữa, mời nhau ai cao tuổi xin nhấp chén trước đi. Tiệc rượu bắt đầu. Bô già kính cẩn chấp tay đứng sau lưng chủ, có vẻ cũng thèm say lắm.

- Trời lạnh chút nữa, uống Thạch lan hương mới đúng phép, chủ nhân ạ!

Đáp lời Cử Lũ, cụ Kép vuốt râu cười nói:

- Chính thế. Nhưng đệ sợ chờ được lạnh đến, thì hoa vườn nhà tàn mất. Trông kẹo mạch nha không đông, còn dính vào lớp đá lót, đệ cũng biết là không được khéo lắm. Trời nồm biết làm thế nào,

- Nay cụ Kép, kẹo đá thơm ngon đấy. Chỉ hiềm có mùi ung ủng pha vào hương lan. Chắc kẹo nấu bén nôi, khô và thêm không được đông nên mới có tạp vị nhiễm vào.

Sau mấy câu phê bình về tiệc rượu, tỏ ra mình là người biết thưởng thức những vị thanh lương đậm bạc, bốn cụ đều xoay câu chuyện sang phía thơ văn.

Cụ Tú người cùng làng với cụ Kép mở đầu câu chuyện làm thơ:

- Sớm nay, đệ đã khai bút rồi. Đệ nghĩ được một đôi câu đối. Để các cụ chữa cho mấy chữ, chiều nay sẽ viết luôn vào giấy hồng điều để xin phép dán thêm vào cổng nhà.

Ba cụ cùng cạn chén một lúc, cùng nói một lúc:

- Cụ Tú hãy cạn luôn ba chén rồi hãy đọc đôi câu đối mới. Câu đối của cụ còn ai hạch nổi chữ nào. Cụ nói gì mà khiêm tốn vậy... Chúng tôi xin nghe.

Chờ đợi cụ Tú dặng hắng lấy giọng, mỗi cụ đều bỏ cào mồm những viên kẹo mạch nha đá cuội ướp hương lan. Những nhân đá đánh vào răng kêu lách cách. Mỗi ông già đọc một đôi câu.

Rồi mỗi chén rượu ngừng là một lời thơ ngâm trong trẻo. Cứ thế cho tàn hết buổi chiều.

Mấy cụ đều khen lẫn nhau là thơ hay. Trong cái êm ấm của chiều xuân sớm, tiếng ngâm thơ quyến rũ cả đến tâm hồn một người lão bộc. Bõ già, chiều mồng một Tết tự nhiên mặt sáng tỏ hẳn lên. Cái đẹp của tiệc rượu ngâm thơ lây cả sang người bỏ.

Vò rượu vơi với chiều xuân sớm quên đi.

Những vò rượu vơi dần. Trong lòng đĩa sứ đựng nhân đá, hòn cuội cao dần lên. Bõ già đưa thêm những đĩa sứ vào bàn rượu.

Từ phía đầu làng, dội về mấy tiếng pháo lẻ loi. Lũ cháu nhỏ, nấp sau cột nhà, muốn chạy ra xin bỏ già phát cho chúng những hòn cuội đã nhắm rượu xong rồi kia.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Chữ Người Tử Tù

Nhận được phiếu trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

- Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch chính là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao? Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?

- Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhảm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. A, nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?

- Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

- Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chắc lưỡi?

- Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ phải chém những người như vậy, tôi nghĩ

mà thấy tiêng tiếc.

- Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiếng đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng thập nó đánh bạc nghe!

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhợt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngực quan bản khoắn ngời bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đấy đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngực tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiếng và mõ đều đặn thừa thớt. Lướt qua cái thăm thăm của nội cỏ đầm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân giờ không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu âm thanh phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sủ trên cây đèn nên vơi làn mực dầu. Hai ngọn bắc lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết. Viên quan coi ngục ngắc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bắc. Ba cái tim bắc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râu, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo, êm nhẹ. (1)

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất bảy dòng chưa tìm ra được.

Trong hoàn cảnh đề lao, người ra sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông Trời nhiều khi hay chơi ác, đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. "Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hẳn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biết đãi ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hẳn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu".

Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắc lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tù. Gỗ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ mồ hôi tay kẻ phải đeo đã phủ lên một nước quang như dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại xỉn lại chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo với mấy bạn đồng chí:

- Rệp cắn tôi, đỏ cả cổ lên rồi. Phải dỡ gông đi.

Sáu người đều quì cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đưa một câu:

- Các người chả phải tập nữa. Mai mốt chi đây sẽ có người sành sỏi đến dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bây giờ tha hồ mà tập. Đứng dậy không ông lại phết cho mấy hèo bây giờ.

Huấn Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thềm đá tảng đánh thuỳnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm cho nền đá xanh nhạt lấm tấm những điểm nâu đen. Cánh cổng đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề, thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tù nhân mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kính nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại:

- Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng. Xin thầy để tâm cho. Hẳn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ "Để tâm" có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mảnh khốe hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung:

- Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều lời.

Bọn lính dẫn cả ra, nhìn nhau mà không hiểu. Sáu tên tử tù có ngục nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thơ lại lễ phép nói: "Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm".

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khóa cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn:

- Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất. (1)

(2) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất sáu dòng chưa tìm ra.

Ông đã trả lời quản ngục:

- Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợi một trận lôi đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bức mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu: "Xin lĩnh ý". Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không để chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa: năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục. "Hay là hấn muốn dò đến những điều bí mật của ta?". "Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta đã ký rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận".

Trong đề lao ngày đêm cửa tử tù đợi phút cuối cùng đúng như lời thơ xưa, vẫn đặng đặng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời khuấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỗi một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dịu bớt tính nết, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho... Cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoáng, trừu tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai một đây, ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời mất.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình Bộ Thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn ông vào Kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tỉnh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự của mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói: "Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi". Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn,

đấm cửa buồng giam, hốt hơi hốt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: "Về bảo chủ người, tối nay, lúc nào lính canh trại nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đi phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ"

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng ngục tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột, phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi mắt lia lịa.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng thẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã chờ viên quản ngục đứng dậy và đỉnh đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo những bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thôi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi

thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy: Thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức châm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh"

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Một Đám Bất Đắc Dĩ

Ít bữa nay, Lý Văn buồn bực ra mặt, bỏ nhà ra đi đến hai ba hôm. Nhiều người lạ mặt đến hỏi, vợ con Lý Văn đều không biết thế nào mà trả lời. Những người khách dữ tợn ấy có khi trở lại đến hai, ba lần. Không được gặp chủ nhân, họ không lấy thế làm hậm hực. Vợ Lý Văn có hỏi gặng, họ chỉ trả lời nhiều câu nghe rất ngang tai.

- À anh em chúng tôi cũng chơi bởi như ông Lý nhà ta đây. Hễ ông Lý có về, bà nói dùm cho là có bọn Huần ở Kim Sơn ra thăm. Bá Huần, bà nhớ thế cho. Và có tin gì hay, xin ông Lý nhà cho anh em biết sớm.

Bọn Bá Huần Kim Sơn đi chưa khỏi thì lũ chó mèo ở ngoài cổng lại sủa vang lên một hồi. Lại ba bốn người nữa đến hỏi thăm ông Lý. Người nào cũng quần khăn đầu rùi, trông rất dị thường.

- Chúng tôi là người Tam Tổng. Ở nhà lâu ngày tù chân quá, nhân đi qua đây, ghé thăm ông Lý và hỏi ông xem có công việc gì đáng để anh em đỡ tay hộ không.

Bà Lý Văn chỉ biết dạ và thưa và luôn miệng mời khách ngồi chơi để cho cháu nó đi đun nước.

- Thầy cháu đi lên tỉnh vắng, -Bà Lý nói.

Mấy ông khách người hạt Tam Tổng không chịu ngồi yên một chỗ để xơi một khẩu trà. Họ cũng không chịu ngồi yên để chờ đợi ấm nước sắp

sủi. Họ chắp tay ra đằng sau lưng, lưng thường dạo quanh nhà một vòng. Đàn chó meo tha hồ sủa, mà rộ; có lúc chúng chồm vồ lên lưng khách. Khách vẫn thản nhiên để cho đàn chó nhà bà Lý gặm bấp chân. Bà Lý vừa quát lũ chó một cách vô hiệu, vừa để ý ngắm đến những bấp chân tròn trĩnh của mấy ông khách lạ. Thì ở đấy, có cần gì đợi lũ chó nhà bà Lý cắn, trên làn da chân bóng như đồng đen kia, đã loang lổ nhiều vết sẹo rất to, cái thì trắng nõn nước da non đang lên, cái thì đen thẫm màu thịt thối thâm đã lâu ngày.

Đàn chó xem chừng cũng chán mấy người lạ kia nghênh ngang trong nhà chủ mình và có ý coi cái khoảnh sân vườn này như là của họ. Trái lại với những lần khác thấy những người lạ qua đây có cầm que hay gậy tre gai với sự rụt rè kiêng nể là chúng cắn vồ và đuổi nhiều, lần này đàn chó meo, sau một hồi thị oai suông đã lảng xa mấy ông khách người Tam Tổng.

Sau một hồi "nhỏ to" ở giữa sân, họ nói chỗ vào trong nhà:

- Thế ông Lý có nói bao giờ về không?

Từ trong nhà thấp, tiếng bà Lý đưa ra:

- Dạ, thầy cháu hôm đi, không thấy dặn gì cả. Xin mời các ông vào xơi nước kéo ngội.

Ngoài sân mấy ông khách vẫn thì thầm bàn tán. Họ không trả lời mời nước của bà Lý. Trong một lúc gặt gồng, bà Lý chỉ nghe được một mẩu chuyện lúc họ nói to: "... Chả có nhẽ lão Lý lại đi đánh một tiếng bạc bất thành linh như vậy. Bao giờ lão đi, cũng có anh em mình tả phù hữu bật". Thế rồi họ kéo nhau đi, sau mấy mồi thuốc lào rít đến tụt nỏ và sau mấy câu chào hỏi kệch kỡm ngô nghê. Bên chiếc diều cày dài đến thước rưỡi ta, họ còn để lại một cái hộp tròn đựng thuốc lào. Nắp hộp làm bằng vỏ cam khô. Lúc vỏ cam còn tươi, ở trong khuôn ép, người ta đã tĩ mĩ tro lên đấy một cái mặt hồ phù.

Cai Xanh - Người khách có hộp thuốc Lào này vừa ở đây ra - Cai Xanh là một tay chơi nổi tiếng ở mấy vùng Thanh nội và Thanh ngoại. Những tay anh chị trong đám giang hồ phóng khoáng thường được biết đến tiếng Cai Xanh. Và những tay chơi chưa được gần y thì chỉ thèm muốn có một dịp nào nhập vào đảng y để được biết rõ đến nghệ thuật của một bậc đàn anh. Có mấy lần, Cai Xanh hay bàn với những người thân tín về việc Ông Thám ngoài Yên Thế.

Người ta biết đến Cai Xanh, người ta biết luôn cả những đồ vật mà Cai Xanh hay giắt luôn trong mình. Như con dao hai lưỡi, cái hộp thuốc Lào v.v... Con dao hai lưỡi ấy, ít khi Cai Xanh phải dùng đến. Khi đã dùng đến thì thế nào cũng có chuyện. Trong những phút rất nguy nan, phải giết kẻ khác để gỡ lấy mạng mình, chưa bao giờ Cai Xanh chịu phóng dao và bỏ dao lại trên chiến địa. Hóa cho nên con dao đó, sau những khi cắm ngập vào thớ thịt còn nóng hổi dòng máu của bao nhiêu tử thi, dao đó lại trở lại nằm trong hầu bao của Cai Xanh. Chung quanh con dao thép sáng ngời, một huyền sử đã bao trùm, cũng như một huyền sử khác đã chạy chung quanh cái hộp đựng thuốc Lào của Cai Xanh.

Những lúc nhàn tản, không dự một đám cướp to nào, những lúc nhờ độ đường không có tiền trả những hàng quán hẻo lánh trên đường Thanh nội Thanh ngoại, Cai Xanh đã lẽ phép nói với bao nhiêu là nhà hàng:

- Tôi lỡ quên không giắt theo tiền trong người, nhà hàng cho tôi gửi tạm vật này làm tin, mai mốt tôi sẽ cho người nhà tới chuộc nó về.

"Nó" đây là cái hộp thuốc Lào ở trên nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù. Những chủ quán ở rải rác đường Điền Hộ phần nhiều cũng là đầu trộm đuôi cướp cả. Khi nào họ không đi ăn cướp được thì họ là người lương thiện, mỗi ngày rót vào bát đàn vài lượt nước trà xanh nóng hổi cho người đi đường giải khát. Họ vừa rót nước, vừa nheo cặp mắt lại như muốn đến tách bạch ra từng đồng tiền trong tay nải khách qua đường nghỉ chân. Không biết ai đã nói chuyện cho họ nghe từ bao giờ về cái hộp thuốc Lào

của Cai Xanh mà mỗi lần thấy người khách ngang tàng kia gửi vật mọn đó làm tín thay cho món tiền thiếu, chủ quán nào cũng đều xoa tay, không dám nhận: "Dạ không dám. Khi nào ông anh sẵn thì cho đàn em xin. Cái đó có là bao mà dám phiền lòng ông anh".

Hôm nay, cùng một vài bạn lợi hại đến thăm Lý Văn mà không gặp, Cai Xanh có ý vờ bỏ quên lại hộp thuốc Lào, để nhắc cho chủ nhân biết y đến không phải là chuyện phiếm và khi nào về nhà, chủ nhân nên triệu y đến ngay. Vì có việc cần phải bàn. Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc Lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để "đánh một tiếng bạc lớn" nghĩa là cướp một đám to.

Thế mà, không hiểu rõ một tí gì, bà Lý cứ phàn nàn cho mấy ông khách Tam Tổng đến chơi đã không được gặp chồng mình lại còn bỏ quên đồ vật. Xa xôi hàng mấy ngày đường, đến bao giờ các ông ấy mới lại trở lại đây để nhận vật bỏ quên. Mà bây giờ các ông ấy đi hẵn đã xa lắm, biết đuổi theo thế nào cho kịp.

Một ngày nữa lại hết.

Vào một sớm thứ hai, một thôi tiếng chó sủa vang ngoài cổng, mở đầu cho cái ồn ào hàng ngày trong gia đình nhà Lý Văn. Bà Lý ngừng tay dưới bếp, đã tưởng chồng mình về. Té ra chỉ là một ông khách lạ mặt nữa, đến hỏi thăm chồng với sự nóng nảy của một người quen vội vàng. Y tỏ vẻ thất vọng, xin đi ngay. Bà Lý muốn ông khách hấp tấp kia cho mình biết tên. Khách cười. Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy, nẻ ra hai đường răng trắng nhớn.

Ông khách chạy vội ra phía đầu chái nhà, vợ lấy cái mai dưng ở tường, móc túi lấy con dao găm, khắc vào cán mai một đường tròn đều như tiện, trao mai cho bà Lý:

- Bà cứ đưa cán mai này cho ông Lý nhà, tự khắc ông sẽ biết. Độ chiều mai tôi lại sang chơi.

Bà Lý Văn cũng chỉ biết vâng dạ cho qua chuyện. Từ ngày bà làm bạn cùng ông Lý Văn, đến bây giờ đã mấy mụn con, bà chưa từng được biết chồng bà có những người bạn lạ lùng như thế bao giờ.

Lý Văn đã về. Không kịp bỏ quần áo, Lý Văn đã nằm ềnh ra giữa phản.

Từ chối hết cả những lời mời mọc ân cần của vợ hỏi ăn cơm hay là ăn cháo, hay là dọn rượu, Lý Văn chỉ nằm ngửa mặt nhìn thượng lương nhà, tay trái vất lên trán. Trên mặt y, chốc chốc những đường gân lại dần dúm lại vì giày vò của suy nghĩ.

Bà Lý mon men lại gần chồng.

- Mấy hôm thầy nó đi vắng, có đến dăm bảy ông khách lạ đến hỏi thăm. Các ông ấy đều không nói tên. Có một ông khắc cái gì vào cán mai này và dặn đưa ngay cho thầy nó xem.

Bà đưa cho chồng cái cán mai có tiện một nấc ở đầu cán.

- A, Phó Kinh! Thế người ta đến đây từ bao giờ?

- Sáng qua. Theo lời ông ta hẹn, có lẽ chiều nay ông ta trở lại đây.

Lý Văn tự nói một mình: "Mình đang tìm Phó Kinh. Thôi, được rồi, có cây "bút chì" này giúp sức, ta không lo gì nữa".

Bỗng Lý Văn ngồi nhóm dậy. Y vừa nhìn thấy ở mép bàn thờ cái hộp đựng thuốc Lào con con. Y vội quờ lấy cái hộp in mặt hổ phù.

- Ấy, của cái bọn ông khách gì nói là người vùng Tam Tổng đấy. Ông ta lúc đi bỏ quên. Tôi bận trẻ không kịp chạy theo để trao trả cho ông ta.

Lý Văn không để ý đến nhờ vợ, ngắm nghía hộp thuốc Lào Sung Sướng, lim dim mắt, nói như người mơ ngủ: "Cai Xanh!" "Tiếng bạc" này, thế nào cũng ăn to. Một cây "bút chì" của Phó Kinh và một cái lá chắn của Cai Xanh, thế nào đám này cũng lọt. Chắc thế nào Phó Kinh cũng tới tìm Cai Xanh. Và có lẽ đã gặp nhau ở giữa đường rồi cũng nên. Tất thế nào chiều nay hai người cũng có mặt ở đây một lúc.

Thế là Lý Văn đã truyền cho vợ đi lấy độ chục chai rượu ngon và quát tháo người nhà bắc ngay nước sôi để làm lợn. Bà Lý Văn chỉ biết làm theo. Từ những ngày nào, trong cái gia đình này, mỗi một lời nói to của ông Lý là một mệnh lệnh. Một mặt, người nhà chộc tiết lợn, tiếng con vật bị đâm dao bầu vào cuống họng kêu eng éc. Một mặt bà Lý đi ra đầu làng để liệu xong cái khoản rượu.

Lý Văn chạy tới tập như một kẻ chức sắc gặp ngày phải đương cai. Ngồi ở nhà được một chút, y nghĩ thêm được một điều gì, y lại vụt chạy đi rất lâu. Y chạy đi chạy về như thế, tính ra đã được ba lần. Đến lần thứ tư thì y dắt luôn đến năm sáu người cùng về, trong đó có cả Cai Xanh và Phó Kinh.

Người ta nói cười oang oang. Lý Văn vào nhà trước, trải vội chiếc chiếu cạp điều phủ mặt ván ngựa.

- Mời các chú vào trong này.

Cả bọn kéo lên giường sau khi rửa chân cạn, hai bàn chân bẩn vỗ vào nhau mười lượt. Cũng như từ bao giờ, bà Lý đã lẫn đi đâu mất. Ông Lý đã dặn vợ hễ khi nào ông có đông bạn lạ đến uống rượu thì bà nên vắng nhà. Vì thế, dọn rượu xong, lần nào bà cũng đi biệt.

Người ta ngồi vào mâm rượu với sự uể oải của người không đói ăn, với sự nghiêm trọng của một người biết trước bữa rượu này là khơi mào

cho một việc quan hệ cần phải giải quyết trong hơi men nồng. Thực khách đều giữ một vẻ mặt bí mật.

Trong số mười chai rượu, thì đến bốn năm cái đã là vỏ thủy tinh không. Chiếc mâm đồng thớt rười có lót lá chuối tươi, đựng thịt thủ thái dĩa đầy tú hụ lên thớt, lòng mâm thịt đã vơi đến một phần ba. Một vài người dặng hắng. Đôi ba kẻ vờ sẵn những mồi thuốc lào, mắt nhìn trừng trừng vào người đang rít điệu cày. Lý Văn khạc mạnh. Y giả vờ gọi đầy tớ thực to. Không có đứa nào thừa, y tùm tùm:

- Thừa các quan, nhà vắng cả, xin các quan bàn qua lại việc đó. Rồi để phân phát công việc cho anh em và định ngày làm.

- Còn định gì nữa, Cai Xanh ngắt câu chuyện. Nếu có làm thì làm ngay đêm nay đi. Nhân thể đêm nay lại tối trời. "Tiếng bạc" này, em xin thừa để bác Lý biết: nếu đêm nay không mở ngay đi thì "tiếng bạc" đến vờ mất.

- Cũng được. Vậy thì anh em cắt và nhận công việc luôn đi, Phó Kinh bây giờ mới lên tiếng.

- Cứ như lệ cũ mà theo, vờ vờ cắt đặt lại làm chi cho thêm phiền ra. Thì cũng lại cầm lá chắn là anh Cai và đánh "bút chì" là em chứ còn ai vào đây. Nếu có neo người thì anh Lý nhà đỡ cho một cây "bút chùng" kèm sát bên cạnh em cho em vững tay ở những con đường độc đạo. Còn các chú nó đây- Phó Kinh xòe tay chỉ mấy người ngồi ăn từ nãy chưa nói gì - thì chia nhau ra mà đỡ lấy việc vặt như thả chông, bật hồng, vôn vôn. Còn thì mới đến người ngoài. Các ông anh nghe đàn em bàn thế đã tạm ổn chưa?

Phó Kinh tu một hớp rượu đánh ực. Cả bọn đều nhao nhao:

- Thôi, thông lắm rồi. Vậy thì nhất định đêm nay hết trống canh hai bắt đầu cất quân. Sang đúng đất bên ấy, vừa vào giữa canh ba.

Cả bọn đều một loạt đánh ngã vài chai lớn nữa. Rồi trong không khí ồn ào, người ta đọc đi đọc lại cái câu: "Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi". Cả bọn đều lấy làm thưởng thức câu đó và mỗi người đều tự đặt ngay mình vào địa vị người dám nghĩ dám làm. Nghèo, cực, khải. Lấy chỗ tiền bạc của bọn bất nghĩa, đem chia cho anh em khác nghèo như mình.

Phó Kinh đã nóng mặt, xắn tay áo, ngồi chửi đồng (1):

- Này phải biết, một cây "bút chì" của em, em dám chấp cả một ấp người chúng nó.

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất ba dòng chưa tìm ra được.

Nói xong, Phó Kinh nhảy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo cuộn dây thừng quấn trong người thay thắt lưng, buộc một đầu mỗi dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hông nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ủa theo Phó Kinh ra mặt sau nhà, đứng một loạt đối diện với bụi chuối tiêu phất phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kinh cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái y nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai, nói to: "Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái".

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh roạt. Và Phó Kinh đang cười hề hề, cuộn vòng dây thừng vào cánh tay trái. Được giật về từ lúc nào, cái mai đã ở gọn trong hai bàn tay y.

- Bây giờ đàn anh lại xem em lấy buồng chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai xén qua cuống buồng chuối, đi quá đích, chạm cả vào đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen:

- Ngón "bút chì" của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lắm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến, thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kinh đưa cho mình cây "bút chì", buộc thông lọng múi dây vào cổ tay trái và bảo: "Chú nào ném hộ anh hòn đất đi!"

Tiếng hòn đất đùng đắt kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lười mai ở tay Lý Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gãy mất hai chân. Vết thương gọn gàng vừa đúng quầng đầu gối và cặp giò chưa lìa hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi làn da hoen máu.

Lý Văn gác mai, nói với tất cả bọn:

- Nếu mình ném mạnh tay quá và không biết tính sức đi của "bút chì" là nát mất gà. Các chú không phải đánh tiếng bạc vào sinh ra tử, các chú không biết, chứ đòn "bút chì" khó khiến lắm. Và một cây "bút chì" ngang tàng như thế mà lại phải lụy một cành tre đấy. Chú nào hay xử cây "bút chì", ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá "bút chì". Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy thì đầu người rụng cứ như sung.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Chén Trà Sương

Trời rét quá. Không kể tiểu hàn, không kể cả đến đại hàn, buổi sớm mùa đông nào, cụ Ấm cũng dậy từ lúc còn tối đất. Từ trên bàn thờ đức Thánh Quan, cụ nhắc cây đèn để xuống. Được khêu hai tim bắc nữa, cây đèn dầu sở phô thêm màu xanh lá mạ chất sứ Bát Tràng.

Trên chiếu cói cặp điều đã sờn cạnh, cụ Ấm đã bày ra đấy nào là khay trà, ống nhổ, ấm đồng và hỏa lò đất. Cái điều bát vẽ Mai Hạc kêu vang lên một hồi rất giòn rất đều. Khói thuốc缭绕 đặc sánh bao trùm lấy ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn dầu. Rồi làn khói loãng dần biến ra nhờ nhờ như làn hơi nước sủi. Sau màn khói, ẩn hiện một ông già chống nạnh bên gối xếp, cặp mắt lim dim như một nhà sư nhập định. Vẻ nghiêm trang lặng thĩnh của ông già làm ngừng cả ánh khói trắng biến động đang trôi trong không khí gian nhà gạch. Ba gian nhà, chỉ có một người thức.

Trong cảnh trời đất lờ mờ chưa đủ phân rõ phần đêm và phần ngày, ông cụ có phong thái một triết nhân ngồi tính bước đi của thời gian. Đêm đông dài không cùng. Nó mênh mông và tự hết rất chậm chạp.

Gió bắc thổi qua những kẽ cánh cửa bức bàn gửi vào nơi yên lặng này mười lăm tiếng gà không nhần nhục được với tối tăm. Từ ngoài phía ngõ râm bụt lượn sát nhà gạch, dội vào những tiếng bước chân người nặng nề nhẹ. Cuộc đời hồi tỉnh lại dần dần.

Cụ Ấm phẩy quạt nan thành phạch theo nhịp nhanh chóng trước cửa hỏa lò. Hòn than tàu lép bép nổ nghe vui tai. Và làm vui cho cả mắt nữa,

những tàn lửa không có trật tự, không bị bó buộc kia còn vẽ lên một khoảng không những nét lửa ngang dọc ngoằn ngoèo. Những lúc có cháu nhỏ ngồi với mình, cụ Ấm thường hỏi chúng xem pháo hoa cải như thế có thích không.

Những hòn than tàu cháy đều, màu đỏ ửng, có những tia lửa xanh lè vờn quanh. Không khí mỗi lúc dao động càng nâng cao thêm những ngọn lửa xanh nhấp nhô. Hòn lửa rất ngon lành, trở nên một khối đỏ tươi và trong suốt như thỏi vàng thối chảy.

Thình thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khô, rất khê và rất gọn. Thế rồi hòn than sống hết một đời khoáng chất. Bây giờ hòn than chỉ còn là một điểm lửa ấm áp trong một cái vỏ tàn tro đầy và trắng xộp. Cụ Ấm vuốt lại hai mái tóc trắng, cầm thanh đóm dài đảo lộn tàn than trong hỏa lò, thăm hỏi cái hấp hối của lũ vô tri vô giác. Cụ Ấm bỏ thêm vài hòn than hoa nữa vào hỏa lò. Than hoa không nổ lép bép như than tàu; nhưng từ ruột ấm đồng nung nấu đã lâu, có tiếng thở dài của khối nước sắp biến thể. Nước đã lên tiếng để nhắc người ta nghĩ đến nó.

Cụ Ấm cũng thở đánh phù một cái, như khi người ta được gặp lại bạn cố nhân sau nhiều giây phút mong chờ.

Cụ khê nâng vuông vài tây điều phủ trên khay trà gỗ trắc có chân quỳ. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Ấm nhắc cả đĩa dầm chén tổng chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dờ tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kên càng hơn. Cụ ngắm nghía mãi chiếc ấm màu đỏ da chu, bóng không một chút gọn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất cho vào lò lửa, người thợ tàu lấy dáng ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Ấm thử mãi da lòng tay mình vào mình cái ấm độc ẩm, hình như cố tìm tòi một chút gọn trên đất nung để được sung sướng thêm hơn nữa sau khi nhận thấy cái ấm độc ẩm kia nhẵn nhụi quá.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ ấm rót thử một chút xuống đất xem thực là sôi không. Mở đầu công việc vụn vặt trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già sợ nhất cái ấm trà tàu pha hồng lúc sớm mai. Từ trên bề cao cổ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trệ, tiếng kêu lộp bộp.

Trên hỏa lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà đúng cách thức trà đạo như cụ Ấm bao giờ cũng có ít nhất là hai ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhắc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò than đỏ rực. Bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi, người ta luôn tay có một thứ nước sôi đủ độ nóng để pha một ấm trà ngon.

Nhưng có mấy khi cụ Ấm uống trà tàu nhiều đến thế. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ rồi. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám câu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy nhiều công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi. Trong ấm trà pha ngon, người ta nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lý.

Cụ Ấm sau mỗi lần nhờ gặp phải ông khách tạp, uống trà rất tục, cụ thường nói với vài bạn nhà nho:

- Có lẽ tôi phải mua ít chén đĩa ở hiệu Tây mỗi khi có mấy thầy làm việc bên Bảo Hộ tới thì đem ra mà chế nước pha sẵn trong bình tích. Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết cái thú uống trà tàu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thành kính. Tôi còn nhớ hồi nhỏ, còn là học trò quan Đốc, tôi được cái vinh dự sớm dậy, sớm nào cũng

như sớm nào, đứng hầu trà cụ Đốc, trước khi cụ giảng bài và chấm cho anh em tập quyền. Nhiều người đã ghen tị với tôi và kêu ca với cụ Đốc xin để cắt lượt học trò hầu trà, cho anh em ai nấy đều được chút vinh dự gần gũi thầy và sớm chiều được gần cái đạo của thầy. Quan Đốc mỉm cười: "Thầy già ơn các anh. Thầy nói thì các anh đừng giận: các anh không pha trà cho hợp ý thầy được đâu. Để thời giờ ấy mà học. Anh Đam - (trước kia tôi là Đờm sau sợ phạm húy nên cụ Đốc mới đổi tên đi cho) - anh Đam pha trà khéo thì thầy để cho giữ việc hầu thầy, chứ có phải thầy yêu anh Đam hơn hay là ghét các anh đâu". Bây giờ mỗi buổi trà sớm, ngồi uống một mình, tôi cứ nhớ cái tiếng ngâm của quan Đốc. Sớm nào dậy, cụ cũng ngâm một vài bài thơ. Giọng thật ấm, thật trong. Cụ hay ngâm mấy câu này:

Bán dạ tam bôi tửu

Bình minh sổ chản trà

Mỗi nhật cứ như thử,

Lương y bất đáo gia

Một buổi sớm, thấy rõ lòng thầy là vui vẻ, tôi đã mạn phép đọc để cụ Đốc chữa cho bài diễn nô:

Mai sớm một tuần trà

Canh khuya dăm chén rượu

Mỗi ngày mỗi được thế

Thầy thuốc xa nhà ta

Cụ Đốc cho là được.

Sớm nay, cụ Ấm cũng ngâm thơ. Cụ tin rằng ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động khí kỳ diệu nhất của một người

sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết ra hết ngoài những cái nặng nề trong cơ thể và để đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất. Ấu cũng là một quan niệm và một phép vệ sinh của thời cũ. Và người xưa uống trà là để giữ mình cho lành mạnh.

Thường hay vấn mình để sửa mình, cụ Ấm thường nghĩ đến cái câu nghìn xưa của thầy Tăng Tử: "Ngô nhật tam tỉnh ngô thân" vào những giờ uống trà này.

Trong nhà cụ Ấm, người ta đã ồn ào thức dậy. Cụ Ấm cũng bắt đầu ho. Chừng như hồi nãy, cụ đã tự nén hơi thở không dám ho, sợ làm đục vẩn mất cái phút bình lặng huyền bí của lúc đêm và ngày giao nhau.

Người con trưởng rón rén lại hỏi thăm sức khỏe của cha và mon men ngồi ghé vào thành chiếc sập cũ. Chàng đỡ lấy chiếc quạt, nhắc hỏa lò ra một chỗ rộng, quạt mạnh cho hết tàn than.

- Thầy uống xong rồi. Con uống thì pha mà uống. Trà còn đượm hương lắm.

Câu nói này là thừa. Vì sớm nào hai cha con ông Ấm chẳng dậy sớm để uống trà, cha bao giờ cũng uống trước hai chén và người con cả uống sau nhiều lắm đến ba chén là cùng. Sớm nay, cũng như lúc thỉnh thoảng của mọi ngày, cụ Ấm lại bắt người trưởng nam giờ tập Cổ Văn ra bình lại cả bài Trà ca của Lư Đồng. Giọng bình văn tốt quá. Điều cổ phong trúc trắc thể mà con cụ Ấm lại còn ngâm gối hạc bắt đầu đoạn cuối một câu thơ trên xuống luôn câu dưới, hơi ngâm trong và dài. Trông hai cha con uống nước mà y như là hai đôi thầy trò vào một giờ học ôn buổi sớm mai. Chuyện văn mãi về trà tàu, ông cụ Ấm lại mang luôn cả tập Vũ Trung Tùy bút giảng những đoạn công phu của Quốc Tử Giám Tế tửu Phạm Đình Hổ chiêm nghiệm và xưng tụng về trà tàu. Rồi cụ Ấm liền than tiếc đến cái mùa thu đã đi mất rồi, để sen hồ rách hết tàn rũ hết lá: "Cả ạ, thầy cho nước trà không gì thơm lành bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có ít

thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ một ấm. Hồi thầy còn ít tuổi, mỗi lúc được quan Đốc truyền cho thuyền thúng vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm, thầy cho là kỳ thú nhất trong đời một người học trò được thầy học yêu tin".

Trong gia đình cụ Ấm, hồi gần đây đã lập lại cái phong tục uống trà. Có một hồi bần bách quá, cụ Ấm đã cất hẳn bộ đồ trà vào tủ, tưởng không bao giờ được bày nó ra hăng ngày nữa. Nhưng trời kể cũng còn hậu đãi người hàn nho, thế nào năm nay nhà cụ Ấm lại được cả hai vụ.

- Này cả, con lên tỉnh mua trữ lấy ít trà Lý Tú Uyên. Năm nay ta ướp thêm vào chực chai để dành. Thủy tiên nhà, năm nay gọt những một lớp đấy. Thầy mua chung với cụ Kép xóm dưới. Độ mai kia thì dò hoa tách hết màng. Củ nào kẹp thì đem ủ trà.

- Thừa thầy, con tưởng trà cứ để nguyên hương của nó mà uống. Con thấy ông ngoại nhà không bao giờ ướp trà mới, bất cứ là với hoa thơm nào. Ông ngoại con bảo chỉ nên ướp, là lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du.

Trời rạng dần. Một chút nắng đào lóng lánh trong cái đám cây một chiếc lại một chiếc, đang rụng lá năm cũ.

Đạo mạo trong vành khăn nhiễu quần dũi, cụ Ấm đã chống gậy ra đi. Cụ quay trở lại dặn người con trưởng đang lúi húi lau bộ khay trà:

- Thầy vào trong cụ Điều để rồi cùng sang làng bên thăm con bệnh già. Con bệnh này, tổn nhiều sâm đây. Đến tối thầy mới về vì thầy phải sao tẩm thuốc sống ở bên ấy cho tiện.

CHÙA ĐÀN - VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Trên Đỉnh Non Tản

"Núi cao sông hãy còn dài

Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"

Làng Chàng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây là một khu trung du mà hai phần ba dân số làm nghề thợ mộc. Cái chàng cái đực của dân Chàng Thôn không những được người trần biết đến mà thỉnh thoảng của dăm bảy năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt to tháng tám đánh chìm hết những làng ở rải rác phía chân núi Tản Viên.

Vài năm năm một, vua Thủy lại dâng nước một lần như thế lên chân núi Tản, lên lưng chừng núi Tản, lên đến đỉnh núi Tản. Nhà cửa, trâu dê bò lợn, hoa màu bị ngâm nước cứ hằng tuần trắng một, rồi chết, rồi nẫu, rồi rửa, rồi tan theo với ngọn nước lúc rút, tiếng nước xiết réo lên như thiên binh vạn mã. Mỗi một kỳ nước trắng cuộn dâng lên vùng non Tản cao ngất trời xanh, rồi lại cuộn cuộn rút về thủy quốc, dân gian khổ hại không biết thế nào mà lường được. Có nhiều làng bị hạn nước, toàn thể sinh linh đều biệt tích. Nóc đình các làng bị nước phù sa chôn chặt, nhiều khi phải đào móc mãi mới dò được ra dấu vết cũ. Ở nhiều chỗ không ngờ tới, người ta thường còn đào thấy những hài cốt kỳ quái của loại động vật đời thạch khí. Trận hồng thủy đã đem từ những nguồn, những ngàn xa nào, biết bao con vật quái về chôn tại vùng xuôi này. Như là cái mai con dãi to bằng cả một cái giếng làng đào thấy ở cạnh cái văn chỉ hàng huyện Tùng Thiện chẳng

hạn. Còn nhiều giống xương cốt của nhiều giống thủy quái khác nữa bị dạt vào các chân đồi, vào giữa thung lũng các xóm núi, mà nước rút xuống đã ký táng vào khu vực tỉnh Đoài. Mỗi lần đào thấy dưới những lớp dày cát phù sa, dân sở tại nhìn nhau, hỏi nhau bằng cặp mắt sợ hãi. Ở khắp các vùng Vệ Đông, Nam Toàn, Thạch Bàn, Văn Mộng, đều có đào thấy như thế cả. Lắm ông già tuổi thọ đã linh trăm mà cũng chịu, kêu rằng cha ông bình sinh cũng chưa từng có nói đến những việc đào được cốt như thế.

Nhiều cái cốt khí lạ không biết thế nào mà nói. Có một lần, người Mường ở xóm Đá Chông, ngay chỗ sát rìa chân núi Tản, về vụ làm rẫy tháng xuân, đào được không biết bao nhiêu là đồng xương một loại chim to lạ quá; người ta ngờ rằng đây là những chim rừng của hoang núi Tản, những con chim ấy lúc sống có đủ da thịt lông, thì cũng phải to gấp năm sáu lần thân những con hạc gỗ thờ bên hương án các đình cổ.

Tục truyền những trận hồng thủy dữ dội tàn khốc như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen giữa vua Thủy và một vị thần trong bốn Tứ Bất tử nơi thế giới u linh: thánh Tản Viên, chúa Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử, và Phù Đổng thiên vương. Trong bốn vị này, sau chúa Liễu Hạnh hay đùa ghẹo người trần nhờ gặp phải, có người nào hay biến hóa nhiều nhất và tàng hình lẫn vào đám người trần mắt thịt, thì là thánh Tản Viên. Thánh Tản Viên đã gây thù kết oán với Tiểu Long hầu, con vua Thủy Tề. Thần núi và vị hoàng tử Nước kia đã là hai tình địch một thiên tình sử thoát phàm trong cái mơ hồ vô tận ở tít tên một chòm non xanh, ở tít tận dưới đáy một thủy cung. Hai kẻ tình thù mỗi lúc đánh ghen nhau thì muôn ngàn sinh linh đồ thần. Mỗi một kỳ đánh ghen, nước các vùng lại đổ về như thác và dâng cao mãi lên; đỉnh non Tản, muốn cho khỏi ngập dưới làn nước ghen oán, lại có dịp để ngoi lên cao thêm nữa thêm mãi. Trời, bao giờ cho nàng công chúa đẹp kia mất tích hẳn đi để Nước ấy và Núi kia được trở lại với sự yên nghỉ muôn thừa. Chứ thỉnh thoảng mà hai cái Thần ấy còn cướp phá nhau và cố chống giữ nhau thì nước còn dâng lên muôn trượng và nghìn nhà vùng xứ Đoài còn mãi mãi bị nạn lụt nước. Chính cái hạnh phúc trên non Tản và

lòng ghen của một ông hoàng tử Nước kia đã thành câu hát của người Xứ Đoài:

"Núi cao sông hãy còn dài

Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"

Trẻ con tỉnh Đoài, đến bây giờ vẫn còn hay hát. Vừa hát vừa nghe hát vừa trông lên cái chỏm non Tản: trông xa như hình một cái tán đá, non kia vôi vọi đã là cả một thế giới của bí mật, của huyền ảo.

Mỗi lần đi chủ tế lễ quốc tế xuân thu hai kỳ trong một năm ở đền thờ thánh Tản Viên, không có quan địa phương nào là không tò mò hỏi thăm đến cái bí mật của rừng cao cả.

Người ra truyền lại rằng đền thờ thành Tản có đủ ba ngôi. Đền Hạ và đền Trung thì nhiều người đã leo lên tới rồi. Nhưng vượt được cái vách đá trái núi thắt quả bông để lên cho được trên đền Thượng, chưa từng thấy có ai thuật lại việc đó. Hình như có một lần, đâu có ông phủ Quốc Oai nói chuyện một cách sợ sệt về đền Thượng với quan Đốc học Sơn Tây. Ông phủ Quốc chỉ nói mấy câu: "Đứng ở mái Nam đền Thượng mà nhìn xuống, trông được cả khói ở kinh thành Thăng Long. Thấy rõ cả cái Chợ Giời ở núi Sài. Có đứng ở đền Thượng nhòm thẳng xuống thì mới biết cái dải Đà giang là có thể hiểm. Tôi có mang trộm về được ít đá cuội và một mẫu gỗ chò. Đây Quan lớn ngài xem", thế rồi là lăn đùng ra chết. Cái viên đá cuội mà ông phủ Quốc Oai còn nắm chắc trong bàn tay giá lạnh cứng đờ, khi đập ra có một cái nhân nhỏ màu trắng nhờ nhờ tiết ra một mùi hương đượm của quả men rượu ủ trấu. Cái nhân đó vụt biến đi đâu mất. Vỏ cuội đá còn lại, đem thả vào bát nước mưa kinh niên, lấy thìa múc uống thấy say ngát vô cùng. Mảnh đá cuội vỡ, quan Đốc Sơn Tây giữ lấy, đi đâu cũng giắt trong mình. Thỉnh thoảng vắng người, quan Đốc lại thả nó vào bát nước mưa, uống có nhạt hơn trước, nhưng vẫn say và thơm. Đôi mảnh cuội về sau, vì quan Đốc phải đi theo gia quyến chạy loạn, thành ra thất lạc mất.

Muốn cho được an ủi lòng mình, quan Đốc Sơn Tây tin rằng mảnh đá hản là đã trở về với chủ nhân trên non Tản. Ngài lại càng lấy làm sợ hãi và không dám kể lại với ai việc Thần núi Tản đòi lại hòn cuội cho mượn đó. Sợ lại có cái vạ miệng phải chết tươi như ông phủ Quốc Oai ngày nọ chẳng.

Chuyện kỳ dị hòn cuội có nhân không biết vì đâu mà đồn về đến tận dân làng Chàng Thôn chuyên làm nghề thợ mộc. Bên bếp lửa, giữa những mùi thuốc lải chằm nùn rơm hút đến tụt nõ điều cày, những bác phó mộc trẻ tráng luôn miệng nói đến hòn cuội trên non cao, hỏi nhau xem ở trên cái đền Thượng núi Tản Viên có những cái gì. Họ muốn được hiểu biết. Có một điều lạ là lúc câu chuyện có đà động đến ngôi đền Thượng huyền bí thì những ông phó mộc có tuổi đều đánh trống lảng ra chuyện khác, nếu họ không lảng xa ra chỗ khác. Bọn trẻ để ý đến những cái nhìn ý tứ của đám phó mộc lớn tuổi đưa đẩy với nhau bằng mắt khi bọn đàn em nhao nhao bàn tán đoán già đoán non về những việc trên đền đức thánh Tản. Những bậc đàn anh này đã có biết một cái gì trên ấy chẳng? Sao những người tuổi tác này có vẻ khiếp sợ kín kín hờ hờ giấu giếm như thế?

Thái độ ông cụ phó Sần thì lại càng đáng nghi lắm. Ngày trước ông cụ phó Sần vui tính hay bép xép. Chỉ từ dạo cách đây đâu mười năm, ông cụ phó Sần tự nhiên bỏ làng Chàng Thôn mất đến hơn một tháng, vợ con không rõ là đi đâu. Lúc ông cụ Sần đi có mang theo đủ bào, đục, tràng, cửa, dây mực, ống mực, dây quả rọi, và chỉ nói là đi nhận làm khoán ở nơi xa lắm. Khi về thấy có rất nhiều tiền và mỗi lúc tiêu đến thì lại mang tiền thả vào vại nước, có nhiều đồng nổi lênh bênh; ông cụ nhặt những đồng chìm tiêu dần và cất những đồng nổi vào một chỗ rất kín. Từ ngày ấy vợ con và cả người mấy xóm ở làng thấy ông đổi tính đổi nết một cách nhanh chóng. Trước ông hay ngồi lê đôi mách, bép xép chuyện người rồi mang nốt cả chuyện nhà ra mà nói. Giờ thì ông dè dặt từng câu, lắm ngày vẫn vợ như bị ma ám và nhiều hôm không cạy mồm mà nói lấy nửa nhời. Và nhiễm thêm tật khạc nhổ, thăm khám nước bọt vừa nhổ và tay luôn luôn rờ lên cái cổ vốn lộ hầu.

Ông phó Sần xưa điềm đậm thì giờ hốt hoảng. Người ấy có một điều gì ngập ngừng nửa muốn nói, nửa lại thôi dăm. Bà cụ phó Sần buồn lắm. Những cháu rể hỏi trộm nhau rằng hay là lúc có tuổi, ông ngoại giờ chứng lúc sắp nằm xuống.

Cụ phó Sần là người không bao giờ biết những mơ mộng ở đời là gì cả. Thế mà từ hồi đi làm ăn một chuyến xa ấy về, ông cụ có cái phong thái của một kẻ lãng mạn vào lúc cuối đời. Ông cụ giờ chơi cây cảnh. Và bất cứ là nơi nào, hễ ai đánh tiếng cho ông biết một vườn quả nào đẹp và lạ, là ông lần mò tìm đến cho được. Có được bao nhiêu chất vui sướng còn lại trong lòng là ông cụ Sần cho nó hiện hết cả lên trên nét mặt, để rồi lúc ở vườn quả trở ra về, ông cụ lại cho mọi người được đọc vẻ thất vọng trên bộ mặt khô héo. Không, những thứ hoa và quả ở mấy thửa vườn quý báu ông vừa tới thăm không có chút gì quý lạ cả. Cũng chỉ tầm thường như mọi thứ tầm thường ở cuộc đời này. Những thứ cỏ suối hoa ngàn và quả nơi rừng cấm, có lẽ ông chỉ thấy được một lần ấy thôi. Đã lâu lắm, từ cái ngày ông cụ Sần bị bắt đi mất hơn một tháng để trùng tu lại ngôi đền Thượng trên đỉnh núi Tản Viên.

Ở trên ấy đẹp lắm. Ngày tháng thì dài, mà không thấy sốt ruột. Hoa quả lành ngọt và thơm như hết thấy những cái gì không phải là trần hủ sống gửi ở mặt đất cõi trần. Những cái êm, dịu, trong, sáng, thơm, lành trên non tiên, nếu được đem thuật lại với người làng, ông cụ Sần tin rằng sẽ có khối người đoạn tuyệt với cố hương, tìm vào ngàn cao cho được thỏa cái tai và cái mắt. Nhưng, ác cái những chuyện rừng lại không được thuật lại. Hôm hoàn thành công việc sửa đền, lúc sắp xuống núi, thần non Tản đã gọi cả hai hiệp thợ mộc và thợ ngỗ lại, đưa mỗi người nuốt một lá trúc xe điều và dặn bấy nhiêu người: "Thôi nhá, chuyện chi để đó. Các người về làm ăn dưới ấy cho yên ổn" Cái lá trúc xe điều ấy là một con dao găm, một con trúc dao có phép thuật kết quả đời kẻ nào bép xép lỡ mồm tiết lộ đến thiên cơ thần cơ. Mỗi người thợ hạ sơn là đem theo trong mình một lời đe dọa của Thần Non Cao và cả một bí mật của ngàn xanh.

Hiệp thợ ngỗ là người xa lạ các nơi tụ họp lại, một lúc xuống núi là họ phân tán ngay. Còn hiệp thợ mộc bảy người toàn là người làng Chàng Thôn. Ông cụ Sần cùng trở về làng với tất cả anh em đi chữa đền thánh Tản. Những lúc tắt lửa tối đèn hoặc họp chè họp rượu ở nơi chiếu hương ẩm, hoặc là làm mùa màng, bảy người thợ mộc đều gặp nhau luôn. Nhưng tịnh không ai hé răng cậ miệng ra nói lấy nửa lời về chuyện hơn một tháng trên non xanh. Họ nhìn nhau trừng trừng mà biết vậy, rồi lo sợ đều bằng con mắt cả. Họ đều đem nhõn tuyến ra mà chung viết lại với nhau một tập ký ức cam về hơn một tháng trùng tu ngôi đền Thượng.

Trong bọn, có Nhiêu Tàm, người xóm dưới, không biết đại mồm đại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ từ nhập ngôn xuất ra làm sao mà lăn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiêu Tàm khỏe mạnh như thế, đang vui cười mà lăn ra chết, không ai hiểu ra sao cả. Chỉ có ông cụ Sần và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sần và năm bác phó mộc đã tìm đến nhà đám đòi xem mặt cho được người bất hạnh. Nói là xem cái cổ Nhiêu Tàm thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ, có một cái nhọt bọc mả đao đang nung. Nặn nhọt ra, có một cái ngòi xanh lè, dài vừa đúng một cái lá trúc con. Ông cụ Sần và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao! Sự trừng phạt của Thần Non Tản!

Ông cụ Sần bèn xin lấy cái ngòi mả đao ấy, nói dối là đem về khảo về một môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sần đem cắm ngòi mả đao đó vào chiếc chậu sứ chỉ có một đêm thôi mà ngày hôm sau, chiếc chậu sứ đã có một cây trúc nhỏ bé khẳng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ có mỗi một lá thôi. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mồm giữ miệng cho quen đi, sau ngày đưa ma Nhiêu Tàm, cụ phó Sần thường họp mấy người thợ bạn đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhảm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngồi im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bày trước thềm nhà. Trong những ngày nồm nớp của đám thợ mộc này vừa hút đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ố với cái thú được thảnh thơi nâng chén.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que.

Đây là một lời cảnh cáo dai dẳng

Ngày tháng cứ thế mà vội dần trên lũy tre làng Chàng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy - không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả kỳ đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi trượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh - buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ đui, một ông cụ già râu tóc lông mi trắng xộp như bông, chống một cây gậy trúc đuôi gà vàng óng, khoan thai tiến vào cổng trước làng Chàng Thôn.

Trông ông cụ đỉnh đạc, cổ kính, đội cái nón cỏ giống kiểu nón tu lờ người tu hành, dân làng không hỏi căn vặn và chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sần, bước đi có đủ cái vững vàng của một người quắc thước thuộc lòng con đường đi của mình.

Ông phó Sần đang ngồi quấy nồi kê. Thấy có người tiến vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao lại ba con chó mực không sủa và lại còn quần quýt lấy chân người lạ, ông phó Sần bỏ cả nồi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cố lão thường ngự ở chiếu trên cặp điều ngoài đình, thật là chưa có cố nào đẹp lão đến như thế.

- Dạ thưa trượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều trượng nhân dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để ông Sần nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sần càng thêm ngợ. Ông cụ già chột nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bày ở thềm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ ngẩng đầu lên, vừa gặp bộ mặt ông Sần đang chăm chú nhìn xuống. Ông cụ khẽ mỉm cười. Ông phó Sần tái hắt mặt đi và sụp xuống đất sấp lạy. Thần Non Tản! Thần Non Tản bèn đỡ ông Sần dậy:

- Chỗ này không phải là nơi bày vẽ ra những nghi vệ nơi cung điện. Người đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay trong đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

- Dạ.

- Cuối trống canh tư, các người đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thoi nào tới thì cứ xuống. Ngồi một không hết thì san ra làm hai con lườn.

- Dạ.

- Đây ta để lại cho ít bạc cốm. Hễ thả vào nước những hạt mẩn nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các người. Những hạt mẩn nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các người dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Giữ sao cho không ai biết đi đâu, vợ con cũng vậy.

Nói xong câu này, Thần Non Tản, chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, một tay ngăn không cho ông cụ phó Sần sấp sụp lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ phất mạnh tay áo rộng, ra đi; mấy con chó mực vẫn không sủa lấy một tiếng nào.

Bến Gòn. Đầu trống canh tư. Sáu người thợ mộc ăn uống ở nhà no nê rồi, như lũ thợ cày đang ngồi bó gối chờ đợi trên tảng đá sống trâu trơn lạnh. Bến đò bỏ hoang đã đến mấy năm. Mấy năm nay, người hai làng bên

bờ đều lấy bến trên hoặc bến dưới mỗi lúc sang ngang thấy chợ huyện bên này và chợ phủ bên kia. Đã lâu lắm, không có một con đò nào ghé bến này. Đến cả một cái bè nửa chở muối rừng, đến cả một con đò độc mộc cũng không ngừng lại. Bến Gòn im vắng đến nỗi dòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tom, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuỷu sông bị vắn queo. Tôm. Tôm. Những trái sung nẫu lìa ngành cổ thụ. Dưới cái lờ mờ của đêm thắm, vài ba trái cây gợn vẽ lên mặt nước đặc sệt như dầu bông ít vòng tròn cùng chung một điểm trung tâm.

Chim thủ thi thủ thì đi gần mãi lại nhau. Chả còn mấy nỗi nữa, đêm sẽ tan canh. Bởi vì tiếng kêu con chim thủ thi được đã gần mãi lại chỗ có tiếng trả lời của con thủ thi cái.

Ông cụ Sần và năm người phó mộc bạn, ngồi chờ oải cả xương sống, chốc lại trở vai. Những bào, cán, chàng, cán đục va vào nhau, tiếng động rất khô rất gọn.

Nước lừ đừ dịch vài bãi nước bọt mà đám phó mộc nhõ xuống dòng nước bệnh lúc muốn đánh lừa đợi chờ.

Đêm tờ mờ đen rằm hắt lại, rồi đen ngòm, rồi đen kịt. Ở một điểm huyện cũ, trống bắt đầu chuyển canh.

Bỗng, ông cụ Sần cảm thấy một cái gì vừa loáng qua rồi vòng trở lại, rồi đứng sững hắt lại trước mặt bấy nhiêu người. Nhìn gần lại, dí sát mắt vào, thì là chiếc thuyền thoi và một... chiếc thuyền thoi nữa. Mũi hai chiếc lườn có cặp luồng hai bên mạn ghé sát vào gờ đá. Bọn ông cụ Sần lẳng lẳng bước chân xuống lườn. Lườn nhỏ quá, mỗi lườn chỉ chứa được đến bốn người là nhiều lắm. Những hai lườn, mà chỉ có một người đẩy. Người chèo lườn không nói chuyện, không nhìn bọn vừa xuống lườn, chỉ hướng thẳng vào cái thăm thẳm của đêm sông vắng đang thốc mạnh vào đầu mũi con sào. Lườn đi vút vút.

Bọn ông cụ Sần nắm tay nhau. Lườn đi trên sông song song hai chiếc, gì mà lại như đi trong cái rỗng tuếch của không gian. Lườn đi êm như trườn xuống một cái dốc ngọn thác mà lòng thác đều lót một lớp đầy rêu tơ nõn. Ban này, lườn áp bến không có một tiếng động róc rách, như là khê lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bông ải rữ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi xuyên như cắm sâu vào cái đông đặc của sương núi rạng mai.

Đến chân núi Tản Viên, thì rõ mặt người. Ô hay, người đẩy lườn lại là một người con gái. Một cô con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như chất kim, lạnh hơn cái gậy gẩy của rừng buổi sớm mai đây đặc sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh vắng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.

Cô lái và hiệp thợ mộc đã đổ bộ được một thôi đường. Con đường núi lót bằng đá tảng màu gan gà viền rêu xanh. Người ta đã phải lấy các đầu ngón chân bấm xuống mặt đá trên lối độc đạo cho vững bước đi.

Đây đã khỏi xóm Đá Chông.

Rừng Tản thấm hút không hết làn sương núi. Sương càn trên đọng gieo xuống càn dưới. Chỉ có một điệu chìm chìm tẻ tẻ. Rừng vắng và ẩm mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người thấy mình càng rời lìa cái nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ. Nguồn sống của dây mơ rợ mọc và cỏ và đá vào lúc mới có Cầu Tạo.

Đền Hạ. Rồi đền Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sần cho nơi này là tầm thường. Người xứ Đoài, ai chả từng có dịp để dấp bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những cái gì đáng mở mắt cho to mà xem kia, thì phải là lên nữa, lên trên nữa, trên đền Thượng. Thành đá đổ mồ hôi lạnh trước soai soái, giờ đã đứng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sừng

trước mặt bọn người đặng sơn. Thế này thì leo lên làm sao, hiệp thợ tự hỏi. Ông cụ Sần vốn có biết truyện Tam Quốc, thấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ cửa ngăn từng đoạn và đá tảng, mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như nước thác, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả binh đoàn cảm tử.

Cô lái đò hướng đạo quay lại. Cả hiệp thợ mộc lấy gân kìm bước lại, đứng thẳng lên, rồi ườn người hơi ngả về phía sau. Họ ngấm kỹ, không có một phút dám nghĩ đến lả lơ. Có ông Sần là nhớ đến cái Bèo ở nhà; đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ óng dánh của cô lái bây giờ không còn nữa. Cái người đoan trang ấy giờ là người đứng ra truyền một cái lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như lá mận đình hồng, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy, tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày. Người con gái đưa đường lên tiên bảo thế. Cô lái dặn sáu người phó mộc nên buộc vào lưng cho kỹ những đồ làm đem theo, nắm lấy tay nhau cho thật vững và nhắm mắt lại. Thế rồi cả đoàn người cứ thấy bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới bay vụt thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mẫn sắt bị một khối đá nam châm xa cao tít tấp hút ngược lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm mận đình hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm cơ thể bọn thợ mộc đang băng mình qua cái miết lạnh của sơn cước mỗi lúc một cao, một dầy, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng đã phi hành như thế này rồi. Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giá chuyển trước được mở mắt xem lược qua và chuyển này cũng được mở mắt mà xem kỹ lại cảnh xưa!

Cả bọn bỗng rút đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái bảo họ mở mắt ra. Đây là một khu đá bằng mặt rộng độ một mẫu mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chòm nhọn màu xanh cánh chả lại có mây trắng mây vàng đánh đai lấy. Ông cụ Sần sực nhớ lại những lúc ở dưới quê hương thần núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyển trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất mà thôi. Đã mười năm rồi còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyển này nữa, tái kiến mà vẫn như là lần đầu. Người ta càng ngỡ ngàng với non xanh. Mà thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những lời của Chủ Non Xanh:

- Sơn chủ hôm nay bận sang núi bên phó hội cờ thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai Sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh nữ Sơn chủ, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong khu vực suối, các bác được phép bắn chim bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác nhớ rằng không được đụng chạm đến một tắc cỏ, một cái lá. Thói phép trên sơn thượng này nghiêm lắm. Nhớ lấy kéo lỗ ra mà khốn đó.

Người nữ tỳ - đây là người nữ tỳ hầu cận Nữ sơn chủ - ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ ngoặt phía trái rồi đi xuống. Tiếng nước róc rách lưng đèo nghe gần mãi lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ bỗng dựng sẵn thì dòng nước suối Tịch Mịch nín bật. Nó lưng lơ trôi ồm yếu và lững lờ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần vực hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch làm ngay mấy ngụm.

Sáu người phó mộc cất đồ làm vào dưới lều.

Tính cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả nhiều nhất hai bên suối là giống hồ đào, trông như quả roi ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ màu vàng nhạt và xanh hay chín, trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ, trừ ông phó Sần, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng cái thai đứa trẻ gục đầu ngủ quên. Rớt xuống thảm cỏ, hột hồ đào hóa thành luống cúc tần có bảy lá mọc. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sần, cười như phá. Chim ngàn giết mình, bay bổng.

Người nữ tỳ đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ Sần chờ đợi một lời quở mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng sơn dương đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

- Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe. Cứ bắn lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng để bắn chim. Bắn cá thì dùng cây bạc này. Cứ bắn ra, rồi mũi tên sẽ quay lại, không bao giờ hết tên.

Ông cụ Sần cầm hai mũi tên, ngập ngừng mãi rồi mới dám nói khê:

- Thế còn ngũ cốc?

Người con gái tủm tỉm cười, chỉ ra rìa suối:

- Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cuội xanh là lúa tẻ, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội trắng là, là... Các bác muốn uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hòa vào với nước suối mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, cũng nên nếm cho biết. Nhưng lúc đã bắt tay vào việc, mỗi lúc muốn uống rượu, các bác nên trình qua Sơn chủ đã.

Mấy bác phó mặc trẻ trở mắt nhìn nhau, lấy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi, lại còn dặn thêm:

- Phía dưới lều cỏ, khe Tịch Mịch xoáy sâu vào chân đá thành một cái hầm nước rộng. Nhưng rẽ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đấy

và cá suối thường tụ ở hẻm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi lên mặt nước. Nên năng tìm đến đấy, bắt cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lấy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuân rất nhiều đá cuội, cứ từng đồng có ngọn một, mang về trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập đá bừa bọn, không cần để riêng hòn xanh hòn vàng. Mà có cái lạ, là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập rời ra, bốc bỏ mồm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi rồi. Nhân đá trắng, thả vào những gióng tre Đẳng Ngà khổng lồ đựng nước suối, đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vợi lòng tha hương.

Trong khi ấy, ông cụ Sần xách cung sừng và hai cái tên vàng bạc lần xuống chỗ Bạch đàn đàn, bắn được sáu con cá ngư hương. Lúc trở về đi qua dưới gốc cây đại cổ kính đầu cành chàng nặng nhặn như những cặp nhung hươu, thấy có chim, ông phỏ Sần bèn phóng một mũi tên vàng, dây cung kêu đánh phụt một tiếng. Rồi mũi tên lướt đi rơi qua lùm cây tóc tiên và rớt xuống cỏ thạch sương bồ bóng loáng nước sơn then. Lại cũng đủ sáu con chim xiên vào mũi tên như một que chả chim nướng cả con. Mà thực là một xiên chả. Mùi thơm ở sáu con chim sẽ đồng bị tên vàng cầm suốt, thơm phưng phức. Ông cụ Sần tháo vòng ngọc đỡ ngón tay, đeo cung lên vai, trở về lều với xâu chim chín và sâu cá cũng đã chín sẵn chung quanh cây ngân tiền.

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có chả chim ngàn, có chả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gỏi đầu lên tràng đục, đánh một giấc không biết trời đất là gì nữa. Mở mắt dậy, thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ như nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vùi lại, đỡ mấy cây gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để lại sau đuôi nào là gió, là đá rầm, đá cuội bắn tung hạt lại.

Một chốc thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho Sơn chủ dặn bảo. Đi đến cổng ngôi đền gần sọt mái, người nữ tỳ làng ra một bên. Thần Non Tản phe phẩy cây phất trần, ngăm mấy con bạch tượng cầm ngà xuống sân đền, sau mười cây gỗ dài rất thẳng. Thần Non Tản truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả dãy. Bọn thợ theo Thần vào đền.

Mấy hàng cột son, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bộ tráng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dãy cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thủy dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thủy ra, còn ai dám động đến đền Thượng? Đích cột đền là gỗ chò vầy và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thủy dâng nước lên đỡ gỗ chò vầy và đá hoa ở đền Thượng. Bây giờ Sơn chủ gọi người lên chữa.

- Tâu Chúa ngàn cao cả, cứ như kiểu đền này, kể ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư cũng được.

Thần Non Tản, đi lại trên những lỗ gạch đá thềm đình trống hổng, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu và dựng đền thành ra Thượng thực hạ hư.

- Dạ cúi thưa Chúa Ngàn cao cả, đó là cung cách của chúng tôi thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ gỗ khác nhau, chúng tôi e không đẹp. Tâu xin ngài phán xuống để anh em chúng tôi khởi công.

Thần Non Tản liền phán:

- Đền dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn gian này, có thiếu gì gỗ chò vầy và đá hoa. Ta dám chấp. Kê kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà đỡ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bảy cây gỗ chò nữa, chiều nay lũ voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch lúc nào lột cột và lát nền, sẽ có lần cho thợ ngỗa làm.

Hiệp thợ mộc vẫn tuân tự tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ nhờ như màu ngọc liệu, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tái hần lại vì khí núi âm u, thì một vài hòn ngói trên lòng trần đèn hình mai luyện lại sáng rực hần lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ Tản Viên đài ngỗa. Vào những phút này, mấy thân cây cột gỗ chò vầy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của một thứ gỗ đặc biệt. Dưới ánh lửa ngói sáng choang, cột gỗ chò nhấp nhánh lộng lẫy chớp chớp lên như vầy rồng vàng cồm chạm nổi.

Những đầu kèo vai và câu đầu, đều chạm tứ quý linh. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ. Nét chạm tỉ mỉ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở khối dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tủa hình thư kiếm, quạt và phất trần, kẻ thì gạt dáng tù và với túi roi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cầm đối nét dẻo như tung bay được.

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn theo hình Bát tiên hóa thì trời xám quá, ánh sáng ngói đèn không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho nổi hiệu khánh đá gọi đôi tê giác xanh tới đèn. Người thợ nào cần thêm ánh sáng thì con tê giác xanh lại ghé đến bên cạnh, lấy cái sừng âm rọi sáng cho đường chạm. sừng tê giác là những vệt lân hỏa sáng xanh và dịu. Nhiều con anh tước lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống tràng kê lách cách cóc cách gieo những âm thanh thô lạ và gắt vào cái êm ả của ngàn mềm. Nhiều

buổi Sơn chủ hài lòng cho phép cả hiệp thợ ngậm đá cuội mà say. Có một lần, ông cụ Sần tỉnh rượu thấy mình gối vào vôi con bạch tượng mà ngủ và vườn trắng đang bắt bồ đào đùa ném vào các người thợ bạn còn ngủ li bì. Bên hàng lệ liễu màu phấn hồng, có đến linh trăm con chim quên mỏ và lông đều tím hoa sim đang rìa vỡ những màng hoa mấy khóm phong lan đen như gỗ mun.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Chàng Thôn đã làm đến cái diềm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sò. Nghĩa là công việc chữa đền Thượng gần xong. Ông cụ phó Sần buồn buồn nghĩ đến ngày sắp phải xuống núi. Cứ ở trên này, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của Ngàn thăm thẳm kín mật, mỗi lìa rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hờ hang tí chút lại với người đời về cái thần bí trên đây xanh tươi đến ngày tận thế.

Ông cụ phó Sần rầu rầu nghĩ đến một hôm nào đây, cũng không còn xa gì đâu, Chúa Ngàn Thiêng lại đưa cho người về một cái lá trúc nhọn đầu.

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Chùa Đàn - Dừng](#)

["Tâm Sự Của Nước Độc"](#)

[Mở đầu Cuối](#)

[Vang Bóng Một Thời - Bữa Rượu Máu](#)

[Hồi Chiêng Đã Mau](#)

[Những Chiếc Ấm Đất](#)

[Thả Thơ](#)

[Đánh Thơ](#)

[Ngôi Mã Cũ](#)

[Hương Cuội](#)

[Chữ Người Tử Tù](#)

[Một Đám Bất Đặc Dĩ](#)

[Chén Trà Sương](#)

[Trên Đỉnh Non Tản](#)